

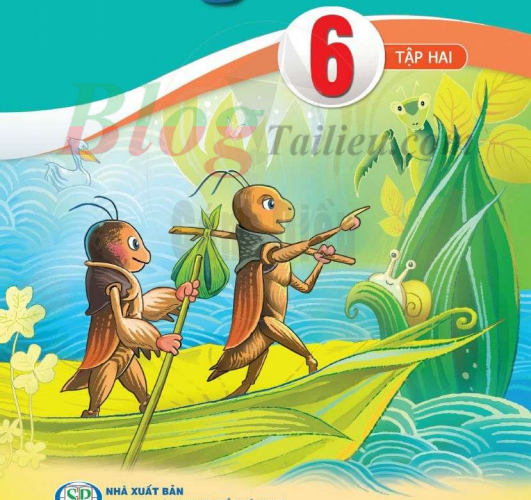


NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC
TRẦN NHỎ THÌN – TRẦN VĂN TOÀN

Ngữ văn

6

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC
TRẦN NHỎ THỊN – TRẦN VĂN TOÀN

Ngữ văn 6

TẬP HAI

*(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông
tại Quyết định số 71/S/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021)*



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**

Blog Tailieu.com

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



VĂN BẢN



CÂU HỎI



MẪU

Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, cốt truyện, người kể ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của truyện đồng thoại; truyện của Pu-skin và An-đéc-xen.
- Mở rộng được chủ ngữ trong viết và nói.
- Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.
- Trân trọng những ước mơ đẹp đẽ và cảm thông với người có số phận bất hạnh; biết ăn hận về những việc làm không đúng; không tham lam, bội bạc.

Kiến thức ngữ văn

1. Truyện đồng thoại; đề tài và chủ đề

– Truyện đồng thoại là loại truyện thường lấy loài vật làm nhân vật. Các con vật trong truyện đồng thoại được các nhà văn miêu tả, khắc hoạ như con người (gọi là nhân cách hoá).

– Đề tài là phạm vi cuộc sống được miêu tả trong văn bản. Ví dụ: Đề tài của truyện *Sự tích Hồ Gươm* là đánh giặc cứu nước.

– Chủ đề là vấn đề chính được thể hiện trong văn bản. Ví dụ: Chủ đề của truyện *Sự tích Hồ Gươm* là tinh thần yêu nước và khát vọng hoà bình của nhân dân ta.

2. Mở rộng chủ ngữ

Chủ ngữ là một trong hai thành phần chính của câu; chỉ sự vật, hiện tượng có hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở vị ngữ; trả lời cho các câu hỏi *AI?*, *Con gì?*, *Cái gì?*. Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng danh từ, đại từ. Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

Để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và biểu thị tình cảm, thái độ của người viết (người nói), chủ ngữ là danh từ thường được mở rộng thành cụm danh từ, tức là cụm từ có danh từ làm thành tố chính (trung tâm) và một hay một số thành tố phụ.

Ví dụ: Nhờ chủ ngữ (in đậm) được mở rộng mà câu “Hai **cái răng** đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.” (*Bài học đường đời đầu tiên* – Tô Hoài) có hình ảnh hơn câu “**Cái răng** lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.”.

SƠ ĐỒ MỞ RỘNG CHỦ NGỮ



lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Bài học đường đời đầu tiên^(*)

TÔ HOÀI

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Khi đọc truyện đồng thoại, các em cần chú ý:

+ Truyện kể về những sự việc gì? Đó là những sự việc chính?

+ Nhân vật trong truyện là những loài vật nào? Ai là nhân vật chính?

+ Hình dạng, tính nết của các con vật được thể hiện trong truyện vừa giống loài vật ấy, vừa giống con người ở chỗ nào?

+ Truyện muốn nhắn gửi đến người đọc bài học gì? Bài học ấy có ý nghĩa với em không? Vì sao?

– Đọc trước văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*; tìm hiểu thêm về tác giả Tô Hoài và tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí*.

– Em đã từng chơi với một chủ đề bao giờ chưa? Em biết những gì về loài động vật này?



Tô Hoài (1920 – 2014),
quê ở Hà Nội

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt. Văn bản được trích từ chương I, truyện *Đế Mèn phiêu lưu kí* (1941).

2 Đọc hiểu

①(*) Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng trẻ thanh niên cường tráng. Đôi cánh tôi mẫm⁽¹⁾ bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hùn hoắt⁽²⁾, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ⁽³⁾ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Hãy chú ý các chi tiết miêu tả Đế Mèn.(**)

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy⁽⁴⁾ các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn⁽⁵⁾ lắm. Dám cả khịa⁽⁶⁾ với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he⁽⁷⁾. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi⁽⁸⁾ thường lắm cứ chỉ ngóng cuồng là tãi ba. Tôi đã quát mấy chị Cáo Cáo ngự⁽⁹⁾ ngoài đàng bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị



(*) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn sách thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(**) Các câu gọi ý ở bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,... trong khi đọc, không cần trả lời.

(1) Mẫm: đầy đặn, mập mạp.

(2) Hùn hoắt: ngắn đến nỗi khó coi.

(3) Vũ: vốn có nghĩa là múa, ở đây có nghĩa là vỗ cánh.

(4) Dún dẩy (nhún nhảy): nhún xuống nhảy lên liên tiếp, nhịp nhàng.

(5) Tợn: bao đến mức liêu lĩnh, không biết sợ.

(6) Cả khịa: cô ý gây chuyện để cãi nhau, đánh nhau.

(7) Không ai dám ho he: không ai dám tỏ thái độ, phản ứng.

(8) Xốc nổi: háng hởi nhưng thiếu chín chắn.

(9) Ngự: ở, để làm ăn sinh sống.

phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó⁽¹⁾ lăm lăm vừa ngo ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối⁽²⁾ cũng không thể làm lại được.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời.

② Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng⁽³⁾ thế. Choắt nợ có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

Qua lời kể của Dế Mèn, em hình dung thế nào về Dế Choắt?

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn, như người cởi trần mặc áo gi-lê⁽⁴⁾. Đôi càng bé bẻo⁽⁵⁾, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẫu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy, tính nết lại ăn xổi ở thì⁽⁶⁾ (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bởi nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

③ Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà lộn tuộm, bẽ bộn, tôi bảo:

– Sao chủ mày sinh sống cầu thả quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuỉnh toảng⁽⁷⁾. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chủ chết ngay đuôi⁽⁸⁾! Này thử xem: khi chủ chui vào tổ, lưng chủ phải lồm cồm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chủ đương đi đứng chỗ nào trong tổ. Phòng thủ⁽⁹⁾ có chẳng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mỗi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chủ, thì chủ có mà đi đời! Ôi thôi, chủ mày ơi! Chủ mày có lớn mà chẳng có khôn.

(1) Gọng vó: loài côn trùng nhỏ, vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn, thân màu bùn đất, chân dài.

(2) Hối: cảm thấy tiếc và băn khoăn, day dứt vì trót làm điều làm lỗi.

(3) Trịch thượng: ra vẻ bề trên, khinh thường người khác.

(4) Gi-lê (tiếng Pháp: gilet): áo chên kiểu Âu, không tay, không cổ, ngắn đến thắt lưng, thường để mặc ngoài áo sơ mi.

(5) Bẻo bẻo: có bề ngang rộng quá mức bình thường.

(6) Ăn xổi ở thì (thành ngữ): chỉ cách sống tam bợ trước mắt cho qua ngày, không tính đến lâu dài.

(7) Tuỉnh toảng: đơn sơ, trông trải, tam bợ.

(8) Chết ngay đuôi: chết ngay đó, chết thẳng cẳng.

(9) Phòng thủ: nêu như, giả sử, giả dụ,...

Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Để Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc⁽¹⁾, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Để Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu:

– Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thờ rồi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nổi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ rỗng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm như thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

Rồi Để Choắt loanh quanh, bấn khoăn. Tôi phải bảo:

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Để Choắt nhìn tôi mà rằng:

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngạch sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn⁽²⁾ có đũa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng:

– Hức! Thông ngạch sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo⁽³⁾ thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!

Tôi về, không một chút bận tâm.

④ Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le⁽⁴⁾, sâm cầm⁽⁵⁾, vịt trời, bồ nông, mòng két⁽⁶⁾ ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi.

Hình ảnh Để Mèn và Để Choắt mà em hình dung ở phần ③ có điểm tương đồng nào với Để Mèn và Để Choắt trong bức tranh bên dưới?



(1) Tự đắc: tự cho mình hay, giỏi

(2) Tắt lửa tối đèn (thành ngữ): chỉ lúc khó khăn, hoạn nạn cần đùm bọc, giúp đỡ nhau

(3) Hôi như cú mèo (thành ngữ): hôi hám, có mùi hôi như chim cú

(4) Le (thường gọi là le le): chim sống ở nước, hình dáng giống vịt nhưng nhỏ hơn, có mỏ nhọn

(5) Sâm cầm: chim lông đen, mỏ trắng, sống nhiều ở vùng sông, hồ

(6) Mòng két: chim có hình dáng như vịt nhưng nhỏ hơn

Suốt ngày, họ cái cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh cò gây vêu vào ngày ngày bị bôm lợi bùn tím cả chân mà vẫn héch mớ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều toả xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

Bỗng thấy chị Cốc từ dưới mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chùng rớ⁽¹⁾ được món nào, vừa chén xong, chị ta tìm đến dùng chỗ mát rĩa lông, rĩa cánh và chùi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh⁽²⁾. Chẳng bạn đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi:

- Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?
- Đùa trò gì? Em đứng lên con hen đây! Hừ hừ...
- Đùa chơi một tí.
- Hừ... hừ... Cái gì thế?
- Con mụ Cốc kia kia.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn **chị** Cốc. Rồi hỏi tôi:

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?

– Ừ.

– Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vãi cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt:

- Sợ gì? Máy bảo tao sợ cái gì? Máy bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!
- Thưa anh, thế thì... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Dế Choắt và bảo:

– Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rĩa cánh quay đầu lại phía cửa tổ tôi, tôi cất giọng vêu von:

*Cái Cò, cái Vạc, cái Nông
Ba cái cùng béo, vật lông cái nào?
Vật lông cái Cốc cho tao
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.*

Chị Cốc thoạt nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế nào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần⁽³⁾ lại, chị mới tròn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi, hỏi:

Dế Mèn đã “nghịch ranh” như thế nào?

(1) Rớ: bắt được một cách dễ dàng, ngẫu nhiên.

(2) Nghịch ranh: nghịch ngợm tinh quái.

(3) Định thần: làm cho tinh thần trở lại trạng thái bình thường.

– Đưa nào cạnh khoẻ⁽¹⁾ gì tao thế? Đưa nào cạnh khoẻ gì tao thế?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ⁽²⁾. Bụng nghĩ thủ vị: “Mây tức thì mây cứ tức, mây ghè vỡ đầu mây ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đầu thì mây cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!”.

⑤ Một tai hoạ đến mà đưa ich ki thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Đế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liền quát lớn:

– Mày nói gì?

– Lay chị, em nói gì đâu!

Rồi Đế Choắt lùi vào.

– Chối hả? Chối này! Chối này!

Mỗi câu “Chối này!” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỏ, Choắt quẹo xương sống lăn ra kêu văng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thín thít. Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rĩa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cánh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Đế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

– Sao? Sao?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự⁽³⁾ lại ra nông nổi này!

Tôi hỏi lảm! Tôi hỏi hận lảm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng đại dốt của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Đế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Đế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tai hoạ mà Đế Mèn kể ở đây là gì? Xảy ra với ai?

Em hãy tưởng tượng nét mặt của Đế Mèn lúc này.

(1) *Cạnh khoẻ*: không chỉ thẳng điều muốn nói mà nói gằn, nói xa nhằm châm chọc, soi mói người khác.

(2) *Bắt chân chữ ngũ*: vắt chân nọ lên chân kia, giống như chữ ngũ (五: 5) trong chữ Hán.

(3) *Cơ sự*: sự tình, sự việc không hay xảy ra.

Tôi đem xác Đế Choắt để chôn vào một vùng cỏ bùm tum⁽¹⁾. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.



Tranh minh hoạ nhân vật nào và về sự việc gì trong truyện?

(Trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*, in trong *Tuyển tập Tô Hoài*, tập I, NXB(*) Văn học, Hà Nội, 1996)



1. Câu chuyện trên được kể bằng lời của nhân vật nào? Hãy chỉ ra các nhân vật tham gia vào câu chuyện.

2. Đế Mèn đã ân hận về việc gì? Hãy tóm tắt sự việc đó trong khoảng 3 dòng.

3. Đế Mèn đã có sự thay đổi về thái độ và tâm trạng như thế nào sau sự việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Đế Choắt? Vì sao có sự thay đổi ấy?

4. Từ các chi tiết “tự hoạ” về bản thân và lời lẽ, cách xưng hô, điệu bộ, giọng điệu, thái độ của Đế Mèn đối với Đế Choắt, chị Cốc, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này?

5. Ở cuối đoạn trích, sau khi chôn cất Đế Choắt, Đế Mèn đã “đứng lặng giờ lâu” và “nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”. Theo em, đó là bài học gì?

6. Nhà văn Tô Hoài từng chia sẻ: “Nhân vật trong truyện đồng thoại được nhân cách hoá trên cơ sở đảm bảo không thoát li sinh hoạt có thật của loài vật.”. Dựa vào những điều em biết về loài đế, hãy chỉ ra những điểm “có thật” như thế trong văn bản, đồng thời, phát hiện những chi tiết đã được nhà văn “nhân cách hoá”.

(*) NXB: viết tắt của Nhà xuất bản.

(1) Bùm tum: um tùm.

Ông lão đánh cá và con cá vàng

PU-SKIN

1 Chuẩn bị

– Khi đọc truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, các em cần chú ý:

+ Nhận biết được các sự việc chính và diễn biến nội dung câu chuyện được kể.

+ Xác định các nhân vật trong truyện và tìm hiểu đặc điểm tính cách của nhân vật chính (qua ngoại hình, điệu bộ, hành động, lời nói, suy nghĩ,...).

+ Chỉ ra được các chi tiết kì ảo và tác dụng của chúng trong truyện.

+ Suy nghĩ về ý nghĩa của truyện, những thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong đó.

+ Kết nối với hiểu biết, trải nghiệm của bản thân để vận dụng vào việc đọc hiểu truyện và rút ra những bài học, kinh nghiệm cần thiết.

– Đọc trước truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, tìm hiểu thêm về tác giả A-lếch-xan-đơ Xéc-ghe-ê-vich Pu-skin (Aleksandr Sergeyevich Pushkin).



A. X. Pu-skin (1799 – 1837), nhà văn Nga

2 Đọc hiểu

① Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển. Ngày ngày, chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi.

Một hôm, người chồng ra biển đánh cá. Lần đầu kéo lưới chỉ thấy cỏ bùn; lần thứ hai kéo lưới chỉ thấy cây rong biển⁽¹⁾; lần thứ ba kéo lưới thì bắt được một con cá vàng.

Con cá cất tiếng kêu van:

– Ông lão ơi! Ông sinh phúc⁽²⁾ thả tôi trở về biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được.

Ông lão ngạc nhiên, nhưng rồi cũng thả con cá xuống biển và bảo:

– Trời phù hộ cho người! Người trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.

Các chi tiết nào cho biết hoàn cảnh sống của ông lão và cách ông lão cư xử với cá vàng?

(1) Rong biển: loài thực vật ở biển, thân mảnh, hình dải dài, thường mọc chi chít vào nhau.

(2) Sinh phúc: ở đây hiểu là mở lòng nhân từ.

② Về nhà, ông lão đem câu chuyện kể cho vợ nghe.

Mụ vợ mắng:

– Đồ ngốc! Sao lại không bắt con cá đèn cái gì? Đòi một cái máng⁽¹⁾ cho lợn ăn không được à? Cái máng nhà đã gần vỡ rồi!

Thế là ông lão đi ra biển. Biển gợn sóng êm ả. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và bảo:

– Cá ơi! Giúp tôi với! Mụ vợ tôi nó mắng tôi và câu nhàu mãi làm tôi không ở yên được. Mụ ấy đòi một cái máng lợn ăn mới. Máng nhà tôi đã sứt mẻ rồi.

Con cá vàng trả lời:

– Ông lão ơi! Đừng băn khoăn nữa. Cứ về đi. Tôi sẽ giúp ông. Ông sẽ có một cái máng mới.

③ Ông lão về đến nhà thì mụ vợ đã có một cái máng mới thật. Nhưng mụ lại quát to hơn:

– Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thâm vào đầu! Đi tìm lại con cá và đòi một cái nhà rộng.

Thế là ông lão lại đi ra biển. Biển xanh đã nổi sóng. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và nói:

– Giúp tôi với, cá ơi! Mụ vợ tôi nó mắng nhiều hơn và không để tôi yên chút nào. Mụ đòi một toà nhà đẹp.

Con cá vàng lại trả lời ông:

– Ông lão ơi! Đừng băn khoăn quá. Thôi hãy về đi. Tôi kêu trời phù hộ cho, ông sẽ được một cái nhà rộng và đẹp.

④ Ông lão trở về túp lều của mình, chẳng thấy lều đâu mà chỉ thấy trước mặt một ngôi nhà đẹp, có cổng lớn bằng gỗ lim, trong ngoài sáng sủa, có lò sưởi, quét vôi trắng xoá và mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ. Mụ thấy ông lão về lại mừng như tát nước vào mặt:

Lần thứ nhất, bà vợ đã yêu cầu ông lão điều gì? Lúc này, cảnh biển thế nào?

Đòi hỏi và thái độ của vợ ông lão ở lần thứ hai có gì khác lần thứ nhất? Hãy tiếp tục chú ý chi tiết tả cảnh biển trong phần này.



(1) *Cái máng*: ở đây là dụng cụ đựng thức ăn của lợn (heo)

– Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế! Đòi một cái nhà thôi à? Trời! Đi tìm ngay con cá và bảo nó rằng tao không muốn làm một mụ nông dân quen⁽¹⁾, tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân⁽²⁾ kia.

Ông lão lại lắc cóc⁽³⁾ ra biển. Biển xanh nổi sóng dữ dội. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và trả lời:

– Giúp tôi với, cá ơi! Mụ vợ tôi lại phát khùng lên, chẳng để tôi yên chút nào. Bây giờ nó không muốn làm nông dân nữa mà muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân.

Con cá vàng lại trả lời:

– Ông lão ơi! Đừng lo lắng quá. Trời sẽ phù hộ cho ông.

⑤ Ông lão lại trở về. Lão ngạc nhiên thấy trước mặt một toà lâu đài lớn, mụ vợ đang đứng trên thềm cao, mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiều hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Xung quanh mụ kẻ hầu người hạ tấp nập, còn mụ thì luôn mỉm cười mắng. Ông lão bảo mụ:

– Kính chào phu nhân, chắc bây giờ bà đã thỏa nguyện rồi chứ?

Mụ vợ mắng lão một thôi và bắt lão xuống quét dọn chuồng ngựa.

Được ít tuần lễ, mụ lại giận dữ, bắt ông lão đi tìm con cá:

– Lão đi tìm con cá và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng⁽⁴⁾ kia.

Ông lão hoảng sợ kêu xin:

– Mụ nói gì vậy? Mụ có lẩn⁽⁵⁾ không? Mụ đi chẳng biết đường đi, nói chẳng biết đường nói mà đòi làm nữ hoàng? Thiên hạ họ biết, họ sẽ cười cho.

Mụ vợ nổi trận lôi đình⁽⁶⁾ tát vào mặt ông lão:

– Mày cái à? Mày dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à? Đi ngay ra biển, nếu không tao sẽ cho người lôi đi.

Ông lão đành lùi thui ra biển. Biển nổi sóng mù mịt. Ông lão gọi cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

Câu nào cho biết đòi hỏi mới và thái độ của vợ ông lão?

Cánh biển có thay đổi gì so với lần trước?

Lần này, người vợ lại có đòi hỏi gì? Cách cư xử của bà ta với ông lão thế nào?

(1) *Nông dân quen*: ở đây chỉ người làm nghề nông nghèo khổ, bị coi thường.

(2) *Nhất phẩm phu nhân*: vợ của quan nhất phẩm (quan có phẩm hàm cao nhất trong triều đình phong kiến, *phu nhân*: từ dùng để chỉ vợ những người có địa vị cao sang trong xã hội).

(3) *Lắc cóc*: đi một mình, vè vát và, đáng thương.

(4) *Nữ hoàng*: người phu nữ làm vua.

(5) *Lẩn*: nhảm cái nọ ra cái kia, ở đây là nói lẩn, lù lẩn.

(6) *Trận lôi đình*: cơn giận dữ dội như sấm sét.

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Ông lão chào con cá và nói:

– Mụ vợ tôi lại nổi con điên rồi. Nó không muốn làm bà nhất phẩm phu nhân nữa, nó muốn làm nữ hoàng.

Con cá trả lời:

– Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời phù hộ lão. Mụ già sẽ là nữ hoàng.

Ông lão trở về và thấy trước mặt cung điện nguy nga, mụ vợ lão đã thành nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc. Bọn thị vệ⁽¹⁾ đang rót mời mụ những thứ rượu quý của các nước phương xa và dâng cho mụ những thứ bánh rất ngon lành. Xung quanh lại có cả một đội vệ binh⁽²⁾ gươm giáo chỉnh tề⁽³⁾ đứng hầu. Ông lão trông thấy, hoảng sợ, cúi rạp xuống chào mụ vợ và nói:

– Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?

Mụ vợ không thèm nhìn, ra lệnh đuổi đi. Bọn thị vệ xô tới đẩy ông lão ra ngoài, bọn vệ binh cũng chạy đến tuốt gươm dọa chém. Nhân dân không rõ đầu đuôi cũng chạy lại chế giễu ông lão và bảo: “Đáng kiếp! Có thể mới sáng mắt ra, bặt sau đừng thấy người sang bắt quàng làm họ⁽⁴⁾ nữa!”.

Được ít tuần, mụ vợ lại nổi con thịnh nộ⁽⁵⁾. Mụ sai người đi bắt ông lão đến. Mụ bảo:

– Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao.

⑥ Ông lão không dám trái lời mụ. Ông lại đi ra biển. Một con đồng tử kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

– Ông lão có việc gì thế? Ông cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

– Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mụ vợ quái ác này! Bây giờ mụ không muốn làm nữ hoàng nữa, mụ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sưng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất; trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa và trên bậc cửa, mụ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.

Vợ ông lão muốn cá vàng làm điều gì? Tác giả đã tả cảnh biển trong phần này thế nào?

(1) Thị vệ: lính bảo vệ vua.

(2) Vệ binh: lính canh gác.

(3) Chỉnh tề: xếp đặt ngay ngắn và đúng phép tắc.

(4) Bắt quàng làm họ: không phải họ hàng mà cứ nhận là họ hàng.

(5) Con thịnh nộ: con giận dữ lớn.



Quan sát bức tranh để hiểu nội dung được nói tới trong đó; nét mặt ông lão và bà vợ thể hiện điều gì?

(PU-SKIN kể^(*), theo bản dịch của Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn, in trong sách *Ngữ văn 6*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)



1. Hãy liệt kê ra vở những chi tiết thể hiện sự đòi hỏi, thái độ, hành động của vợ ông lão đánh cá; phản ứng của ông lão đánh cá và trạng thái của biển trong các phần ②, ③, ④, ⑤, ⑥ theo gợi ý sau:

Phần	Vợ ông lão đánh cá	Ông lão đánh cá	Biển
②			
③			
④			
⑤			
⑥			

2. Từ bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về tính cách của vợ ông lão đánh cá và ông lão đánh cá?

3. Cảnh biển trong mỗi lần ông lão ra gọi cá vàng thay đổi theo chiều hướng như thế nào? Theo em, sự thay đổi đó có ý nghĩa gì?

4. Bài học em rút ra được từ câu chuyện này là gì?

5. Hãy nêu một điểm giống và một điểm khác nhau nổi bật của truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* (Pu-skin) và truyện cổ tích dân gian (Gợi ý: tìm điểm giống và khác về tác giả; yếu tố hoang đường, kì ảo; kiểu nhân vật;...).

(*) Truyền này do Pu-skin kể lại bằng 205 câu thơ trên cơ sở truyền dân gian Nga, Đức.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xếp các từ sau đây vào hai nhóm: từ ghép, từ láy.

mầm bóng, hùn hoản, lợi hại, phành phạch, giòn giã

2. Các từ *mầm bóng, hùn hoản* là sáng tạo của nhà văn Tô Hoài. Qua các từ đó, em hình dung như thế nào về ngoại hình của nhân vật Dế Mèn?

3. Các thành ngữ *chết ngay đuôi, vãi cả sáu tay* mà nhà văn Tô Hoài sáng tạo ra trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* có điểm gì khác những thành ngữ đã có sẵn như *chết thẳng cẳng, vãi cả hai tay*? Theo em, thành ngữ nào phù hợp hơn để nói về loài dế?

4. Tìm chủ ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây:

a) *Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.* (Tô Hoài)

b) *Những gã xốc nổi thường lắm cử chỉ ngông cuồng là tài ba.* (Tô Hoài)

c) *Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng hiện ra trước mắt em bé.* (Cô bé bán diêm)

5. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong từng cụm danh từ làm chủ ngữ nói trên. Nêu tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ.

6. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* hoặc *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, trong đoạn văn có sử dụng chủ ngữ là cụm từ. Xác định chủ ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Cô bé bán diêm

AN-ĐẾC-XEN

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* ở bài *Ông lão đánh cá và con cá vàng* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này. Lưu ý: Truyện *Cô bé bán diêm* được An-đéc-xen viết theo đặc điểm của truyện cổ tích.

– Đọc trước truyện *Cổ bé bán diêm*; tìm hiểu thêm về nhà văn Han-xơ Crit-xi-an An-đéc-xen (Hans Christian Andersen).

– Tham khảo ý kiến sau của nhà văn Nguyễn Tuân về truyện An-đéc-xen: “Một em nhỏ nào đã đọc qua truyện ngắn An-đéc-xen thì trọn đời không khi nào quên và dùng dung với thơ ca, mộng ước, tình thương yêu và lòng công bằng...”⁽¹⁾.



H. C. An-đéc-xen
(1805 – 1875),
nhà văn Đan Mạch

2 Đọc hiểu

(Đêm giao thừa, trời rét mướt. Một cô bé bán diêm nhà nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói, đang dò dẫm trong bóng tối. Suốt cả ngày em không bán được bao diêm nào...)

① Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. **Chà là đêm giao thừa mà!** Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu⁽²⁾ của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản⁽³⁾ tiêu tán⁽⁴⁾ và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân⁽⁵⁾ bao quanh, nơi em đã sống những ngày ấm ản, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bỏ thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Những chi tiết nào cho biết thời gian và địa điểm em bé xuất hiện?



(1) *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 3, NXB Văn học, Hà Nội, 1994.

(2) *Hiền hậu*: hiền lành và tốt bụng.

(3) *Gia sản*: tài sản của gia đình.

(4) *Tiêu tán*: mất đi hoàn toàn, tan biến hết, không còn gì.

(5) *Trường xuân* (*thường xuân*, *vạn niên*): một loại cây leo, thân có nhiều đốt, từ các đốt mọc ra lá và rễ, xanh quanh năm.

Và lại, ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này, đôi bàn tay em đã cứng đờ ra.

② Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường⁽¹⁾ mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng, em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là hay. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Hãy chú ý những hình ảnh hiện lên sau mỗi lần em bé quẹt que diêm trong phần ②.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bắc⁽²⁾ thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao!

Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn lụi. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.

Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màu. Em nhìn thấu tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc-sét⁽³⁾ cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... que diêm vụt tắt, trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo.

Thực tế đã thay thế cho mộng tưởng; chẳng có bàn ăn thịnh soạn⁽⁴⁾ nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ẩm áp vội và đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm⁽⁵⁾ với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

(1) Loại diêm quẹt vào tường hay vào vật gì cũng là cháy.

(2) Gió bắc: gió lạnh, thổi từ hướng bắc.

(3) Phuốc-sét (đĩa / nĩa, tiếng Pháp: *fourchette*): dụng cụ ăn có những cái xiên nhọn dùng để lấy thức ăn.

(4) Thịnh soạn: có nhiều món ăn ngon, sang, được bày tươm tất.

(5) Lãnh đạm: lạnh lùng, thờ ơ.

Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en⁽¹⁾. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em đã được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng hiện ra trước mắt em bé. Em vói đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

– Chắc hẳn có ai vừa chết. – Em bé tự nhủ, vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng: “Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế”.

Em quẹt que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh toả ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng là bà em đang mỉm cười với em.

– Bà ơi! Em bé reo lên, cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Nô-en ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này; trước kia, khi bà chưa về với Thượng đế chỉ nhân⁽²⁾, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao! Đạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi! Cháu van bà, bà xin với Thượng đế chỉ nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Que diêm tắt phụt và ảo ảnh⁽³⁾ rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.

Thế là em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nổi nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão⁽⁴⁾ như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về châu Thượng đế.



Giấc mơ nào của em bé được thể hiện qua bức tranh này?

(1) *Cây thông Nô-en*: cây thông được kết đèn, hoa, dùng để trang trí trong dịp lễ Nô-en (tiếng Pháp: Noel) và Tết dương lịch ở nhiều nước trên thế giới.

(2) *Chỉ nhân*: hết sức nhân từ, hiền hậu.

(3) *Ảo ảnh*: ở đây là những hình ảnh hiện ra trong mộng tưởng của em bé.

(4) *Đẹp lão*: về đẹp của người già.

③ Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng Mặt Trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xóm tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”, nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.

(Truyện An-đéc-xen, Nguyễn Văn Hải – Vũ Minh Toàn dịch, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

Chú ý kết thúc của câu chuyện.



1. Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện cho biết điều gì về cảnh ngộ của em bé?

2. Hãy tìm những chi tiết hiện thực và mộng ảo mà nhà văn đã sáng tạo ra để khắc hoạ hoàn cảnh và mơ ước của cô bé bán diêm. Qua đó, em có nhận xét gì về nhân vật này?

3. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện trên là gì?

4. Em hãy tìm một số chi tiết trong văn bản để chứng tỏ truyện *Cô bé bán diêm* có đặc điểm của truyện cổ tích (Gợi ý: kiểu nhân vật; cách kết thúc truyện; ý nghĩa; ...).

5. Cảnh ngộ đau khổ và cái chết của cô bé bán diêm gợi cho em liên tưởng đến những bạn nhỏ bất hạnh hoặc kém may mắn nào trong cuộc sống? Hãy nêu một việc tốt mà em có thể làm để giúp đỡ những bạn ấy.

VIẾT

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ

1 Định hướng

a) Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ là kể lại một việc làm, một hoạt động, một tình huống, ... mà người viết đã trực tiếp trải qua. Trong bài viết, người kể thường xưng “tôi” – ngôi thứ nhất.

b) Để kể lại một trải nghiệm đáng nhớ, các em cần lưu ý:

– Xác định một sự việc, một tình huống hoặc hoạt động đáng nhớ mà em đã trực tiếp trải qua hoặc tham gia. Ví dụ: một chuyến tham quan, một lần mắc lỗi,...

– Ghi lại các chi tiết cụ thể gắn với địa điểm, thời gian, con người, hành động, suy nghĩ, cảm xúc,...

Ví dụ: Có thể hình dung về một trải nghiệm đã qua của Dế Mèn trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* như sau:

Sự việc	Nhân vật	Bối cảnh	Cảm xúc, thái độ của "tôi"
Sang chơi nhà Dế Choắt	– "Tôi" – Dế Choắt (ngoại hình "gầy gò, dài lêu nghêu..."; tính nết "ăn xối ở thì")	Cái hang của Dế Choắt (một "ngôi nhà" tuếnh toàng, được làm rất sơ sài, dễ bị phát hiện)	Tự đắc, khinh khỉnh, coi thường Dế Choắt; không "bận tâm", thờ ơ trước lời đề nghị giúp đỡ của Dế Choắt
Trêu chị Cốc	– "Tôi" – Chị Cốc – Dế Choắt	Một buổi chiều, "tôi" ra đứng cửa hang, xem hoàng hôn xuống, thấy chị Cốc đậu gần cửa hang	Tự đắc, xác xược, coi thường chị Cốc
Chứng kiến cái chết của Dế Choắt	– "Tôi" – Chị Cốc – Dế Choắt	Ở cửa hang nhà Dế Choắt, chị Cốc không nhìn thấy ai ngoài Dế Choắt nên đã nghĩ Dế Choắt chính là kẻ đã trêu mình	Hốt hoảng, hối hận, ăn năn

– Ghi lại bài học hoặc kinh nghiệm mà em rút ra được sau trải nghiệm đó.

Ví dụ: Bài học mà Dế Mèn đã rút ra trong trải nghiệm "đường đời đầu tiên":

"...ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình"

2 Thực hành

Bài tập^(*): *Viết bài văn (khoảng 2 trang) kể lại một chuyến đi đáng nhớ của em.*

a) Chuẩn bị

- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết.
- Nhớ lại một chuyến đi có nhiều kỉ niệm của em.
- Xem lại ảnh về chuyến đi (nếu có).

(*) Trong phần thực hành *Viết, Nói và nghe*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

+ Chuyến đi diễn ra trong hoàn cảnh nào (đi với ai, đi tham quan hay đi du lịch, khi nào, đi đâu)?

+ Chuyến đi đã diễn ra thế nào (gặp ai, nhìn thấy gì, có hoạt động nào, có chuyện gì đáng nhớ,...)?

+ Cảm xúc, thái độ, ấn tượng của em trong chuyến đi như thế nào?

– Lập dàn ý: lựa chọn các ý đã tìm được và sắp xếp theo ba phần của bài văn.

Tham khảo cách lập dàn ý sau:

+ Mở bài: Nêu khái quát về chuyến đi đáng nhớ mà em muốn kể.

+ Thân bài:

• Nêu lí do có chuyến đi đáng nhớ.

• Kể lại hành trình chuyến đi: bắt đầu, trên đường đi, điểm đến,...

• Kể lại sự việc đáng nhớ hoặc miêu tả quang cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh,... ở những nơi em đã đi qua.

+ Kết bài:

• Điều gì đáng nhớ nhất ở chuyến đi?

• Suy nghĩ về bài học rút ra từ chuyến đi hoặc mong ước về những chuyến đi bổ ích, lí thú tiếp theo,...

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài văn kể lại một chuyến đi đáng nhớ.

– Lưu ý:

+ Sử dụng các từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến sự việc; các từ láy, từ tượng hình, tượng thanh để đặc tả được các sự vật, hiện tượng, hoạt động được đề cập; chú ý các từ liên kết giữa các phần, các đoạn.

+ Thể hiện những cảm xúc và suy nghĩ của bản thân một cách chân thực, tự nhiên.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

– Kiểm tra:

+ Kiểm tra về nội dung: xem nội dung bài viết đã đúng với yêu cầu của đề bài và dàn ý chưa.

+ Kiểm tra về hình thức: rà soát lỗi về chính tả, ngữ pháp, dùng từ, viết câu, liên kết đoạn, hình thức của từng đoạn,...

– Chỉnh sửa:

+ Đánh dấu những chỗ mắc lỗi.

+ Nêu cách sửa chữa các lỗi.

Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ

1 Định hướng

a) Kể lại một trải nghiệm là trình bày bằng lời nói về một trải nghiệm của bản thân, có thể là sự việc hoặc hoạt động,... mà người kể đã trực tiếp trải qua và có được những kinh nghiệm hoặc bài học nào đó.

b) Để kể lại một trải nghiệm, các em cần:

- Chuẩn bị: Xây dựng dàn ý cho bài kể về một trải nghiệm.
- Thực hiện hoạt động kể.
- Chú ý nội dung và cách thức kể; những lỗi thường mắc khi kể bằng lời nói.

2 Thực hành

Bài tập: *Hãy kể lại một chuyến đi đáng nhớ của em.*

a) Chuẩn bị

- Xem lại dàn ý kể về chuyến đi đáng nhớ ở phần *Viết*.
- Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.
- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với sự việc, cảm xúc trong chuyến đi.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Sử dụng dàn ý đã lập ở phần *Viết*, bổ sung và sửa chữa (nếu cần).

c) Nói và nghe

Dựa vào nội dung *Chuẩn bị* và hướng dẫn ở mục 1. *Định hướng*, thực hiện hoạt động kể. Chú ý: bám sát nội dung đã nêu trong dàn ý; cách kể miệng kết hợp với các yếu tố biểu cảm bằng ánh mắt, nét mặt, động tác,... Giới thiệu ảnh, video về chuyến đi (nếu có).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Rút kinh nghiệm những điều cần chỉnh sửa khi nghe, kể về một trải nghiệm của bản thân.

– Người kể: Xem nội dung kể đã nêu được những thông tin chính trong dàn ý chưa, cách thức kể có đáp ứng theo yêu cầu đã nêu hay không. Xác định được các lỗi cần chỉnh sửa khi kể về một chuyến đi đáng nhớ.

– Người nghe: Tự kiểm tra các thông tin thu được từ câu chuyện về chuyến đi của bạn (Đi đâu? Đi với ai? Có gì thú vị, đáng nhớ?...); nhận xét được cách kể (ưu điểm và hạn chế); tự xác định các lỗi khi nghe (không tập trung, không nắm được thông tin, có thái độ không đúng khi nghe, trao đổi,...).

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

ANH CÚT LỦI

Ông thợ đang hút mật bỗng nghe một tiếng “soạt” dưới cây bìm bìm. Ông thợ nhìn xuống. Thì ra đó là một anh Cùn Cút vừa lủi đến. Cùn Cút đang run rẩy nép sát vào bụi. Ông thợ ái ngại hỏi:

– Gì vậy, anh Cùn Cút?

– Nó ... Nó xua tôi!

– Nó là ai vậy?

– Là thằng Bỏ Chao.

Ông thợ mỉm cười. Cùn Cút hần hển nói tiếp:

– Nó còn là thằng Cáo già. Có lúc nó còn dọa cả mẹ Mèo hoang, thằng Chó dữ, con Rắn độc, cả lão Quạ đen nữa.

Quả thật nhiều lần Ông thợ nhìn thấy Cùn Cút. Lúc Cùn Cút lủi trong bụi tre, lúc chạy tránh trong lau lách, lúc đứng nép trong bụi rậm, lúc ở chỗ này, khi ở chỗ khác, nay đây mai đó rất tội nghiệp. Ông thợ hỏi:

– Vậy nhà anh đâu?

– Không nhà.

– Nên có một ngôi nhà để ở. Khi ta đã có được một ngôi nhà vững chắc, có rào giậu tử tế thì không phải lủi, phải tránh gì nữa. Loài ong chúng tôi xem việc xây dựng là việc vô cùng quan trọng. Chúng tôi xây dựng hàng nghìn căn phòng ở trên những thân cây cao, đến bọn Cáo già cũng không thể mon men mò đến được.

Cùn Cút vỗ lê⁽¹⁾ gật gù:

– Rất đúng! Tôi phải làm ngay cho tôi một ngôi nhà. Tôi phải chấm dứt cuộc đời luôn luôn lủi tránh. [...]

Chương trình xây nhà của Cùn Cút khá quy mô và tỉ mỉ. [...] Đến lúc phải bắt tay vào việc. Nhưng Cùn Cút chợt nghĩ: “Gì mà phải vội! Ngày mai rồi sẽ bắt đầu cũng chẳng sao. Hôm nay là tiết xuân, phải đi chơi một vòng dã.”.

Cùn Cút đi dọc bờ ruộng, dòm dòm ngó ngó, la cà tìm cách bắt chuyện với bọn Cóc, bọn Nhái đang ngồi đợi bọn Kiến với Sâu bò ra. Một ngày trôi qua. [...]

Hôm sau, Cùn Cút lại bắt tay vào việc. Nhưng cũng lại chợt nghĩ: “Gì mà phải vội! Ngày mai rồi bắt đầu cũng được chứ sao! Đêm qua phải lủi mấy lần mệt quá! Hôm nay phải nghỉ cái đã, nhất là phải ngủ thêm một giấc. Không có gì tốt cho sức khoẻ bằng một giấc ngủ ngon. Đó chính là lời của bác sĩ giỏi nói với ta vậy.”. Cùn Cút chui vào bụi, ngủ gà ngủ gật. Một ngày nữa đã trôi qua. [...]

(1) Vỗ lê: hiểu ra được điều mà trước đó chưa hiểu rõ.

Và cứ thế, ngày nào Cun Cút cũng muốn bắt đầu nhưng rồi cũng có lí do để hoãn việc, lúc thì thấy đau đầu, lúc thì thấy chóng mặt, lúc thì nằng gắt quá, lúc thì sẽ có cơn mưa, ... [...] Chương trình xây dựng từ mùa này đến mùa khác, từ năm này đến năm khác vẫn còn nằm trong dự định.

Ông thợ gặp Cun Cút hỏi:

– Nhà cửa đã xong chưa?

– Chưa xong gì cả.

– Thế khâu nguyên liệu đã đến đâu rồi?

– Cũng chưa có gì cả.

– Gì chứ gỗ tốt với tre trúc thì có thiếu gì. Tre gỗ bạt ngàn, làm gì cho hết.

Nhưng đã nghĩ là phải làm. [...] Chúng tôi không bao giờ để đến ngày mai một việc có thể làm ngay hôm nay được. Cứ lấy cơ này có nọ để lùi việc lại ngày mai, có lúc đó cũng là hình thức của sự tránh việc, của sự lười biếng.

Anh lười biếng hay kiếm chuyện nói quanh. Cun Cút có nhiều lí do để lùi việc làm nhà. Mãi cho đến ngày nay, Cun Cút vẫn phải chui bờ, ở bụi.

(Theo VÕ QUẢNG, *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019)

Ghi vào vở chữ cái đúng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 7):

1. Nhân vật Cun Cút **không** được nhà văn khắc hoạ thông qua yếu tố nào?

A. Hành động

B. Lời nói

C. Suy nghĩ

D. Trang phục

2. Để làm nổi bật cuộc sống của Cun Cút, nhà văn đã sáng tạo ra cuộc đối thoại giữa nhân vật này với nhân vật nào?

A. Bồ Chao

B. Ông thợ

C. Cóc

D. Nhái

3. Suy nghĩ nào của Cun Cút được lặp đi lặp lại để từ đó làm bật lên tính cách của nhân vật này?

A. Phải chấm dứt cuộc đời luôn luôn lùi tránh

B. Gì mà phải vội! Ngày mai rồi sẽ bắt đầu cũng chẳng sao

C. Hôm nay là tiết xuân, phải đi chơi một vòng dã

D. Không có gì tốt cho sức khoẻ bằng một giấc ngủ ngon

4. Vì sao Cun Cút đến nay vẫn phải chui bờ, ở bụi?

A. Vì Cun Cút thích sống chui bờ, ở bụi

B. Vì Cun Cút không đủ vật liệu để làm nhà

- C. Vì Cun Cút luôn đưa ra lí do để lười việc
D. Vì Cun Cút không làm theo hướng dẫn của Ong thợ

5. Theo em, qua nhân vật Cun Cút, nhà văn muốn phê phán kiểu người nào trong xã hội?

- A. Người lười biếng, ngại làm việc B. Người nhút nhát, thiếu tự tin
C. Người thiếu kiên trì, kiên nhẫn D. Người không cầu thị

6. Loài ong chúng tôi xem việc xây dựng là việc vô cùng quan trọng. Chúng tôi xây dựng hàng nghìn căn phòng ở trên những thân cây cao, đến bọn Cáo già cũng không thể mon men mò đến được.

Các câu văn trên **không** nói về tính cách nào của loài ong?

- A. Chăm chỉ B. Cần trọng
C. Kiên trì D. Trung thực

7. Truyện có phải do nhân vật Ong thợ kể lại?

- A. Đúng B. Sai

8. Câu nào có chủ ngữ được mở rộng? Hãy chỉ ra thành phần mở rộng của chủ ngữ.

- a) Anh hay kiểm chuyện nói quanh.
b) Những anh lười biếng hay kiểm chuyện nói quanh.

9. Hãy viết lại câu văn sau theo hướng mở rộng thành phần chủ ngữ: *Ong xây dựng hàng nghìn căn phòng ở trên những thân cây cao.*

10. Câu nói của Ong thợ: “Nhưng đã nghĩ là phải làm. [...] Chúng tôi không bao giờ để đến ngày mai một việc có thể làm ngay hôm nay được.” giúp em rút ra bài học gì? Hãy viết bài học đó trong khoảng 3 – 5 dòng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc các truyện đồng thoại, truyện của Pu-skin, An-đéc-xen bằng cách:
– Sử dụng các công cụ tìm kiếm trên internet, nhập từ khoá *truyện đồng thoại* và *truyện của Pu-skin, An-đéc-xen*,...

- Mượn sách ở thư viện của trường hoặc của người thân, bạn bè, ...
– Mua ở các hiệu sách hoặc tìm ở tủ sách gia đình.

2. Lưu ý trong và sau khi đọc:

- Ghi lại những cảm xúc hoặc điều tâm đắc, thích thú hoặc băn khoăn, ... của em.
– Tóm tắt truyện và ghi nhật kí đọc sách sau khi em đã đọc xong.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Nhận biết được những đặc điểm hình thức (vần, nhịp, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.

- Nhận biết và chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ hoán dụ.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.
- Bước đầu biết trình bày ý kiến về một vấn đề.
- Biết xúc động trước những việc làm và tình cảm cao đẹp; trân trọng những suy nghĩ, hành động dũng cảm; yêu quý bản thân và tự tin vào những giá trị của bản thân.

Kiến thức ngữ văn

1. Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là thơ trong đó người viết thường kể lại sự việc và miêu tả sự vật; qua đó, thể hiện tình cảm, thái độ của mình.

2. Biện pháp tu từ hoán dụ

Hoán dụ là biện pháp tu từ, theo đó, một sự vật, hiện tượng được gọi bằng tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Ví dụ, trong câu thơ “Áo chàm đưa buổi phân li / Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...” (Tố Hữu), việc dùng cụm từ *áo chàm* vốn chỉ trang phục đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Bắc để chỉ những người mang trang phục đó trong buổi chia tay đã gợi lên tình cảm gần gũi, thân thương giữa cán bộ kháng chiến với người dân Việt Bắc.

SƠ ĐỒ HOÁN DỤ



ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Đêm nay Bác không ngủ

MINH HUỆ

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Khi đọc văn bản thơ có yếu tố tự sự, miêu tả, các em cần chú ý:

+ Đọc kĩ văn bản thơ và xác định câu chuyện được kể trong bài thơ.

+ Nhận biết những yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản và chỉ ra tác dụng của những yếu tố ấy.

+ Chỉ ra một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.

+ Ý nghĩa của bài thơ và những nhận thức, tình cảm của em sau khi học.



Minh Huệ (1927 – 2003),
quê ở Nghệ An

– Đọc trước bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*; tìm hiểu thêm về tác giả Minh Huệ.

– Tham khảo hoàn cảnh ra đời của bài thơ: “Đó là một đêm sông Lam mùa đông năm 1950. Trong một căn nhà gianh⁽¹⁾ gió lùa kẻ liếp, Minh Huệ được một người bạn tên là Chất, bảo vệ của đồng chí Nguyễn Chí Thanh⁽²⁾, kể cho nghe chuyện Bác Hồ đi chiến dịch.”⁽³⁾ Trong đó có chuyện Bác không ngủ, Minh Huệ nghe và đã viết lại câu chuyện này. Bài thơ ra đời năm 1951, lúc nhà thơ 24 tuổi.

2 Đọc hiểu

1. Anh đội viên⁽⁴⁾ thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ

(1) *Nhà gianh*: nhà tranh.

(2) Đại tướng Nguyễn Chí Thanh (1914 – 1967) là nhà chính trị, quân sự xuất sắc của cách mạng Việt Nam.

(3) Theo Nguyễn Hoàng Nhật, báo *Nhân Dân*, 17-9-2010

(4) *Đội viên*: ở đây là chiến sĩ quân đội (phân biệt với cán bộ chỉ huy), cách gọi thường dùng trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

5. Lặng yên bên bếp lửa
Về mặt Bác trầm ngâm⁽¹⁾
Ngoài trời mưa lâm thâm⁽²⁾
Mái lều tranh xơ xác

Chỉ ra tác dụng của các từ láy trong khổ thơ thứ hai.

9. Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm

Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong dòng thơ số 11.

13. Rồi Bác đi đêm chẵn⁽³⁾
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột⁽⁴⁾
Bác nhón chân nhẹ nhàng

17. Anh đội viên mơ màng⁽⁵⁾
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng

21. Thôn thức⁽⁶⁾ cả nỗi lòng
Thăm thì anh hỏi nhỏ:
– Bác ơi! Bác chưa ngủ?
Bác có lạnh lắm không?

Chú ý tác dụng của dấu gạch đầu dòng ở các dòng thơ số 23, 25 và việc tạo yếu tố tự sự.

25. – Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Vàng lời anh nhắm mắt
Nhưng bụng vẫn bồn chồn⁽⁷⁾

(1) *Trầm ngâm*: có dáng vẻ lặng lẽ, suy nghĩ về một điều gì đó.

(2) *Mưa lâm thâm*: mưa nhỏ nhưng mau hạt và kéo dài.

(3) *Đêm chẵn*: giắt mếp chăn xuống phía dưới thân người nằm để giữ hơi ấm.

(4) *Giật thột* (tiếng địa phương): giật mình.

(5) *Mơ màng*: trạng thái chập chồn, nửa thức, nửa ngủ.

(6) *Thôn thức*: trạng thái tỉnh cảm làm xao xuyến, không kim nén được.

(7) *Bồn chồn*: trạng thái tỉnh cảm nôn nao, thấp thỏm.

29. Không biết nói gì hơn
Anh nằm lo Bác ốm
Lòng anh cứ bẽ bộn⁽¹⁾
Vì Bác vẫn thức hoài

33. Chiến dịch⁽²⁾ hầy còn dài
Rừng lắm dốc, lắm ụ
Đêm nay Bác không ngủ
Lấy sức đâu mà đi

37. ... Lần thứ ba thức dậy
Anh hốt hoảng giật mình:
Bác vẫn ngồi đinh ninh⁽³⁾
Chòm râu im phăng phắc

41. Anh vội vàng nằng nặc⁽⁴⁾:
– Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mắt rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!

45. – Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Bác thức thì mặc Bác
Bác ngủ không an lòng

49. Bác thương đoàn dân công⁽⁵⁾
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Mạnh áo phủ làm chăn

Các từ “đinh ninh”, “phăng phắc” giúp em hình dung ra hình ảnh Bác lúc này như thế nào?

(1) *Bẽ bộn*: nhiều và lộn xộn; ở đây chỉ tâm trạng có nhiều điều lo lắng không yên.

(2) Ở đây là chiến dịch Biên giới Cao – Lạng năm 1950.

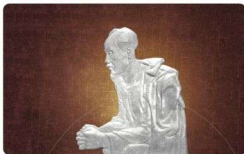
(3) *Đinh ninh*: trước sau vẫn thế, không thay đổi.

(4) *Nằng nặc*: (đòi, xin) một mực cho kì được.

(5) *Dân công*: người dân được huy động đi làm nghĩa vụ lao động công ích, ở đây là đi phục vụ mặt trận.

53. Trời thì mưa lâm thâm
Lâm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau.

Khổ thơ này thể hiện tâm trạng của ai?



Đêm nay Bác không ngủ
(Phụ điêu nhôm của Hà Tri Dũng)

57. Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng
Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác

Xác định cách gieo vần của hai khổ thơ cuối.

61. Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh.

1951

(*Thơ Việt Nam 1945 – 1975*, NXB Tác phẩm mới,
Hà Nội, 1976)



1. Bài thơ có những nhân vật nào? Tìm các chi tiết liên quan đến hoàn cảnh xuất hiện của các nhân vật. Kể lại câu chuyện trong bài thơ dựa theo trật tự thời gian (khoảng 9 – 10 dòng).
2. Liệt kê các chi tiết thể hiện tình cảm của Bác đối với các chiến sĩ và dân công. Chi tiết nào gây ấn tượng nhất cho em?
3. Tìm các chi tiết thể hiện tình cảm của anh đội viên dành cho Bác Hồ (từ dòng 1 đến dòng 44). Chi tiết nào đem lại cho em nhiều cảm xúc nhất?

4. Câu thơ “Đêm nay Bác không ngủ” được điệp lại mấy lần trong bài thơ? Ý nghĩa của sự điệp lại này là gì?

5. Hãy chỉ ra một số yếu tố miêu tả trong văn bản và nêu tác dụng qua một ví dụ cụ thể.

6. Đoạn trích sau là toàn bộ câu chuyện mà Minh Huệ được nghe kể lại về Bác. Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“Một đêm, Bác Hồ ghé vào một lán bộ đội giữa rừng. Một đội viên tỉnh giấc thấy có một cụ già Nùng đang tiếp củi vào bếp lửa giữa lán. Bóng ông cụ và ánh lửa như đang toả sáng, xua đi bóng tối và cái lạnh lẽo của núi rừng. Anh trùm kín thêm áo trấn thủ lên đầu định ngủ tiếp nhưng linh tính mách bảo anh một điều gì đó. Anh ló đầu ra, căng mắt quan sát và nhận ra Bác Hồ. Anh vùng dậy sung sướng định reo lên nhưng không hiểu sao, anh chỉ lại run run khê thốt:

– Bác ơi, sao Bác chưa ngủ ạ? Thưa Bác, mời Bác đi ngủ...

Bác cười hiền, ấm áp:

– Được, cháu cứ ngủ ngon, Bác sẽ đi ngủ.

Vâng lời Bác, anh đội viên trở về sập. Nhưng làm sao có thể ngủ được khi được gặp Bác Hồ và Bác Hồ còn thức. Thế là anh lại vùng dậy, nài nỉ mời Bác đi ngủ kéo trời sắp sáng. Bác lại âu yếm bảo: “Cháu cứ việc ngủ ngon, ngày mai đi đánh giặc. Cháu ngủ ngon là Bác khoẻ. Bác không buồn ngủ vì trời lạnh còn nhiều bộ đội và dân công ngủ ngoài rừng...”.

(Nhà thơ Minh Huệ đã viết bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” như thế nào?)⁽¹⁾

Chỉ ra sự giống nhau, khác nhau giữa đoạn trích và bài thơ của Minh Huệ.

2

Lượm

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* trong bài *Đêm nay Bác không ngủ* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước bài thơ *Lượm*; tìm hiểu thêm về tác giả Tố Hữu và hoàn cảnh ra đời của bài thơ này.

– Tìm hiểu một số nhân vật thiếu niên dũng cảm đã được nói tới trong các câu chuyện lịch sử và văn học.

TỐ HỮU



Tố Hữu (1920 – 2002),
quê ở Thừa Thiên Huế

(1) Theo Nguyễn Hoàng Nhật Tài liệu đã dẫn.

2 Đọc hiểu

1. Ngày Huế đổ máu⁽¹⁾
Chú Hà Nội về
Tình cờ chú, cháu
Gặp nhau Hàng Bè⁽²⁾

Chú ý cách ngắt nhịp và biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ nhất.

5. Chú bé loắt choắt
Cái xác⁽³⁾ xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Tìm và chỉ ra tác dụng của các từ láy trong các dòng thơ 5 – 8.

9. Ca lô⁽⁴⁾ đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong các dòng thơ 10 – 12.



Ngoại hình và tính cách của chú bé liên lạc được thể hiện qua bức tranh minh họa này thế nào?

13. – Cháu đi liên lạc⁽⁵⁾
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá⁽⁶⁾
Thích hơn ở nhà!

(1) *Ngày Huế đổ máu*: ngày ở Huế bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi chúng quay trở lại xâm lược (năm 1947).

(2) *Hàng Bè*: tên một đường phố ở thành phố Huế.

(3) *Xác* (tiếng Pháp: *sacoché*): chỉ cái túi bằng vải (hoặc da) dày, có một quai đeo ở bên người, dùng để đựng sổ sách, giấy tờ.

(4) *Ca lô* (tiếng Pháp: *calot*): loại mũ mềm bằng vải, không có vành, nhọn hai đầu, phía trên bóp lại.

(5) *Đi liên lạc*: làm công việc chuyển công văn, giấy tờ, thư từ, mệnh lệnh của cơ quan hay đơn vị bộ đội, ...

(6) *Đồn Mang Cá*: một nơi đóng quân lớn trong thành phố Huế.

17. Châu cười híp mí
Má đỏ bở quăn⁽¹⁾
– Thôi, chào đồng chí!
Châu đi xa dần...

21. Châu đi đường châu
Chú lên đường ra
Đến nay tháng Sáu
Chợt nghe tin nhà

25. Ra thế
Lượm ơi!...

27. Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao

31. Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư để “Thượng khẩn”⁽²⁾
Sợ chi hiểm nghèo?

35. Đường quê vắng vẻ
Lúa trĩu đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhò trên đòng...

39. Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!

Khổ thơ (dòng 25 – 26)
có gì đặc biệt so với các
khổ khác?

Cách ngắt nhịp trong khổ
thơ (dòng 39 – 42) có gì
đặc biệt?

(1) *Bở quăn*: cây có quả chín màu đỏ tím, ở đây vì má của chú bé đỏ như trái bở quăn.

(2) *Thượng khẩn*: rất gấp. Những công văn có đề “Thượng khẩn” thì người chuyển phải chuyển nhanh nhất đến nơi nhận.

43. Châu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng...

47. Lượm ơi, còn không?

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

52. Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

Câu hỏi ở dòng 47 có ý nghĩa gì?

(Thơ Tố Hữu, NXB Giáo dục, 1995)



1. Kể lại câu chuyện trong bài thơ dựa theo trật tự thời gian (khoảng 10 dòng).

2. Đọc các khổ thơ: 2, 3, 4, 5, lập bảng sau vào vở và điền các chi tiết miêu tả Lượm phù hợp vào các cột.

Trang phục	
Hình dáng	
Cử chỉ, hành động	
Lời nói	

Trong các chi tiết tác giả đã dùng để miêu tả nhân vật Lượm, em thấy thú vị với chi tiết nào nhất? Vì sao?

3. Theo em, tại sao các dòng thơ 25, 26, 47 được tách ra thành những khổ thơ riêng?

4. Trong tác phẩm, tác giả gọi Lượm bằng nhiều từ ngữ xưng hô khác nhau. Hãy tìm và cho biết mỗi từ ngữ đó thể hiện thái độ và tình cảm gì?

5. Bài thơ kết thúc bằng việc lặp lại những dòng thơ miêu tả hình ảnh Lượm vẫn như ngày đầu có ý nghĩa gì?

6. Trong cuộc sống và trong tác phẩm văn học có rất nhiều tấm gương thiếu niên dũng cảm như nhân vật Lượm; hãy viết 3 – 4 dòng giới thiệu về một thiếu niên dũng cảm mà em biết.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm các từ được viết hoa trong hai bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ và *Lượm* của Tố Hữu. Xếp các từ được viết hoa vào hai nhóm:

a) Viết hoa tên riêng.

b) Viết hoa từ ngữ (viết hoa để thể hiện sự kính trọng).

2. Tìm các từ lấy trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*. Phân tích tác dụng miêu tả hoặc biểu cảm của một từ lấy trong số đó.

3. Các từ trong khổ thơ sau giúp em hình dung chú bé Lượm như thế nào?

Chú bé loắt choắt

Cái xác xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh

(Tô Hữu)

4. Trong những câu thơ dưới đây, các từ ngữ in đậm chỉ ai, chỉ cái gì, việc gì? Giữa sự vật, sự việc mà các từ ngữ ấy biểu thị với sự vật, sự việc mà các từ ngữ ấy hàm ý có mối liên hệ như thế nào? Cách diễn đạt này có tác dụng gì?

a) ***Bàn tay mẹ** chặn mưa sa*

***Bàn tay mẹ** chặn bão qua mùa màng. [...]*

***Bàn tay mẹ** thức một đời*

Ái ơi này cái Mặt Trời bé con.

(Bình Nguyên)

b) ***Ngày Huế đổ máu***

Chú Hà Nội về

Tình cờ chú, cháu

Gặp nhau Hàng Bè

(Tố Hữu)

- c) *Vì lợi ích **người** năm phải trồng cây,
Vì lợi ích **trăm** năm phải trồng người.*

(Hồ Chí Minh)

5. G ghép thành ngữ ở cột bên trái với nghĩa tương ứng ở cột bên phải. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ hoán dụ ở các thành ngữ này.

Thành ngữ	Nghĩa
1) <i>Buôn thúng bán mẹt</i>	a) giúp nhau lúc khó khăn, thiếu thốn
2) <i>Chân lấm tay bùn</i>	b) làm lụng vất vả, dãi dầu sương nắng
3) <i>Gạo chợ nước sông</i>	c) buôn bán vật ở đầu đường, góc chợ
4) <i>Một nắng hai sương</i>	d) cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc
5) <i>Nhường cơm sẻ áo</i>	e) sự lam lũ, cực nhọc của việc đồng áng

34 1) – c)

6. Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng), trong đó sử dụng ít nhất một thành ngữ trong bài tập 5.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Gấu con chân vòng kiềng

U-XA-CHỐP^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* trong bài *Đêm nay Bác không ngủ* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng*; tìm hiểu thêm về nhà thơ An-đrây A-lếch-xê-ê-vich U-xa-chốp (Andrey Alekseyevich Usachev).

(*) Tác giả U-xa-chốp sinh năm 1958 tại Mát-xcơ-va (Moskva), nước Nga.

2 Đọc hiểu

1. Gấu con chân vòng kiềng
Đi dạo trong rừng nhỏ,
Nhặt những quả thông già,
Hát liu lo, liu lo.
5. Đột nhiên một quả thông
Rụng vào đầu đánh bốp...
Gấu luống cuống, vướng chân
Và ngã nghe cái bốp!
9. Có con sáo trên cánh
Hét thật to trên chọc:
– Ê gấu, chân vòng kiềng
Giẫm phải đuôi à nhóc!
13. Cả đàn năm con thỏ
Núp trong bụi, lừa theo:
– Gấu con chân vòng kiềng!
Hét thật to – đến xấu.
17. Thế là ai cũng biết
Tất cả đều chê bai:
– Gấu con chân vòng kiềng
Đi dạo trong rừng nhỏ...
21. Gấu con chân vòng kiềng
Vội chạy về mách mẹ:
– Vòng kiềng thật xấu hổ
Con thả chết còn hơn.
25. Nó nấp sau cánh tủ,
Tủi thân khóc thật to:
– Cả khu rừng này chê
Chân vòng kiềng xấu, xấu!
29. Ngạc nhiên lắm, mẹ gấu
Nói với con thế này:
– Chân của con rất đẹp,
Mẹ luôn thấy tự hào!

Tại sao ngoài con sáo, tác giả còn đưa thêm chi tiết “Cả đàn năm con thỏ” cùng nhận xét về “chân vòng kiềng” của gấu con?

33. Chân mẹ vòng kiềng nhè,
Cả chân bố cũng cong,
Vòng kiềng giỏi nhất vùng
Chính là ông nội đấy!

37. Gấu con nghe mẹ nói
Bình tâm trở lại ngay.
Ra rửa sạch chân tay,
Rồi ngồi ăn bánh mật.

41. Và bước ra kiêu hãnh,
Vui vẻ hét thật to:
– Chân vòng kiềng là ta
Ta vào rừng đi dạo!

Tại sao gấu mẹ lại nói với gấu con về chân của mình, chân của gấu bố và khẳng định: “Vòng kiềng giỏi nhất vùng / Chính là ông nội đấy!”?



(Theo Stihl ru, bản dịch của Nguyễn Quỳnh Hương)



1. Kể lại câu chuyện trong bài thơ theo diễn biến tâm trạng của gấu con trong khoảng 7 dòng.

2. Ngoại hình của gấu con trong cảm nhận của sáo và thỏ như thế nào? Điều này có ảnh hưởng gì đến gấu con?

3. Tại sao ở hai dòng thơ số 43 và 44, gấu con kiêu hãnh nhắc đến chân vòng kiềng của mình và tự tin vào rừng đi dạo?

4. Theo em, ngoại hình của một người có quan trọng không? Chúng ta có nên trêu chọc người khác về ngoại hình không? Vì sao?

VIẾT

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả

1 Định hướng

a) Các bài thơ hay thường đem lại những suy nghĩ và rung động trong lòng người đọc. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là nêu lên những suy nghĩ và rung động của em về bài thơ đó. Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm xúc về một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả mà em có ấn tượng và yêu thích.

b) Để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả, các em cần chú ý:

- Đọc kĩ để hiểu bài thơ; chú ý các yếu tố tự sự, miêu tả và tác dụng của các yếu tố này trong việc thể hiện nội dung.

- Lựa chọn một yếu tố về nội dung hoặc nghệ thuật trong bài thơ mà em thấy ấn tượng, yêu thích.

- Viết đoạn văn nêu rõ: Em thích nhất chi tiết, yếu tố,... nào trong bài thơ? Vì sao?

2 Thực hành

Bài tập: Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đã học ("*Đêm nay Bác không ngủ*", "*Lượm*", "*Gấu con chân vòng kiềng*").

a) Chuẩn bị (ví dụ viết về bài *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ)

- Xem lại nội dung văn bản *Đêm nay Bác không ngủ*; chú ý hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- Chú ý các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ này và tác dụng của chúng.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

- + Em thích chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*? Em có thích các yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ này không?

Vì sao em thích?

- + Bài thơ gợi cho em những suy nghĩ và cảm xúc gì?

- Lập dàn ý đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

- + Mở đoạn: Nêu tên bài thơ, tác giả và cảm nghĩ chung của em về bài *Đêm nay Bác không ngủ*.

+ Thân đoạn:

• Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ (Ví dụ: Về nội dung, bài thơ viết về đề tài Bác Hồ; về tình cảm yêu thương sâu đậm của Bác đối với mọi người và tấm lòng của anh đội viên đối với Bác;... Về hình thức, bài thơ sử dụng nhiều yếu tố tự sự, miêu tả phù hợp với việc thể hiện nội dung kể chuyện về Bác; các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, điệp ngữ,... tô đậm được vẻ đẹp của hình tượng Bác Hồ;...).

• Nêu các lí do khiến em yêu thích (Ví dụ: Nội dung bài thơ gợi cho em những cảm xúc, tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ,... Hoặc về nghệ thuật, tác giả đã sử dụng các từ ngữ, hình ảnh rất sinh động, gợi cảm; các biện pháp tu từ và cách gieo vần phù hợp;...).

+ Kết đoạn: Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩa bài thơ (Ví dụ: Bài thơ mang lại cho em những hiểu biết sâu sắc về Bác Hồ; về cách kể chuyện bằng thơ rất đơn giản mà gây xúc động;...).

c) Viết

Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý khai thác các yếu tố tự sự, miêu tả và tác dụng của chúng trong bài thơ; thể hiện và diễn tả cảm nghĩ của em một cách xúc động, trung thực.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại đoạn văn đã viết. Đối chiếu với nội dung mục 1. Định hướng và dàn ý ở trên để tự phát hiện các lỗi và biết cách sửa lỗi.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày ý kiến về một vấn đề

1 Định hướng

a) Có nhiều vấn đề của cuộc sống được nêu lên trong tác phẩm văn học. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.

Sau đây là một số ví dụ yêu cầu trình bày ý kiến về một vấn đề:

– Từ việc Đế Mên gây ra cái chết cho Đế Choắt trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, em có ý kiến gì về tác hại của thói “hung hăng bậy bạ” trong cuộc sống?

– Sau khi đọc truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* của Pu-skin, một bạn cho rằng: Trong cuộc sống, tham lam là không tốt. Ý kiến của em như thế nào?

– Từ bài thơ *Lượm* của Tô Hữu, em hãy trình bày ý kiến của mình về lòng dũng cảm của thiếu niên Việt Nam.

– Sau khi học bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* của U-xa-chốp, em thấy vấn đề ngoại hình của con người có quan trọng hay không?

b) Để trình bày ý kiến về một vấn đề, các em cần:

– Xác định vấn đề của cuộc sống đặt ra trong một tác phẩm văn học.

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.

– Thực hành trình bày ý kiến.

– Lưu ý những lỗi khi trình bày.

2 Thực hành

Bài tập: Sau khi học bài thơ “*Gấu con chân vòng kiềng*” của U-xa-chốp, em thấy vấn đề ngoại hình của con người có quan trọng hay không? Hãy trình bày ý kiến của mình.

a) Chuẩn bị

– Xem lại nội dung bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* đã học.

– Xác định vấn đề trọng tâm cần có ý kiến: Ngoại hình có quan trọng hay không?

– Dự kiến các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, video,...) cho việc trình bày (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách đặt và trả lời một số câu hỏi như:

+ Bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* có ý phê phán, chê bai gấu con có đôi chân vòng kiềng không?

+ Ngoại hình là gì?

+ Ngoại hình có quan trọng không? Vì sao?

+ Có những bằng chứng gì về việc ngoại hình không quan trọng hoặc quan trọng?

+ Có nên đánh giá một người bằng ngoại hình không? Điều gì tạo nên và quyết định giá trị một con người?

+ Cần có thái độ như thế nào về ngoại hình của người khác?

– Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo ba phần của bài nói.

+ Mở bài: Nêu vấn đề cần trình bày ý kiến (Ngoại hình có quan trọng hay không?).

+ Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến của em về vấn đề ngoại hình có quan trọng hay không để trình bày các lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ:

- Ngoại hình không quan trọng (ý kiến).
- Nếu các lí lẽ để làm rõ vì sao ngoại hình không quan trọng (lí lẽ).
- Nếu các bằng chứng cụ thể để thấy ngoại hình không quan trọng (bằng chứng).

Lưu ý: Nếu ý kiến của em là ngoại hình quan trọng thì cũng phải nêu lí lẽ (Vì sao ngoại hình quan trọng?), bằng chứng (Dựa vào đâu để khẳng định điều đó?). Cũng có thể nêu ý kiến ngoại hình vừa quan trọng, vừa không quan trọng. Khi đó, các em cần chỉ ra ngoại hình quan trọng và không quan trọng như thế nào; vì sao.

+ Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của mình (Điều gì quyết định giá trị của một con người? Nếu bài học về cách nhìn và cách ứng xử với người khác có ngoại hình không bình thường).

c) Nói và nghe

– Nói ngắn gọn về bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng*.

– Dựa vào dàn ý để trình bày ý kiến của mình.

– Lưu ý: Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Rút kinh nghiệm về nội dung và cách thức trình bày ý kiến về một vấn đề.

– Người nói: Xem xét về nội dung và cách thức trình bày (Đã nói hết các ý có trong dàn bài đã làm chưa? Còn thiếu nội dung nào? Có mắc các lỗi về cách trình bày không?...).

– Người nghe: Kiểm tra lại các thông tin thu được từ người nói; tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

SAO KHÔNG VỀ VÀNG ƠI?

1. Tao đi học về nhà
Là mây chạy xô ra
Đầu tiên mây rối rít
Cái đuôi mừng ngoáy tít
5. Rồi mây lác cái đầu
Khịt khịt mũi, rung râu
Rồi mây nhún chân sau
Chân trước chồm, mây bắt
Bắt tay tao rất chặt

10. Thế là mây tắt bật
Đưa vội tao vào nhà
Dù tao đi đâu xa
Cũng nhớ mây lắm đấy...

Hôm nay tao bỗng thấy

15. Cái cổng rộng thế này
Vì không thấy bóng mây
Nằm chờ tao trước cửa
Không nghe tiếng mây sửa
Như những buổi trưa nào
20. Không thấy mây đón tao
Cái đuôi vàng ngoáy tít
Cái mũi đen khịt khịt
Mây không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!

25. Sao không về hả chó?
Nghe bom thăng Mỹ nổ
Mây bỏ chạy đi đâu?
Tao chờ mây đã lâu
Cơm phần mây để cửa
Sao không về hả chó?
Tao nhớ mây lắm đó
Vàng ơi là Vàng ơi!...

Kỉ niệm ngày mất chó 3-4-1967

TRẦN ĐĂNG KHOA

(Góc sân và khoảng trời, NXB Văn học, Hà Nội, 2006)

Ghi vào vở chữ cái đúng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

1. Phương án nào nêu các biểu hiện riêng biệt của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả?
- A. Có nhan đề, dòng thơ, khổ thơ
 - B. Có vần thơ và nhịp điệu
 - C. Có bối cảnh, nhân vật, sự việc
 - D. Có chi tiết và biện pháp tu từ
2. Phương án nào nêu đúng tác dụng của việc kể lại câu chuyện theo ngôi thứ nhất?
- A. Giúp người viết thể hiện được suy nghĩ, tình cảm với chú chó Vàng
 - B. Thấy được sự gắn bó giữa cậu bé và chú chó Vàng
 - C. Biết được nguyên nhân vì sao bị mất chú chó Vàng
 - D. Biết được chú chó Vàng hiện nay đang ở đâu và rất nhớ cậu chủ

3. Phương án nào nêu **không** đúng tác dụng của các từ láy xuất hiện ở đoạn thơ thứ nhất?

- A. Miêu tả những hoạt động của chú chó Vàng
- B. Thể hiện tình cảm và sự gắn bó giữa cậu bé với chú chó Vàng
- C. Thông báo sự kiện cậu bé đi học về
- D. Miêu tả sự mừng rỡ của chú chó Vàng

4. Đoạn thơ nào sau đây thể hiện rõ nhất yếu tố miêu tả?

- | | |
|--|--|
| <p>A. Đầu tiên mây rối rít
Cái đuôi mừng ngoáy tít
Rối mây lác cái đầu
Khịt khịt mũi, rung râu</p> | <p>B. Hôm nay tao bỗng thấy
Cái cổng rộng thế này
Vi không thấy bóng mây
Nằm chờ tao trước cửa</p> |
| <p>C. Mây bỏ chạy đi đâu?
Tao chờ mây đã lâu
Cơm phần mây để cửa
Sao không về hả chó?</p> | <p>D. Mây không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!
Sao không về hả chó?
Nghe bom thẳng Mỹ nổ</p> |

5. Bài thơ *Sao không về Vàng ơi?* giống các bài thơ *Lượm*, *Gấu con chân vòng kiềng* ở điểm nào?

- A. Thể thơ tự do, không vần
- B. Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả
- C. Thơ của các nhà thơ Việt Nam
- D. Các bài thơ bốn chữ, có tác giả

6. Bài thơ *Sao không về Vàng ơi?* khác bài thơ *Lượm* ở điểm nào?

- A. Mỗi câu thơ có bốn hoặc năm chữ
- B. Có các yếu tố tự sự, miêu tả
- C. Có nội dung viết về con vật
- D. Có nhan đề và tác giả

7. Phương án nào nêu đúng chủ đề của bài thơ *Sao không về Vàng ơi??*

- A. Tình cảm gắn bó sâu nặng của cậu bé và chú chó Vàng
- B. Nỗi lo lắng của cậu bé về việc chú chó Vàng chưa về
- C. Sự vui sướng của cậu bé lúc gặp chú chó Vàng mỗi khi đi học về
- D. Sự yêu thương, săn sóc của cậu bé với chú chó Vàng

8. Biện pháp tu từ nào được sử dụng ở đoạn thơ thứ nhất?

- | | |
|------------------------------|-----------------------------|
| <p>A. Biện pháp ẩn dụ</p> | <p>B. Biện pháp so sánh</p> |
| <p>C. Biện pháp nhân hoá</p> | <p>D. Biện pháp hoán dụ</p> |

9. Phương án nào nêu **không** đúng tác dụng của điệp từ “không” trong đoạn thơ thứ hai?

- A. Nhấn mạnh sự thiếu vắng chú chó Vàng
- B. Tạo ra sự tương phản về cảnh tượng ở đoạn thơ thứ nhất
- C. Thể hiện cảm xúc buồn bã, trống trải của cậu bé (người kể chuyện)
- D. Thể hiện nỗi buồn bã, trống trải của chú chó Vàng

10. Tóm tắt câu chuyện trong bài thơ bằng 3 – 4 dòng ngắn gọn.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Đọc sách báo hoặc truy cập internet để tìm, thu thập, lựa chọn các tư liệu liên quan đến bài học (các bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả; biện pháp tu từ hoán dụ: đặc điểm và tác dụng).

2. Từ các bài thơ thu thập được, nhận biết và chỉ ra tác dụng của một số yếu tố tự sự, miêu tả trong mỗi bài thơ.

3. Thử làm một bài thơ ngắn có yếu tố tự sự, miêu tả (đề tài và thể thơ tự chọn).

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận xã hội.
- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe.
- Bước đầu biết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.
- Biết tiết kiệm nước sạch; chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh.

Kiến thức ngữ văn

1. Nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)

Trước một hiện tượng trong đời sống, có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Nêu lên ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng cụ thể nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến của người viết, người nói về hiện tượng ấy chính là nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến).

2. Văn bản và đoạn văn

Văn bản là đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp. Thông thường, văn bản là bài nói, bài viết (lá đơn, bức thư, bài thơ, truyện kể, thông báo, bài văn nghị luận,...) có các bộ phận thống nhất về chủ đề (xoay quanh một vấn đề nhất định), liên kết bằng những từ ngữ nhất định và được sắp xếp theo thứ tự hợp lí.

Văn bản có thể gồm một hoặc một số đoạn văn. Mỗi đoạn văn thể hiện một chủ đề nhỏ; hết đoạn văn, phải xuống dòng. Ở dạng phổ biến (điển hình), đoạn văn gồm một số câu, trong đó thường có một câu nêu chủ đề của đoạn văn (câu chủ đề), một số câu phát triển chủ đề (câu phát triển).

Ví dụ: Bài *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* (Thủy Dương) gồm nhiều đoạn văn. Trong đoạn văn sau, câu đầu tiên nêu chủ đề bàn luận của đoạn văn; các câu tiếp theo diễn giải chủ đề này: "*Khi nuôi thú cưng, trẻ sẽ phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác. Các con vật nuôi luôn luôn cần sự chăm sóc và quan tâm. Chúng phụ thuộc vào người cho ăn, chăm sóc và huấn luyện. Trẻ nuôi thú cưng sẽ thường xuyên học được cách cảm thông và lòng trắc ẩn. Học cách có trách nhiệm với người khác sẽ tạo cơ hội cho những đứa trẻ biết tự chăm sóc bản thân mình tốt hơn.*".

3. Từ Hán Việt là những từ mà tiếng Việt mượn từ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) được đọc theo cách đọc Hán Việt^(*). Ví dụ: *sơn hà, quốc gia, vĩ đại, nhân ái, ...*. Các yếu tố cấu tạo từ Hán Việt thường không có khả năng dùng như một từ đơn để tạo câu như các yếu tố thuần Việt cùng nghĩa. Ví dụ, không thể tách tiếng *hà* khỏi từ *sơn hà* để nói "Việt Nam có rất nhiều hà" mà chỉ có thể nói "Việt Nam có rất nhiều sông". Đây là một trong những dấu hiệu phân biệt từ Hán Việt với từ thuần Việt và với những từ gốc Hán đã được mượn từ trước khi hình thành lớp từ Hán Việt và được Việt hoá ở mức độ cao, như: *áo, quần, bướm, bướng, ...*

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tailieu.com



Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiểm thức ngữ văn* để vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận xã hội vào đọc hiểu văn bản này.

– Khi đọc văn bản nghị luận, các em cần chú ý:

+ Nhan đề thường cho biết nội dung, đề tài của bài viết.

+ Ở văn bản này, người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì? Để bảo vệ hay phản đối ý kiến đó, người viết đã nêu lên những lí lẽ và bằng chứng nào?

+ Vấn đề bài viết nêu lên có liên quan gì đến cuộc sống hiện nay và với bản thân?

– Đọc trước văn bản *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?*. Liên hệ với những hiểu biết của em để đọc hiểu và tìm ra những thông tin liên quan tới bài viết này.

(*) Theo các nhà nghiên cứu, cách đọc Hán Việt là cách đọc chữ Hán của người Việt bắt nguồn từ hệ thống ngữ âm tiếng Hán thời Đường, chịu sự chi phối của hệ thống ngữ âm tiếng Việt (*Từ ngữ Hán Việt – tiếp nhận & sáng tạo*, NXB Khoa học Xã hội, năm 2018, trang 77).

2 Đọc hiểu

① Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều từng có những kỉ ức tuổi thơ tươi đẹp gắn gũi với động vật và thiên nhiên. [...] Hẳn nhiều người đều từng dành hàng giờ nhìn lũ kiến “hành quân” tha mồi về tổ hay buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi. Những loài động vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ nên những bức tranh kỉ ức về thời ấu thơ tươi đẹp.

Ý chính của phần ① là gì?

② Vào kì nghỉ hè, nhiều trẻ em mong ngóng được về quê chơi. Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đưa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông bắt vò, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê. Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.

③ Trong công viên, ngoài những con chim công xinh đẹp, lũ trẻ con thường bị thu hút bởi lũ khi tinh nghịch, thông minh. Nhìn cánh khi mẹ cho con bú, bóc chuối bằng những ngón tay khéo léo, chúng ta không khỏi ngạc nhiên tự hỏi: Sao chúng có thể giống con người đến vậy? Qua nghiên cứu, khi và vượn có cùng tổ tiên với con người. Loài người kì thực cũng chỉ là một loài đặc biệt trong thế giới động vật mà thôi. [...]

Câu nào trong phần ③ cho thấy con người liên quan đến động vật?



Tranh minh hoạ gợi cho em suy nghĩ gì?

Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật

đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái⁽¹⁾ là môi trường sinh tồn của con người.

"Môi trường sinh tồn" là gì?

④ Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không nương tay. [...]

Phần ④ nói về thực trạng nào đáng báo động?

⑤ Khi đã hiểu được động vật, con người sẽ không phá rừng làm trang trại chỉ vì muốn có được thịt bò, không chặt cây chỉ vì muốn vót đũa. Khi hiểu được nỗi đau của động vật, chúng ta sẽ không lạm dụng và cướp đi môi trường sống của chúng. Nếu thực sự là chủ nhân của muôn loài, chúng ta phải thay đổi, phải bảo vệ ngôi nhà chung Trái Đất, để động vật cũng có quyền được sống giống như con người.

Ý chính của phần ⑤ là gì?

KIM HẠNH BẢO – TRẦN NGHỊ DU

(In trong *Bách khoa tri thức tuổi trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật*, Hàn Đức Khởi (Tổng Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)



1. Tìm hiểu nghĩa của các từ ngữ in đậm trong các dòng sau:

- a) "Qua nghiên cứu, khỉ và vượn có cùng **tổ tiên** với con người,..."
- b) "Mỗi loài động vật đều có quan hệ **trực tiếp** hoặc **gián tiếp** đối với con người"
- c) "Mỗi loài động vật tồn tại... là kết quả của **tạo hoá** trong hàng tỉ năm..."
- d) "...không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ **tuyệt chủng** hoàn toàn"

2. Theo tác giả, tại sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật? Dẫn ra một lí lẽ có trong văn bản mà em cho là quan trọng nhất.

3. Tác giả đã thể hiện thái độ như thế nào trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật? Thái độ ấy thể hiện rõ nhất ở câu văn nào trong văn bản?

(1) *Sinh thái*: quan hệ giữa sinh vật với môi trường (*sinh*: sống, *thái*: tình trạng). *Hệ sinh thái* bao gồm các sinh vật (động vật, thực vật, vi sinh vật) và các yếu tố vật lí (đất, nước, ánh sáng, khoáng chất, khí hậu, ...) trong một không gian xác định.

4. Hãy tìm trong văn bản một ví dụ, trong đó, người viết nêu lên lí lẽ và dẫn ra các bằng chứng làm sáng tỏ lí lẽ ấy.

Lí lẽ	Bằng chứng
M Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.	M Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đũa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cắt cỏ, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê.

5. Văn bản trên giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm thêm các lí lẽ hoặc bằng chứng khác để làm sáng rõ sự cần thiết phải thân thiện với động vật.

2

Khan hiếm nước ngọt

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* ở bài *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước văn bản *Khan hiếm nước ngọt*, liên hệ với những hiểu biết của bản thân về nước, suy nghĩ để trả lời các câu hỏi sau:

+ Hằng ngày, em vẫn sử dụng nước, hãy giải thích cho mọi người rõ sự khác nhau giữa: nước, nước mặn, nước ngọt, nước sạch. Nguồn nước nhà em đang sử dụng trong sinh hoạt là loại nước nào?

+ Nếu phải trình bày trước lớp ba tác dụng của nước ngọt, em sẽ nêu những tác dụng nào?

2 Đọc hiểu

① Nhìn vào bản đồ thế giới, đầu đầu ta cũng thấy mênh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng con người và muôn loài trên quả đất không bao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng nghĩ như vậy là nhầm to.

Ý chính của phần mở đầu là gì? Nó liên quan với tên văn bản như thế nào?

② *Đúng là bề mặt quả đất mềm mỏng là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được. Hầu hết nước trên hành tinh mà chúng ta đang sống là nước mặn. Trong khi số nước ngọt còn lại thì hầu hết bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực và trên dãy núi Hi-ma-lay-a⁽¹⁾ (Himalaya). Vậy thì con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ở sông, suối, đầm, ao, hồ và nguồn nước ngầm. Số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, không phải cứ dùng hết lại có và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra. Dù thứ rác thải, có những thứ rác tiêu hủy được, nhưng có những thứ hàng chục năm sau chưa chắc đã phân hủy⁽²⁾, cả những chất độc hại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối. Như vậy là nguồn nước sạch lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.*

Các câu in nghiêng ở phần ② dùng để phản đối ý kiến nào?

Theo Tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh đang có khoảng hơn hai tỉ người sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nước nhiều hơn cho mọi nhu cầu của mình, trong khi dân số thì tăng lên mỗi ngày. Người ta đã tính được những phép tính đơn giản rằng để có một tấn ngũ cốc⁽³⁾ cần phải sử dụng 1 000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500 đến 1 500 tấn nước. Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3 500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn: từ 15 000 đến 70 000 tấn. Rồi còn bao thứ vật nuôi, cây trồng khác để phục vụ nhu cầu của con người, mà chả có thứ gì không cần có nước. Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn; cây cối, muôn vật không sống nổi.

Chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng trong phần ②.

Trong khu đó, nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều, có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm. Ở nhiều nơi, chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, để có chút nước ngọt, bà con ta phải đi xa vài ba cây số để lấy nước. Các nhà khoa học mới phát hiện ra rằng ở vùng núi đá này, đang có nguồn nước ngầm chảy sâu dưới lòng đất. Nhưng để có thể khai thác được nguồn nước này sẽ vô cùng gian khổ và tốn kém vì khắp mọi nơi đều trập trùng núi đá. [...]

(1) *Hi-ma-lay-a*: dãy núi cao nhất thế giới, là nơi có 14 đỉnh núi cao trên 8 000 mét, trong đó cao nhất là đỉnh Ê-vơ-rét (Everest).

(2) *Phân hủy*: chỉ một chất phân rã thành những chất khác, không còn như ban đầu.

(3) *Ngũ cốc*: năm loại cây có hạt dùng để ăn, gồm: kê, đậu, ngô, lúa nếp, lúa tẻ, gọi chung là cây lương thực.

③ Nước ngọt đang ngày càng khan hiếm và muốn có nước sạch, hợp vệ sinh để dùng rất tốn kém. Vì vậy, cùng với việc khai thác các nguồn nước ngọt, con người ngày càng phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm tài nguyên⁽¹⁾ nước.

Phần ③ có vai trò gì trong văn bản nghị luận này?

Theo TRỊNH VĂN

(Bảo Nhân Dân, số ra ngày 15-6-2003)

?

1. Văn bản *Khan hiếm nước ngọt* viết về vấn đề gì? Vấn đề đó được nêu khái quát ở phần nào? Tên văn bản và vấn đề đặt ra trong đó có liên quan như thế nào?
2. Theo tác giả, có những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm? Liệt kê ra vở các lí do theo bảng sau:

Hiện tượng	Lí do
Nước ngọt ngày càng khan hiếm	M a) Số nước ngọt không phải là vô tận và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra.

3. Theo em, mục đích của tác giả khi viết văn bản này là gì và được thể hiện rõ nhất ở câu văn, đoạn văn nào? Các lí lẽ và bằng chứng đã nêu lên trong văn bản có làm rõ được mục đích của tác giả không?
4. Qua văn bản *Khan hiếm nước ngọt*, người viết thể hiện thái độ như thế nào đối với vấn đề nước ngọt?
5. So với những điều em biết về nước, văn bản cho em hiểu thêm được những gì?
6. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 8 – 10 dòng) về chủ đề môi trường, có sử dụng thành ngữ “nhiều như nước”.

(1) *Tài nguyên* (hiển nhiên): nguồn của cái có sẵn trong tự nhiên như dầu mỏ, than đá, quặng sắt, ...

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm từ Hán Việt trong câu sau: “Thái độ đối xử với động vật là một tiêu chí đánh giá sự văn minh của một cá nhân hoặc cộng đồng.”. Em hiểu “văn minh” có nghĩa là gì? Cách đối xử với động vật như thế nào được coi là kém văn minh, lạc hậu?

2. Đọc các câu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới: “Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả.” (Khan hiếm nước ngọt).

- Xếp các từ in nghiêng vào hai nhóm: từ thuần Việt, từ Hán Việt.
- Xếp các từ thuần Việt, Hán Việt thành các cặp đồng nghĩa.
- Tìm thêm hoặc đặt câu có sử dụng một trong các từ *đại dương, lục địa*.

3. Phân tích văn bản *Khan hiếm nước ngọt*:

- Chủ đề của văn bản là gì?
- Xác định các đoạn văn và chủ đề của mỗi đoạn.
- Nội dung các đoạn văn phục vụ cho chủ đề của văn bản như thế nào?
- Dựa vào hiểu biết về các phép liên kết đã học ở tiểu học, hãy chỉ ra và phân tích một phép liên kết câu ở một đoạn văn trong văn bản.

4. Đọc và đặt nhan đề phù hợp cho văn bản sau:

Một buổi tối, tôi cùng Gia-ca-ri-a (Zakaria), đưa con trai lên tầng của tôi, đọc tạp chí truyền hình để chọn chương trình xem.

– Có một cuộc thi hoa hậu nè! – Tôi phần khởi nói.

Gia-ca-ri-a hỏi tôi thi hoa hậu là gì. Tôi giải thích rằng đó là cuộc thi chọn ra người phụ nữ đẹp nhất và tốt bụng nhất.

Ngay sau đó, con trai tôi đã làm tôi vô cùng xúc động khi ngạc nhiên hỏi tôi:

– Mẹ ơi, sao mẹ không tham dự cuộc thi đó?

(Theo sách *Hạt giống tâm hồn và ý nghĩa cuộc sống*)

5. Đọc các đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn.

a) Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp trẻ có một cơ hội tuyệt vời để tìm hiểu về hậu quả. Khi các thú cưng không được chăm sóc tốt, kết quả sẽ thấy rõ ràng trong thực tế. Ví dụ: Nếu cá không được cho ăn, cá sẽ chết; nếu chó không vận động, chó sẽ bị cuồng chân; khi chuồng của một con chuột lang không được cọ rửa thì nó sẽ có mùi khó chịu;...

(Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?)

b) Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều từng có những kỉ ức tuổi thơ tươi đẹp gắn liền với động vật và thiên nhiên. [...] Hẳn nhiều người đều từng dành hàng giờ nhìn lũ kiến “hành quân” tha mồi về tổ hay buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi. Những loài động vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ nên những bức tranh kỉ ức về thời ấu thơ tươi đẹp.

(Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?)

c) Vào kì nghỉ hè, nhiều trẻ em mong ngóng được về quê chơi. Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đũa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cắt cỏ, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê. Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.

(Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?)

6. Chọn một trong hai đề sau:

a) Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) với câu chủ đề: Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.

b) Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) với câu chủ đề: Chúng ta cần sử dụng nước ngọt một cách hợp lí, tiết kiệm.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Tại sao nên có vật nuôi trong nhà? (*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục Chuẩn bị ở bài Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật? để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước văn bản Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?. Liên hệ với bài Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật? và những hiểu biết của bản thân về động vật để đọc hiểu và tìm ra những thông tin liên quan tới bài viết này.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt

2 Đọc hiểu

Trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: Trẻ lớn lên cùng những con thú cưng của mình có tốt hay không? Nhiều ý kiến cho rằng trẻ nên có một con vật nuôi của mình. Dưới đây là những lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà:

Phát triển ý thức: Khi nuôi thú cưng, trẻ sẽ phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác. Các con vật nuôi luôn luôn cần sự chăm sóc và quan tâm. Chúng phụ thuộc vào người cho ăn, chăm sóc và huấn luyện. Trẻ nuôi thú cưng sẽ thường xuyên học được cách cảm thông và lòng trắc ẩn⁽¹⁾. Học cách có trách nhiệm với người khác sẽ tạo cơ hội cho những đứa trẻ biết tự chăm sóc bản thân mình tốt hơn.

Chú ý các chữ in đậm ở đầu mỗi đoạn trong văn bản.

Quan sát nhanh toàn bài để biết có bao nhiêu đoạn, mấy lí do.

Bồi dưỡng sự tự tin: Cùng với sự phát triển tinh thần trách nhiệm, việc nuôi một con vật nào đó sẽ giúp trẻ có sự tự tin. Khi trẻ thành công trong việc chăm sóc một con thú cưng, chúng sẽ tự cảm thấy bản thân mình tốt hơn. Do đó, lòng tự trọng của trẻ cũng được vun đắp và trẻ sẽ cảm thấy rất tự hào về thành tích của chúng.

Vui chơi và luyện tập: Các con vật nuôi trong nhà, đặc biệt là các loài chó, cần sự luyện tập và chơi đùa. Các hoạt động mà trẻ tham gia cùng với thú cưng thường là sự vận động thể chất thích hợp với cả bé trai và bé gái. Nhìn chung, các gia đình thường dành nhiều thời gian ngoài trời hơn khi nuôi những con thú cưng. Ánh nắng Mặt Trời và không khí trong lành rất tốt cho tất cả mọi người. Khám phá về sự cần thiết phải vận động của các con vật nuôi cũng giúp trẻ áp dụng những hiểu biết về vận động để có sức khỏe cho bản thân.

Chú ý nội dung triển khai trong từng đoạn có làm sáng tỏ cho các chữ in đậm ở đầu đoạn không.

Bình tĩnh: Các con vật nuôi trong nhà có xu hướng mang lại một cảm giác bình yên cho trẻ. Một số trẻ nhỏ thường có cảm giác thoải mái khi ở cạnh những con vật nuôi hơn là khi ở bên người khác. Cũng giống như người lớn, trẻ thường thích ở bên những con thú cưng khi chúng cảm thấy buồn, giận dữ hay khó chịu. Thật kì diệu, những con vật nuôi sẽ mang đến sự yên bình trong mọi tình huống và luôn dành cho con người một tình yêu vô điều kiện.

(1) Trắc ẩn: thương xót trong lòng (trắc: thương xót, ẩn: không hiện rõ).

Giảm stress⁽¹⁾: Cùng với việc mang lại sự bình yên cho những đứa trẻ, loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress. Cứ chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ. Những con vật nuôi như những người biết cách lắng nghe và không bao giờ nói lại. Chúng cũng không bao giờ cố gắng đưa ra những lời khuyên khi người ta không muốn nghe. Chúng đơn giản ở đó như một sự yên tĩnh dành cho những người đang cảm thấy bối rối và căng thẳng. Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người. Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với những tiếng "grừ, grừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên.

Chỉ ra lý lẽ và bằng chứng trong đoạn *Giảm stress*.

Cải thiện kỹ năng đọc: Có rất nhiều trẻ thường cảm thấy thoải mái khi đọc to những câu chuyện cho thú cưng hơn là khi đọc cho người lớn nghe. Có lẽ là do các con vật nuôi không biết phán xét – chúng không sửa các lỗi đọc cho trẻ và tất nhiên không bắt trẻ phải đọc đi đọc lại. Khi đọc to cho các con vật nuôi nghe, trẻ cũng sẽ được rèn luyện về kỹ năng đọc một cách trôi chảy và sẽ rất tốt để trẻ có thể nghe được âm thanh của chính mình.

Tìm hiểu về hậu quả: Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp trẻ có một cơ hội tuyệt vời để tìm hiểu về hậu quả. Khi các thú cưng không được chăm sóc tốt, kết quả sẽ thấy rõ ràng trong thực tế. Ví dụ: Nếu cá không được cho ăn, cá sẽ chết; nếu chó không vận động, chó sẽ bị cuồng chân; khi chuồng của một con chuột lang không được cọ rửa thì nó sẽ có mùi khó chịu;...

"Hậu quả" nghĩa là gì?

Học cách cam kết⁽²⁾: Các con vật nuôi không phải là những thú đồ vật mà trẻ có thể cất lên giá khi chúng cảm thấy mệt mỏi vì phải chăm sóc. Chúng cần được cho ăn, tắm rửa, luyện tập vui chơi và cả yêu thương nữa. Nuôi một con thú cưng là một cam kết hoàn toàn và không được coi là một công việc làm thêm. Điều này dạy trẻ học cách cam kết và tuân theo cam kết đó trong suốt quá trình.

Kỉ luật: Nếu trẻ có một chú cún trong nhà, chúng sẽ phải học cách huấn luyện nó và dạy nó cách nghe lời. Những nghiên cứu khoa học cũng đã cho thấy nuôi chó sẽ giúp trẻ học tập và rèn luyện tinh kỉ luật.

(1) *Stress* (tiếng Anh): sự căng thẳng thần kinh do một yêu cầu, áp lực hay một tác động nào đó.

(2) *Cam kết*: cam đoan làm đúng những điều đã hứa (*cam*: bằng lòng, *kết*: hợp lại).

Như vậy việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kĩ năng sống cũng như cải thiện đời sống tinh thần. Ngoài ra, trẻ có thể chia sẻ thời thơ ấu của mình với những “người bạn” tốt nhất của chúng.

Đoạn kết nêu lên ý kiến đồng tình hay phản đối?

Theo THUYẾT DƯƠNG

(Tổng hợp từ *Thi thức trẻ* – Báo điện tử *Tổ quốc*)

?

1. Cách trình bày văn bản có gì đáng chú ý?

2. Dựa vào cách trình bày văn bản để nêu khái quát các lợi ích của vật nuôi theo bảng sau:

Lợi ích của vật nuôi

M Giảm stress

3. Qua văn bản, em thấy tác giả đồng tình hay phản đối việc nuôi động vật trong nhà? Em nhận ra điều ấy dựa vào những bằng chứng nào trong văn bản?

4. Các lí lẽ và bằng chứng đã nêu lên trong văn bản có phù hợp với mục đích của tác giả không? Vì sao?

5. Nội dung hai văn bản *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* và *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* có điểm gì giống nhau? Điểm giống nhau ấy có ý nghĩa gì đối với em?

VIẾT

Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

1 Định hướng

a) Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ và đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.

b) Hiện tượng đời sống thường do đề bài nêu lên nhưng cũng có thể do người viết tự xác định. Dưới đây là một số ví dụ về hiện tượng đời sống cần quan tâm:

- Phải trồng nhiều cây xanh.
- Việc nuôi các con vật trong nhà.
- Việc sử dụng nước ngọt.
- Việc sử dụng bao bì ni lông.
- Hiện tượng học sinh chơi game⁽¹⁾.
- Một hiện tượng cần biểu dương trong nhà trường.

c) Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần: nêu ý kiến của mình, giải thích vì sao, đưa ra các lí lẽ và bằng chứng.

2 Thực hành

Bài tập: Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ý kiến như thế nào về vấn đề này?

a) Chuẩn bị

- Tìm hiểu về các con vật nuôi.
- Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào? Lợi ích của vật nuôi là gì?... (Tham khảo văn bản *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?*).
- Có thể sử dụng internet để thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh họa, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý, dựa vào phần chuẩn bị ở trên, em hãy đặt và trả lời các câu hỏi như:
 - + Thế nào là những con vật nuôi?
 - + Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?
 - + Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?
 - + Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?
- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được ở trên, lựa chọn và sắp xếp lại theo ba phần của bài viết:
 - + Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?).
 - + Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tuỳ vào ý kiến (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?) để trình bày các lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ:
 - Nên có vật nuôi trong nhà (ý kiến).
 - Nêu các lí lẽ để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà (lí lẽ).
 - Nêu các bằng chứng cụ thể về lợi ích của vật nuôi (bằng chứng).

(1) Game: ở đây hiểu là trò chơi điện tử.

Lưu ý: Nếu em cho rằng không nên có vật nuôi trong nhà thì cũng cần nêu lí lẽ và bằng chứng.

+ Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử với vật nuôi.

c) Viết: Dựa vào dàn ý đã làm, viết bài văn.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

– Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.

– Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

1 Định hướng

a) Xác định vấn đề: Dựa vào các văn bản em đã học và gợi ý về các hiện tượng trong đời sống của mục 1. Định hướng ở phần Viết, lựa chọn vấn đề em định trình bày ý kiến.

b) Đề trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần:

– Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người.

– Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ (nếu có).

2 Thực hành

Bài tập: Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ý kiến như thế nào về vấn đề này?

a) Chuẩn bị

– Xem lại dàn ý đã làm ở phần Viết.

– Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).

– Nếu trình bày ý kiến về một vấn đề khác với vấn đề ở phần Viết thì lập dàn ý cho bài nói.

c) Nói và nghe

– Người nói: Dựa vào dân ý, thực hiện việc trình bày ý kiến về vấn đề đã lựa chọn bằng lời trước tổ hoặc lớp. Chú ý bảo đảm nội dung và cách trình bày để bài nói trở nên hấp dẫn.

– Người nghe: Tóm tắt được nội dung chính mà người nói trình bày.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Nhớ lại, rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

– Người nói:

+ Xem xét nội dung bài nói đã đủ ý chưa (Ý kiến về vật nuôi thế nào? Li lẽ về sự cần thiết có vật nuôi ra sao? Có nêu được các bằng chứng cụ thể không?).

+ Rút kinh nghiệm cách trình bày: Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ,... đã phù hợp chưa?

– Người nghe:

+ Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin (ý kiến, lí lẽ và bằng chứng về vật nuôi) của người nói.

+ Thái độ nghe: tập trung chú ý theo dõi người nói, nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THẾ GIỚI RA SAO NẾU KHÔNG CÓ CÂY XANH?

Trong một năm, một cây ra lá khi trưởng thành sẽ sản sinh ra ngày càng nhiều oxi, đủ cho 10 người thở. Ai cũng biết tầm quan trọng, sự thiết yếu của oxi đối với cuộc sống của con người. Nhưng đó chỉ là yếu tố cần. Yếu tố đủ cho sự sống bao gồm nhiệt độ, khí hậu, không khí trong lành,... cũng phụ thuộc lớn vào mật độ cây xanh trên thế giới. Tuy nhiên, rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi. Ước tính có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm. Nạn phá rừng xảy ra do tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ngày một nhiều. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí. Hệ thực vật trên Trái Đất đã khiến cuộc sống của chúng ta dễ chịu hơn, nhất là việc cung cấp bóng râm trong những ngày oi nóng. Có một điều không ai phủ nhận là sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất. Dù không tạo ra tuyết trong ngày nắng nóng nhưng có cây xanh là có sự khác biệt. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua, một phần nguyên nhân từ sự giảm diện tích rừng trên toàn cầu.

Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu. Lá cây giúp điều hoà, làm mát không khí qua quá trình thoát hơi nước, giúp tăng độ ẩm trong không khí. Với mắt người, thoát hơi nước ở cây là các quá trình vô hình, nhưng theo điều tra địa chất của Mỹ một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm. Quá trình này cực kì hữu ích trong việc giảm mưa bão vì nó trả lại độ ẩm cho bầu khí quyển. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh thì cư dân giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh như một chiến lược tạo bóng mát cho ngày hè cũng như cản gió lạnh vào mùa đông. Cây xanh có tác dụng hấp thụ bớt lượng nhiệt phát sinh từ các hoạt động của đô thị (xe cộ, giao thông, điều hoà nhiệt độ, máy làm mát). Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nóng dần lên của Trái Đất.

Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính⁽¹⁾ do không khí ô nhiễm gây ra.

Tóm lại, không phải ngẫu nhiên những nơi sạch nhất và đáng sống nhất, trong mắt nhiều người tựa “thiên đường” lại được thiết kế để con người có thể sống hài hoà với màu xanh của cỏ cây.

(Theo THU THUYẾT — songmoi.vn)

Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

1. Câu nào sau đây nêu đúng vấn đề chính của văn bản?

- A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”.
- B. Mỗi bộ phận của cây xanh đều có tác động đến khí hậu.
- C. Con người không thể sống thiếu cây xanh.
- D. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

2. Câu văn nào sau đây thể hiện rõ thái độ quan tâm, lo lắng của tác giả?

- A. Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu.
- B. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh.

(1) *Mãn tính*: thường chỉ loại bệnh kéo dài và khó chữa.

- C. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí.
D. Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?
3. Ý chính của câu kết "Tóm lại [...] màu xanh của cỏ cây" là gì?
A. Sống hài hoà với cỏ cây là tiêu chí của cuộc sống hạnh phúc.
B. Trong mắt nhiều người, cỏ cây tựa như "thiên đường".
C. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là nơi có cỏ cây.
D. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là "thiên đường".
4. Tại sao văn bản trên được coi là văn nghị luận?
A. Vì nêu lên được thực trạng về cây xanh đang mất dần
B. Vì phân biệt được các lợi ích của cây xanh
C. Vì nêu được nguyên nhân cây xanh bị chặt phá
D. Vì nêu được ý kiến và làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng
5. Câu nào sau đây nêu lên bằng chứng cụ thể của người viết?
A. Nếu không có cây xanh che chắn bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.
B. Một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm.
C. Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí.
D. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.
6. Câu văn nào sau đây nêu lên tầm quan trọng của cây xanh?
A. Có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm.
B. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.
C. Sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất.
D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua.
7. Qua câu: "Cây cối luôn được ví là "lá phổi xanh"", tác giả muốn khẳng định điều gì?
A. Cây cối rất quan trọng đối với việc hô hấp của con người.
B. Cây cối có vai trò to lớn, có thể thay cho lá phổi con người.
C. Cây cối có tác động to lớn đến tình hình khí hậu trên Trái Đất.
D. Cây cối làm cho lá phổi con người xanh và mát mẻ, dễ chịu.

8. Câu nào sau đây chứa từ Hán Việt?

- A. Cây cối luôn được ví là "lá phổi xanh".
- B. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.
- C. Xung quanh nhà, người ta thường trồng cây xanh.
- D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng trong thế kỉ qua.

9. Từ nào sau đây có yếu tố "ô" **không** cùng nghĩa với yếu tố "ô" trong ba từ còn lại?

- A. ô nhiễm
- B. ô uế
- C. ô trọc
- D. ô kìa

10. Viết một đoạn văn khoảng 4 – 5 dòng mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh..."; trong đoạn văn có sử dụng từ Hán Việt.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Thu thập các bài viết, hình ảnh, video, ... về tác dụng của vật nuôi và sự cần thiết bảo vệ động vật hoang dã; tác dụng của cây xanh và sự khan hiếm nước ngọt theo cách sau:

- Thu thập từ sách báo em đọc hằng ngày.
- Thu thập từ internet (vào công cụ tìm kiếm internet gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm như: *vật nuôi, thú cưng, tác dụng của vật nuôi, động vật hoang dã, tác dụng của cây xanh, ...*).

2. Đọc và tìm trong số tư liệu đã thu thập một bài nghị luận về đề tài vật nuôi, động vật hoang dã hoặc vai trò của cây xanh và nước ngọt đối với đời sống con người.

3. Liên hệ với cuộc sống của gia đình em và những người xung quanh để tự đánh giá, nhận xét về ý thức và việc làm bảo vệ môi trường sống của mọi người.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của các truyện ngắn.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, vận dụng được những hiểu biết về trạng ngữ vào đọc, viết, nói và nghe.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề.
- Biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với mọi người, có suy nghĩ và việc làm nhân hậu, bao dung.

Kiến thức ngữ văn

1. Truyện ngắn; đặc điểm nhân vật; lời người kể chuyện và lời nhân vật

– Truyện ngắn là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp,... Chi tiết và lời văn trong truyện ngắn rất cô đọng. Truyện ngắn hiện đại Việt Nam xuất hiện tương đối muộn.

– Đặc điểm nhân vật là những nét riêng của nhân vật trong truyện, thường được thể hiện qua *hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ*,...

– Lời người kể chuyện là lời của người đã kể lại câu chuyện. Nếu người kể theo ngôi thứ nhất thì lời của người kể là lời của người xưng “tôi”. Ví dụ: “Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo...” (*Bức tranh của em gái tôi* – Tạ Duy Anh). Nếu người kể theo ngôi thứ ba thì lời của người kể là lời của người ngoài, không tham gia câu chuyện. Ví dụ: “Ngày xưa, ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con” (*Thạch Sanh*). Lời nhân vật là lời của một nhân vật trong truyện, ví dụ lời Thánh Gióng: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây.” (*Thánh Gióng*).

2. Trạng ngữ

Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu chỉ bối cảnh (thời gian, vị trí, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất,...) của sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ có thể được biểu hiện bằng từ, cụm từ và thường trả lời cho các câu hỏi: *Khi nào?*, *Ở đâu?*, *Vì sao?*, *Để làm gì?*, *Bằng gì?*, *Như thế nào?*,...

Trạng ngữ không phải là thành phần bắt buộc trong câu. Nhưng trong giao tiếp, ở những câu cụ thể, việc lược bỏ trạng ngữ sẽ làm cho câu thiếu thông tin, thậm chí thiếu thông tin chính hoặc không liên kết được với các câu khác.

3. Tả cảnh sinh hoạt

Tả cảnh sinh hoạt là miêu tả, tái hiện hoạt động của con người trong đời sống, lao động hoặc quá trình tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, lễ hội,...

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Bức tranh của em gái tôi

TẠ DUY ANH(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.
- Khi đọc truyện ngắn, các em cần chú ý:
 - + Truyện kể về việc gì? Thời gian và địa điểm xảy ra câu chuyện?
 - + Truyện có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Nhân vật chính là người thế nào?
 - + Truyện kể theo ngôi kể thứ mấy và tác dụng của ngôi kể ấy?
 - + Truyện nêu lên vấn đề gì? Vấn đề ấy có liên quan đến cuộc sống hiện nay và cá nhân em như thế nào?
- Đọc trước truyện *Bức tranh của em gái tôi*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Tạ Duy Anh.

(*) Tác giả Tạ Duy Anh sinh năm 1959, quê ở Hà Nội.

2 Đọc hiểu



Từ nhan đề và hình minh họa, em có thể đoán nội dung chính của truyện này nói về việc gì?

① Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

– Này, em không để chúng nó yền được à?

Nó vênh mặt:

– Mèo mà lại! Em không phá là được...

Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhọ nổi vào một cái lọ còn bỏ không. Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bổ mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.

② Nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ. Hôm đó, chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Vớ được bạn gái, nó mừng quỳnh lên. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Tại đây, Mèo đưa toàn bộ những bức tranh nó vẽ giấu ra cho bé Quỳnh xem. Chỉ thấy bé Quỳnh thỉnh thoảng lại reo lên khe khẽ. Lát sau, bé Quỳnh chạy vào thì thầm gì đó với chú Tiến Lê khiến chú phải xin phép bố tôi theo bé Quỳnh ra vườn. Lúc đó, tôi đang mải mê với chiếc diều nên không biết có chuyện gì xảy ra. Chỉ thấy từ ngoài vườn trở vào, mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm:

Người kể câu chuyện ở ngôi nào? Kể về ai?

Tại sao nhân vật “tôi” lại bí mật theo dõi em gái?

Phần ② giúp người đọc hiểu ra điều gì?

– Anh chị có phúc⁽¹⁾ lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không? Chú trải sáu bức tranh do Mèo vẽ ra trước mặt bố tôi. Đến lượt bố tôi ngáy người ra như không tin vào mắt mình.

– Con gái tôi vẽ đây ư? Chà lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lợi ấy!

Và ông không kìm được, ôm thốc Mèo lên:

– Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.

Mẹ tôi vừa về, kịp nghe và kịp chứng kiến tất cả, cũng không kìm được xúc động. Theo chú Tiến Lê thì những bức tranh của Mèo rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào. Bố mẹ tôi rất tin vào thẩm định⁽²⁾ của chú Tiến Lê. Chú còn hứa sẽ giúp em gái tôi để nó phát huy tài năng.

③ Kể từ hôm đó, mặc dù mọi chuyện vẫn như cũ trong căn nhà của chúng tôi, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. Những lúc ngồi bên bàn học, tôi chỉ muốn gục đầu xuống khóc.

Chú ý sự thay đổi của nhân vật “tôi” qua tâm trạng, suy nghĩ và hành động ở phần ③.

Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gất um lên.

Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Dường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát mức cám lợn, sứt một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vẽ vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Có cảm tưởng nó biết mọi việc chúng tôi làm và lo đi vì không chấp trẻ con.

Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lên trút ra một tiếng thở dài...

④ Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp”⁽³⁾ hẳn một hộp màu ngoại xịn. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miệng dầu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đây là trước kia. Bây giờ, tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...

Sự việc nào trong phần ④ làm cho câu chuyện tiếp tục hấp dẫn? Hấp dẫn ở chỗ nào?

Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như Tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thi sinh phải vẽ một bức tranh

(1) Phúc: điều may mắn, tốt lành.

(2) Thẩm định: xem xét để xác định, nhận xét, đánh giá.

(3) Đồng nghiệp: người làm cùng một nghề.

theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cừ hay xét nét⁽¹⁾ tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”.

Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thi thảm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.



Chú bé trong bức tranh được miêu tả như thế nào?

Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hỏi thi thảm vào tai tôi:

– Con có nhận ra con không?

⑤ Tôi giật mình người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên⁽²⁾ vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

– Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn rất hồi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy!”.

Chú ý sự thay đổi tâm trạng của nhân vật “tôi”.

(In trong *Bức tranh của em gái tôi*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2008)

(1) *Xét nét*: quan sát, để ý từng cái nhỏ nhất để đánh giá người khác.

(2) *Thôi miên*: tác động vào tâm lý để thu hút hoàn toàn trạng thái tinh thần của người khác; ở đây có nghĩa là nhìn như dán mắt vào, bị thu hút hết cả tâm trí.



1. Truyện kể về việc gì? Hãy tóm tắt nội dung câu chuyện trong khoảng 8 – 10 dòng.
2. Hãy nêu ra một số chi tiết trong văn bản để thấy sự khác nhau giữa tính cách của nhân vật người anh và nhân vật người em (Kiều Phương).
3. Nhân vật người em thường được tái hiện qua hành động, còn nhân vật người anh thường được tác giả chú ý miêu tả tâm trạng. Hãy chỉ ra các chi tiết cụ thể để làm sáng tỏ điều đó. Ngôi kể có liên quan gì đến cách miêu tả hai nhân vật đó?
4. Đọc phần ⑤ và trả lời các câu hỏi:
 - a) Tại sao người anh “muốn khóc quá”?
 - b) Câu nói “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy!” cho em hiểu gì về người anh?
 - c) Điều gì đã tạo nên sự bất ngờ cho kết thúc truyện?
5. Cuối truyện, tác giả viết: “Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ để trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...”. Em hiểu nội dung chưa được viết vào dấu ba chấm ấy là những gì? Điều đó thể hiện tâm trạng như thế nào của người anh? Em đã từng có tâm trạng ấy chưa?
6. Theo em, truyện muốn đề cao, ca ngợi điều gì? Điều đó có liên quan đến cuộc sống hằng ngày của mỗi người như thế nào?

2

Điều không tính trước

NGUYỄN NHẬT ANH^(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại mục *Chuẩn bị* ở bài *Bức tranh của em gái tôi* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.
- Đọc trước truyện *Điều không tính trước*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Nhật Anh.

(*) Tác giả Nguyễn Nhật Anh sinh năm 1955, quê ở Quảng Nam.

2 Đọc hiểu

① Tôi chuẩn bị đánh nhau. [...]

Chả là cách đây năm hôm, trong trận bóng giao hữu giữa lớp tôi và lớp thắng Nghi nhân dịp kết thúc năm học, khi nhận được đường chuyền của thắng Phước, tôi lướt xuống sút vào gôn đội nó một quả tuyệt đẹp thì nó la toáng lên bảo tôi vi phạm⁽¹⁾. Rõ ràng khi tôi nhận bóng thì trước mặt tôi còn đến hai hậu vệ⁽²⁾ của đội nó, vậy mà thắng Nghi cứ khẳng khẳng không công nhận bàn thắng của tôi. Ưc nhất là lúc đó bên tôi đang bị dẫn trước một bàn. Thế là hai bên bỏ mặc trái bóng nằm lẩn lóc trên sân, xúm lại cãi cọ. Rốt cuộc, không ai chịu ai, hai bên đều gom mũ áo, giấy dép hăm hực ra về.

Đã vậy, trước khi bỏ đi, thắng Nghi còn nhe răng trêu tôi:

– Lần sau đừng “ăn cắp trứng gà” nữa nghen!

Ý nó bảo tôi giỏi tài nấp sẵn ở sân đối phương để rình cơ hội ghi bàn “bất hợp pháp”. Trong khi bọn tôi giận tím mặt thì phe thắng Nghi cười lên hô hố.

“Được rồi, nếu mày muốn gây sự, ông sẽ cho mày biết tay!” Tôi lăm lăm trong miệng và tiếp tục đi tìm “vũ khí”. Tôi lục lọi ngăn kéo của chị Hiền. Ngăn kéo của chị Hiền chỉ toàn là bánh kẹo và trái cây, chẳng có thứ nào có thể dùng để đánh nhau cả. Chẳng lẽ lại dùng trái cây chọi⁽³⁾ địch thù! Cuối cùng, tôi tìm thấy “vũ khí” trong hộp đồ nghề của anh Nghĩa.

② [...] Tôi mới cầm tờ giấy nhám lên thì thắng Phước tôi. [...] Tôi nói:

– Chiều nay mày có đi đánh nhau với tao không?

Phước tỏ vẻ đắn đo:

– Đánh nhau ấy à?

Tôi khích:

– Chẳng lẽ mày sợ thắng Nghi! Chính nó đã ăn gian trận bóng hôm nọ, lại còn chọc tức tội mình nữa! Bỏ qua sao được!

Phước bị tôi khích tướng, bèn gật đầu:

– Đánh thì đánh! Tao mà sợ nó!

– Nhưng đi đánh nhau phải có vũ khí! – Tôi lên giọng đàn anh. – Mày có vũ khí không?

Chú ý ngôi kể và tác dụng của ngôi kể đó.

Tình huống dẫn đến ý định “đánh nhau” là gì?

Chú ý các lời đối thoại của hai nhân vật, từ đó có thể thấy rõ hơn đặc điểm nhân vật “tôi”.

(1) *Vi phạm*: lỗi của cầu thủ bóng đá khi nhận bóng để tấn công ở sân đối phương mà phía trước không có cầu thủ nào của đối phương, trừ thủ môn.

(2) *Hậu vệ*: cầu thủ bóng đá ở tuyến sau, có nhiệm vụ bảo vệ phía trước khung thành.

(3) *Chọi*: đấu sức với nhau nhằm phân thắng bại, hơn thua.

– Không! Tao chẳng có vũ khí gì cả! Tao chỉ muốn chơi nhau bằng tay thôi!
– Hừ, vậy mà cũng gọi là đánh nhau! Một người lính gương mẫu bao giờ ra trận cũng mang theo vũ khí, mày hiểu không? Mày nhớ kĩ lại đi, ở nhà có vũ khí gì nào?

Phước “nhớ kĩ” một lát rồi reo lên:

– À, tao có cái ná thun⁽¹⁾, được không mày?

Tôi gật gù:

– Giàn thun chỉ để đánh nhau với bọn trẻ con thôi! Nhưng mà thôi, cũng được! Thế chiều nay mày nấp trong bụi cây ở ngã tư, còn tao sẽ đón đường thằng Nghi. Chiều nào nó cũng đi ngang ngã tư đó. Tao sẽ nói chuyện với nó. Mày nhớ theo dõi, khi nào tao vung tay lên khỏi đầu, mày sẽ bắn vào bụng nó. Lúc đó, tao sẽ rút... “vũ khí hoá học” trong túi quần ra, xịt vào người nó, thế là nó lăn đùng ra đất.

③ Chiều đó, tôi và Phước nấp sẵn trong bụi cây ở ngã tư. Trong khi chờ đợi, tôi dặn nó đủ thứ “kí luật chiến trường”, nào phải giương súng... thun ra làm sao, nín thở như thế nào. Phước nghe theo răm rắp. Còn nó thì cứ luôn mồm dặn tôi nhớ xịt vũ khí hoá học ít ít một chút. Nó sợ tôi làm thằng Nghi què chân suốt đời.

Khi thấy bóng thằng Nghi xuất hiện từ xa, tôi bước ra đứng chặn giữa đường.

Thấy tôi, Nghi reo lên:

– Ủa, mày đi đâu đó? Tao đang đi tìm mày nè.

Chết cha! Vậy là nó đã chuẩn bị rồi! Chẳng biết nó đem theo vũ khí gì? Tôi thót bụng, hỏi:

– Mày tìm tao chi vậy?

So với dự định ban đầu thì sự việc xảy ra ở phần

③ khác như thế nào?



Tranh minh hoạ cho chi tiết, sự việc gì trong truyện?

(1) Ná thun (còn gọi là giàn thun, tiếng Nam Bộ): súng cao su dùng để bắn những viên sỏi, viên đá nhỏ hoặc vật tương tự.

Nghi thò tay vào túi quần. Thấy vậy, tôi cũng cho tay vào túi quần nắm chặt cái kềm, sẵn sàng đối phó.

Tê ra “vũ khí” của Nghi là một cuốn sách nhỏ. Nó đưa sách cho tôi:

– Đây là cuốn luật bóng đá của anh tao. Cho mày mượn đọc để mai mốt đá bóng mình khỏi phải cãi nhau nữa! Trong đó có ghi rõ luật viết vì đó!

Tôi đang ngo ngắc thì Nghi lấy trong túi áo ra mấy tờ giấy, huơ lên:

– Đi xem phim không?

– Vê xem phim hả?

– Ủ, bạn chị tao cho ba vé, chị tao không đi nên cho tao. Phim “Trộm mắt Phật”⁽¹⁾ hay lắm nghen mày!

– Đưa tao xem nào!

Tôi nói và rút tay ra khỏi túi quần, vô tình tôi lại lôi ra cả cái kềm.

– Mày đem kềm đi đâu vậy? – Nghi tò mò.

– À... à, lúc nãy tao sửa xe, rồi bỏ quên trong túi.

Nghi trầm trồ:

– Cái kềm bóng quá hén⁽²⁾! Mày cho tao mượn đi, xe tao cũng đang sút⁽³⁾ mấy con ốc.

④ Tôi đưa cái kềm cho Nghi và liếc lại phía bụi cây. Phước đang nhấp nhòm trong đó, tôi thấy đầu nó nhô lên hụp xuống liên hồi.

Trong phần ④, điều gì khiến người đọc hồi hộp?

Thấy tôi đưa “vũ khí hoá học” cho địch thủ, nó càng hồi hộp tợn. Nó giương ná thun lên ra ý hỏi, tôi bèn khoát tay bảo thôi. Nhưng chắc nó tưởng tôi ra hiệu “khai hoá”, liền kéo thật căng sợi thun, chuẩn bị bắn. Tôi hoảng hốt vội nhảy tới một bước, đứng chắn giữa nó và Nghi. Thấy điệu bộ lạ lùng của tôi, Nghi thắc mắc:

– Mày làm gì vậy?

– À... không! – Tôi ấp úng.

Nghi nhìn về phía bụi cây:

– Có gì đáng đó vậy?

Biết không thể giấu được, tôi đành đáp:

– Thằng Phước! Nó đang rình bắn chim!

Tôi quay về phía bụi cây la lớn:

– Ra đi, Phước ơi! Con chim của mày bay mất rồi!

Phước cầm giàn thun lò dò bước ra:

– Tụi mày nói chuyện lớn quá làm con chim bay mất, uống thiệt⁽⁴⁾!

Qua phần ④, em thấy Nghi là người như thế nào?

(1) Phim “Trộm mắt Phật”: một bộ phim thần thoại phiêu lưu rất hấp dẫn của Á Rập.

(2) Hén (tiếng Nam Bộ): từ biểu thị ý như muốn hỏi nhằm tranh thủ sự đồng tình của người nghe.

(3) Sút (tiếng Nam Bộ): long ra, rời ra.

(4) Thiệt (tiếng Nam Bộ): thật, uống thiệt: uống thật, uống quá.

Nghi vỗ vai nó, an ủi:

– Thôi, bỏ con chim đi! Bây giờ ba đưa mình đi xem phim “Trộm mắt Phật”.

Phước khịt mũi:

– Phim hay không vậy?

– Tuyệt! Có hoàng đế Ama và tên trộm Abu, hay lắm!

– Hai tay này đánh nhau hả?

Nghi ngơ ngác:

– Đánh nhau gì?

– Thì đánh nhau chứ đánh nhau gì! Đánh nhau bằng “vũ khí hoá học” đó!

Nói xong, Phước nhìn tôi cười hích hích khiến tôi đỏ cả mặt.



Tranh minh hoạ nhắc em nhớ tới câu tục ngữ nào về sự đoàn kết?

Nghi chẳng hiểu gì cả, nó choàng vai tôi và Phước kéo đi:

– Không có đánh nhau đâu! Hai nhân vật này là bạn thân với nhau, một tình bạn chân thành và tuyệt đẹp!

Nặng chiều hắt bóng ba đưa xuống mặt đường thành một khối, giống như người khổng lồ trong truyện cổ [...].

1988

(In trong tập *Ưt Quyền và tôi*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2019)



1. Câu chuyện được kể theo ngôi nào? Dẫn ra một ví dụ về lời người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện *Điều không tính trước*.

2. “Điều không tính trước” trong câu chuyện là điều gì? Qua đó, em thấy nhân vật Nghi là người thế nào?

3. Nhân vật “tôi” trong truyện là người như thế nào? Hãy chỉ ra một số chi tiết (hình dáng, lời nói, suy nghĩ, hành động, ...) mà nhà văn đã dùng để khắc hoạ đặc điểm nhân vật “tôi”.

4. Điều gì tạo nên sự hấp dẫn trong phần kết thúc của câu chuyện (phần ④).

5. Theo em, qua câu chuyện, tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì? Điều gì đối với em là thấm thía và sâu sắc nhất? Vì sao?

6. Em hiểu như thế nào về kết thúc truyện: “Nắng chiếu hắt bóng ba đứa xuống mặt đường thành một khối, giống như người khổng lồ trong truyện cổ [...]”?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Trong những câu dưới đây, cụm từ **ngày hôm nay** ở câu nào là trạng ngữ? Vì sao?

a) **Ngày hôm nay** là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. (Hồ Chí Minh)

b) **Ngày hôm nay**, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp. (Hồ Chí Minh)

2. Tìm 3 trạng ngữ chỉ thời gian trong truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh). Nêu tác dụng liên kết câu của một trong các trạng ngữ đó.

3. Thờ lược bỏ các trạng ngữ (in đậm) trong những câu dưới đây và cho biết nghĩa của câu bị ảnh hưởng như thế nào. Từ đó, hãy rút ra nhận xét về vai trò của trạng ngữ đối với nghĩa của câu.

a) **Mùa đông, giữa ngày mùa**, làng quê toàn màu vàng... (Tô Hoài)

b) **Bố, mẹ** tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. **Trong tranh**, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. (Tạ Duy Anh)

c) **Con đường** trải nhựa kẻ thẳng băng, sóng soài không bóng cây. **Đã bao nhiêu năm tháng, mỗi ngày hai buổi**, mà đạp xe đi về trên con đường ấy. (Phong Thu)

4. So sánh vị trí của trạng ngữ trong những cặp câu dưới đây và cho biết vì sao tác giả lựa chọn cách diễn đạt ở câu a₁ và câu b₁.

a₁) **Nghe chuyện**, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng, **để biết chính xác hơn nữa**, vua cho thử lại. (Em bé thông minh)

a₂) **Nghe chuyện**, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng, vua cho thử lại **để biết chính xác hơn nữa**.

b.) Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. **Trước đền**, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang mùa quạt xoè hoa. (Theo Đoàn Minh Tuấn)

b.) Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang mùa quạt xoè hoa **trước đền**.

5. Chọn một trong hai đề sau:

a) Viết đoạn văn kể lại một đoạn truyện đã học hoặc đã đọc, trong đó có sử dụng một số trạng ngữ chỉ thời gian có chức năng liên kết các câu trong đoạn.

b) Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về một tác phẩm đã học hoặc đã đọc, trong đó có sử dụng một số trạng ngữ chỉ vị trí để liên kết các câu trong đoạn.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Chích bông ơi!

Tặng con trai

CAO DUY SƠN^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* ở bài *Bức tranh của em gái tôi* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước truyện *Chích bông ơi!*; tìm hiểu thêm các tư liệu nói về tác giả Cao Duy Sơn.

2 Đọc hiểu

① Tơ rich... chích... Tơ rich... chích...

Tiếng chim rộn lên bụi cây trước nhà. Thằng Khin chạy lon ton quanh sân, miệng riu rít gọi bố:

– Pa⁽¹⁾ ơi, chim chích bông, nó đang tập bay, cánh nó bị mắc trong đám gai “mắc hủ” kia kia, pa bắt cho con chơi đi...

Dế Vằn bước ra cửa, ôm thằng Khin vào lòng, giọng triu mến:

– Ở đâu con trai?

(*) Tác giả Cao Duy Sơn sinh năm 1956, quê ở Cao Bằng.

(1) Pa (tiếng Tây): bố.



Nội dung tranh liên quan đến sự việc gì trong truyện?

Theo cánh tay chỉ của Ô Khỉ, Dế Vần thấy một chú chim chích bông bé xiu, lông cánh nâu đỏ, mỏ và ngực vàng sẫm, đôi chân tí tẹo như hai dóng cò “nhà nhùng” với những chiếc móng hồng đang giãy giụa trong bụi gai. Tiếng kêu của nó nghe hoảng hốt lắm! Những âm thanh chích chích đỏ bống làm Dế Vần bối rối. Nhìn con trai, Dế Vần bỗng nhớ ngày ấy mình cũng chỉ mới tám tuổi như nó bây giờ. Dế Vần theo pa lên nương, giỏ tũn⁽¹⁾ sâu vượt lên, thổi bạt lá rừng ào ào nghe như tiếng mưa rào đầu hạ. Nhưng giờ thì đã vào thu rồi! Nương lúa nếp nhà Dế Vần đã bắt đầu mướt như lụa đập dềnh trong gió.

Chú ý theo dõi chuyện đang xảy ra (hiện tại) và chuyện đã xảy ra (quá khứ).

② Tiếng “Chích... Tơ rích... Chích” đầu đây ngân rung non nớt, rớt vào không gian âm thanh quẩn rữ bước chân Dế Vần. “Đây rồi!” – chú bé khê reo lên hồi hộp. Chỗ tách ra của một cành nhỏ gần ngọn cây “nùm mỏ”, cao tầm đầu người là một tổ chim được bện bằng lá cò tròn tròn xinh xắn. Dế Vần nín thở kiễng chân lên ngó. Bên trong là một chú chích bông bé xiu đỏ hỏn. Hình như chỉ có cái đầu là to hơn cả. Tiếng động khiến nó tưởng chim mẹ về, chích bông vội ngửa chiếc mỏ viền vàng há hốc chích chích. Chú bé không nén nổi vui sướng, nó vội thò tay cầm lấy sinh linh đỏ hỏn như một viên đá son nhấc ra khỏi tổ. Giờ cao con chim, chú cò chân chạy về phía pa đang mài miết làm cỏ lúa, miệng cất tiếng reo sung sướng:

– Pa ơi! Con bắt được một con chim...

Nghe tiếng con gọi, người cha đưa tay lên đầu lật chiếc nón mo rộng vành ra sau lưng. Chờ con đến gần, ông đưa tay áp nhẹ lên bàn tay của con rồi ngồi xuống khẽ nói:

– Chích bông đây mà! Nó còn non quá! Pa muốn con đặt nó lại tổ...

“Chú bé” ở phần ② là ai?

“Pa” ở đây và “pa” ở đầu truyện có phải là một người không?

(1) *Thưng* (thùng lũng): vùng đất thấp giữa hai sườn dốc.

– Không! Con bắt được, nó là của con, con sẽ nuôi nó.

Đường như sợ niềm vui của mình sẽ bay mất, Dế Vằn áp chặt chú chim non vào ngực rồi đột ngột băng xuống đồi.

– Này con...! – Người cha định nói với con điều gì đó nhưng không kịp nữa; ông đành nhìn theo cái chấm nhỏ đang khuất sau cánh rừng với ánh mắt thoáng buồn.

Chiều xuống. Ngọn cây mận sau nhà chợt vang lên tiếng kêu “Chích... Chích” liên hồi. Chú bé đưa mắt nhìn cha lo lắng. Nét mặt người cha lặng buồn. Ông khẽ nói với con:

Theo em, người cha định nói với con điều gì?

– Chích bông mẹ đây! Nó đang bay tìm chích bông con. Nghe thảm quá! Giả như con trả nó về tổ.

Dế Vằn rần rần nước mắt. Giọng chú nghẹn ngào. Tay run run chìa ra phía trước, trong lòng bàn tay, chích bông con đã bắt động. Chú bỗng bật khóc nức nở: “Chích bông ơi!”. Tiếng khóc dường như làm rung cả chiều thu buồn bã với những chiếc lá vàng đang rơi xuống như nước mắt của rừng.

Chiều, bên gốc cây mận sau nhà, một nắm mộ nhỏ như chiếc bát úp mọc lên với một nén hương ngùn ngụt khói. Dế Vằn ngồi bên với một chiếc siem⁽¹⁾ vẫn còn dính đất, nước mắt chảy trên khuôn mặt đượm đầy ân hận. Giờ mỗi lần nhớ lại, chú bé vẫn còn nghe thấy tiếng kêu “Chích... Chích” thảm thiết của chích bông mẹ và tiếng nức nở ân hận ngày nào như vẫn còn run rẩy trong lòng.

③ Như con suối rừng vượt qua những ghềnh đá, giờ trở lại êm xuôi hoài niệm mơ màng, giọng Dế Vằn chợt dừng lại. Ô Khìn nhìn pa khẽ hỏi:

Phần ③ kể chuyện hiện tại hay quá khứ?

– Chú bé ấy có phải là pa không?

Dế Vằn khẽ gạt đầu đáp như kẻ có lỗi. Ô Khìn bước đến, cầm lấy tay pa, giọng năn nỉ:

– Đứng đây đi pa! Kia kia, con chích bông kia kia, pa cứu nó đi, không chiều nay mẹ nó bay đi tìm sẽ không thấy mất!

Dế Vằn đứng dậy, hai cha con bước đến bên bụi gai “mác hù”. Dế Vằn lựa tay gỡ con chim ra khỏi đám gai. Nhìn vào mắt con, Dế Vằn bỗng thấy ngực mình có tiếng thỉnh thỉnh, nhưng vẫn gắng cúi xuống đặt chú chích bông vào lòng bàn tay nhỏ xíu của nó. Ô Khìn vui sướng muốn hét, nhưng sợ tiếng kêu sẽ làm chú chim kinh động bay mất và như thế giây phút kì diệu được ngấm nghĩa sẽ rất ngắn. Đưa chích bông lên ngang mặt, Ô Khìn xoè bàn tay, chúc môi thối nhẹ làm cho những chiếc lông vàng nâu rung lất phất, rồi nó chợt khẽ thăm thoi:

(1) Siem: dụng cụ đào đất nhỏ, trẻ em thường dùng để đào dế, giun.

– Bay đi, bay về với mẹ⁽¹⁾ mây đi, mẹ mây đang đợi đấy! Chích bông ơi!



Nội dung tranh minh hoạ có thể hiện được phần kết thúc của truyện không?

Chú chim tung cánh bay vút lên bầu trời. Phía dưới kia, Ô Khìn đang ngược nhìn theo, nó đưa bàn tay như những tia nắng vẫy vẫy tạm biệt. Để Vần bỗng nở một nụ cười, nhìn chích bông non nớt đang nhẹ bay trong nắng thu, Để Vần chợt thấy lòng mình nhẹ nhõm.

Thử nghĩ kết thúc câu chuyện theo một hướng khác.

Cao Bằng, tháng 3 năm 1999
(Tuyển tập truyện viết về thiếu nhi dân tộc và miền núi, NXB Giáo dục, 2004)

?

1. Truyện viết về ai, về việc gì? Theo em, Để Vần là người thế nào?
2. Chỉ ra điểm giống nhau giữa hai câu chuyện trong văn bản này:
 - a) Chuyện của người cha trong quá khứ
 - b) Chuyện hiện tại của hai cha con Ô KhìnTừ đó, em hiểu cách viết “truyện trong truyện” ở đây là thế nào?
3. Vì sao ở đầu truyện, Ô Khìn muốn pa bắt con chích bông để chơi nhưng đến cuối truyện lại thả để chim bay vút lên trời với lời thì thầm: “Bay đi, bay về với mẹ mây đi...”?
4. Truyện muốn nhắn gửi người đọc điều gì? Đối với em, điều gì gây ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

(1) Mẹ (tiếng Tây): mẹ

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

1 Định hướng

a) Tả cảnh sinh hoạt là miêu tả hoạt động của một hay nhiều người trong quá trình lao động, học tập hoặc tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, lễ hội,... Ví dụ văn bản sau:

KEO VẬT^(*)

Ông đồ⁽¹⁾ già người sờ tại, khăn chùng, áo dài ngồi cầm trịch⁽²⁾, giờ cao chiếc dùi trống son sơn gỗ mạnh xuống mặt trống ba tiếng thật đánh, thật giòn tỏ ý nhận lời. Quắm Đen quay ra đứng giữa sới⁽³⁾. Ngay lúc ấy, ông Càn Ngũ cũng từ trên thềm cao bước xuống. Tiếng reo hò bốn phía tức thì nổi lên ầm ầm.

Ngay nhịp trống đầu, Quắm Đen đã lăn xả vào ông Càn Ngũ đánh rào riết. Rõ ràng là anh muốn dùng cái sức lực đương trai của mình lấn lướt ông ta và muốn hạ ông ta rất nhanh bằng những thế đánh thật lắt léo, hóc hiểm. Anh vòn tã, đánh hữu, dư trên, đánh dưới, thoát biến, thoát hoá khôn lường. Trái lại, ông Càn Ngũ thì xem ra có vẻ lờ lờ ngờ, chậm chạp; dường



như ông lúng túng trước những đòn đánh liên tiếp của Quắm Đen. Hai tay ông lúc nào cũng thấy dang rộng ra, để sát xuống mặt đất, xoay xoay chống đỡ. Keo vật xem chán ngắt. Cứ nghĩ tưởng Càn Ngũ thì phải thế nào chứ, đánh chắc thế kia... “Chep!”. Chán quá. Ông Càn Ngũ bỗng bước hụt, mắt đã cúi xuống. Quắm Đen đã như con cắt lượn qua hai cánh tay ông Càn Ngũ ôm lấy một bên chân ông, bốc lên.

Người xem bốn phía xung quanh reo hò ồ ồ cả lên. Thời thế là ông Càn Ngũ ngã rồi, nhất định ngã rồi. Có khoẻ bằng voi thì cũng phải ngã.

Tiếng trống vật dồn lên, gấp rút, giục giã. Ông Càn Ngũ vẫn chưa ngã. Ông đứng như cây trồng giữa sới trước những cặp mắt kinh dị của người xem. Còn Quắm Đen

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) Ông đồ: chỉ các học sĩ trong đầu vật (đồ: vạm vỡ, to khoẻ).

(2) Cầm trịch: chỉ người điều khiển, chỉ dẫn để trận đấu diễn ra đúng luật.

(3) Sới: khoảng đất được bố trí làm nơi đấu vật hoặc chơi gà.

thì đang loay hoay gò lưng lại, không sao bẻ nổi cái chân ông Càn Ngũ. Cái chân tựa như bằng cây cột sắt, chứ không phải là chân người nữa.

Ông Càn Ngũ vẫn đứng nghiêng mình nhìn Quắm Đen mồ hôi mồ kê nhễ nhại dưới chân. Lúc lâu, ông mới thò tay xuống nắm lấy khổ Quắm Đen, nhắc bổng anh ta lên, coi nhẹ như ta gơ con ếch có buộc sợi rom ngang bụng vậy.

Các đồ⁽¹⁾ ngồi quanh sới đều lặng đi trước thần lực ghê gớm của ông Càn Ngũ. Thời thế là Quắm Đen bại rồi. Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng quá chừng.

(Trích truyện *Ông Càn Ngũ* – KIM LÂN)

b) Từ văn bản *Keo vật*, có thể rút ra một số điểm cần chú ý khi viết bài văn tả cảnh sinh hoạt:

– Em định tả lại hoạt động gì? Tả hoạt động khác gì tả người (tả chân dung) và tả cảnh?

– Tả hoạt động phải tập trung miêu tả các hành động, trạng thái của nhân vật thể hiện bằng các động từ, tính từ. Liên hệ với các chi tiết miêu tả hành động, trạng thái của các nhân vật trong đoạn trích trên.

– Tả hoạt động cần nêu được các diễn biến của một hoạt động. Tham khảo các diễn biến của keo vật được miêu tả trong đoạn trích trên.

2 Thực hành

Bài tập: Tả lại một trận bóng đá mà em đã chứng kiến.

a) Chuẩn bị

Tìm hiểu yêu cầu tả lại trận bóng đá:

– Em có những hiểu biết gì về bóng đá?

– Nếu miêu tả lại trận bóng đá thì em chú ý những hoạt động nào? Các hoạt động, hành động của cầu thủ bóng đá thể hiện bằng những động từ, tính từ nào là phù hợp?

– Nếu tả lại một trận bóng đá thì em sẽ tả theo diễn biến như thế nào?

– Cảm xúc của em về trận bóng ấy ra sao?

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý: Dựa vào mục a) *Chuẩn bị* để đặt và trả lời một số câu hỏi như:

+ Trận bóng đá mà em định tả lại là trận bóng nào? Diễn ra ở đâu? Vào lúc nào?

+ Quang cảnh của sân bóng đá như thế nào (thời tiết, cảnh vật, sân cỏ, người xem,...)?

+ Trận bóng diễn ra thế nào (Mở đầu thế nào? Hoạt động của các cầu thủ và trọng tài ra sao? Có cầu thủ nào nổi trội? Nổi trội như thế nào? Kết quả trận đấu như thế nào?...)?

(1) Các đồ: các đồ vật

- + Khán giả xem trận bóng ra sao?
- Lập dàn ý: Từ các ý tìm được, em hãy lập dàn ý theo ba phần của bài viết.
- + Mở bài: Giới thiệu chung về trận bóng đá mà em đã chứng kiến (Trận bóng ấy là của hai đội nào? Diễn ra ở đâu, khi nào?...).
- + Thân bài: Miêu tả chi tiết, chú ý các hoạt động và diễn biến của trận đấu; có thể miêu tả theo trật tự sau:
 - Quang cảnh trận đấu.
 - Diễn biến trận đấu: Miêu tả chi tiết hoạt động của các cầu thủ ở các vị trí khác nhau (hậu vệ, tiền vệ, trung phong, thủ môn,...); chú ý các hoạt động và các cầu thủ nổi bật; hoạt động của trọng tài và thái độ, tình cảm của người xem,...
 - Kết quả trận đấu.
- + Kết bài: Cảm xúc và suy nghĩ của em về trận bóng đã xem.

c) Viết

Dựa vào dàn ý, viết bài văn tả lại trận bóng đá mà em đã chứng kiến.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Kiểm tra phát hiện lỗi của dàn ý bài viết tả lại một trận bóng đá; trao đổi nhận xét những gì đã đạt và những gì còn thiếu; từ đó biết hướng sửa chữa.
- Kiểm tra lại bài văn đã viết, phát hiện các lỗi và nêu hướng sửa chữa.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận nhóm về một vấn đề

1 Định hướng

a) Trong cuộc sống và học tập, sinh hoạt có những vấn đề các em cần phải thảo luận trong nhóm nhỏ để có giải pháp thống nhất. Vấn đề ấy có thể là một hiện tượng đời sống, ví dụ: tác dụng và tác hại của việc chơi game; nên xưng hô với các bạn cùng lớp, cùng giới và khác giới như thế nào cho đúng?... Vấn đề ấy cũng có thể đặt ra từ các nội dung học tập, các văn bản đọc hiểu. Ví dụ, từ các truyện *Bức tranh của em gái tôi*, *Điều không tinh trước*, *Chích bông ơi!*, thảo luận về lòng nhân hậu, vị tha; về tình bạn đẹp;... Cũng có thể thảo luận về hành động của một nhân vật trước nhiều nhận xét khác nhau, chẳng hạn về hành động cầu giận của người anh trong truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) hoặc hành động của nhân vật Nghi trong truyện *Điều không tinh trước* (Nguyễn Nhật Ánh),...

b) Để tham gia thảo luận, các em cần lưu ý:

- Xác định được vấn đề chưa thống nhất, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.

- Biết đặt và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận nhóm.
- Biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.
- Biết nêu ý kiến của mình và tôn trọng, lắng nghe người trao đổi trong nhóm.

2 Thực hành

Bài tập: Trao đổi về vấn đề “Chơi game chỉ có tác hại. Đúng hay sai?”.

a) Chuẩn bị

- Lựa chọn vấn đề cần thảo luận. Ví dụ: Chơi game có phải chỉ có tác hại?
- Tìm hiểu, thu thập thông tin về vấn đề sẽ thảo luận. Ví dụ: game và việc chơi game.
- Xem lại các yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm (ý b, mục 1. Định hướng).

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý bằng cách đặt và trả lời một số câu hỏi như:
 - + Game là gì? Nếu tên một số trò chơi game mà em biết.
 - + Việc chơi game có hại gì và có lợi gì không?
 - + Nên chơi game như thế nào cho phù hợp?
- Lập dàn ý bằng cách dựa vào những ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần của bài viết:

+ Mở đầu: Nêu vấn đề. Ví dụ: Liệu chơi game có phải chỉ có hại hay không?

+ Nội dung chính, có thể có ba loại ý kiến, ví dụ:

- Chơi game có hại (vì chơi game mất rất nhiều thời gian, không tập trung vào việc học tập và làm việc giúp cha mẹ, gia đình; thức khuya, có hại cho sức khoẻ,...).
- Chơi game có lợi (vì nhiều nội dung chơi game rất hấp dẫn, được rèn luyện kĩ năng, kĩ thuật nhanh tay, nhanh mắt; nhiều nội dung trò chơi bằng tiếng Anh giúp người chơi luyện tập ngoại ngữ,...).
- Chơi game vừa có lợi vừa có hại: tham khảo cái lợi và cái hại nêu trên của việc chơi game để trình bày ý kiến của em.

+ Kết thúc: Nên thống nhất ý kiến về vấn đề này như thế nào?

- Chơi game có lợi và không có lợi như thế nào?
- Khi nào thì việc chơi game trở nên có hại? Chơi game như thế nào thì có lợi?

c) Nói và nghe

- Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị, trình bày ý kiến của em.
- Nêu các câu hỏi, chất vấn những điều chưa rõ hoặc không tán thành ý kiến của bạn.

- Trả lời câu hỏi bạn nêu ra cho em.
- Tập trung theo dõi và tôn trọng khi bạn phát biểu.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Rút kinh nghiệm về việc thảo luận và cách phát biểu, thảo luận.

– Người nói:

+ Xem xét nội dung thảo luận: Có nêu được rõ ràng ý kiến, lí lẽ và bằng chứng về việc chơi game không? Ý kiến trình bày có sức thuyết phục không?

+ Rút kinh nghiệm cách phát biểu và các lỗi trong phát biểu, thảo luận.

– Người nghe:

+ Xem xét yêu cầu nắm được thông tin: Người nói nêu ưu điểm hay hạn chế của việc chơi game? Lí lẽ và bằng chứng mà người nói đưa ra để làm rõ ý kiến của mình là gì?

+ Rút kinh nghiệm các lỗi về thái độ trong khi nghe và khi phát biểu, thảo luận.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NẮNG TRƯA BỒI HỐI

– Thuý ơi! Má đi nha!

Giả như mọi hôm, nghe má gọi thế, Thuý chỉ cần “ạ” rồi vẫn cặm cúi bên bàn học. Nhưng hôm nay thì không. Em vội vàng đứng lên. Ngoài kia trời nắng quá. Chiếc nón đã cũ chỉ che nổi một bên vai của má. Mấy cánh hoa đã nhạt trên nền vải áo – chiếc áo của chị Hạnh “cho” má – đập mắt hời như dán vào lưng má và thấm汗 lên.

– Má để con dắt xe ra...

Khoảng trời trước ngõ vút xanh thẳm. Nắng đỏ chang chang. Con đường trải nhựa kẻ thẳng băng, sóng soài không bóng cây. Đã bao nhiêu năm thẳng, mỗi ngày hai buổi má đạp xe đi về trên con đường ấy. Sao hôm nay em mới nhận ra?...

– Thôi để má. Con vào học đi, không có nắng.

Nói rồi, má lên xe. Nắng trưa đỏ đầy lưng má. Má còn bảo em vào nhà đi kéo nắng... Thuý thấy nghèn nghẹn ở cổ...

Thế mà chiều hôm qua em đã “tức” má, đã cho là má “ghét” em nên cứ hơi một tí là mắng em. Lúc thì tại đưa cái này cho má chậm; lúc thì tìm thứ kia không thấy, cứ như khách ở đâu đến chơi.

Chiều hôm qua, nhà có khách. Cô gì ấy, em không hỏi tên, nói là ở Hội Phụ nữ đến hỏi má. Cô ngồi chờ một lúc rồi về. Việc tưởng thế là xong. Em sẽ nói lại cho má biết. Không ngờ...

Vừa bước vào nhà, má đã hỏi ngay:

– Lúc cô Hoa đến, con làm gì?

Em ngạc nhiên:

– Cô Hoa nào ạ?

– Là cô ở Hội Phụ nữ đến hỏi má ấy!

– Má gặp cô rồi ạ?

– Phải. Cô ấy chê con đấy. Con đang làm gì?

– Con học bài.

– Chữ không tiếp khách?

– Dạ. Có. Con có mời cô uống nước.

– Xong rồi, con lại học tiếp?

– Vâng ạ.

– Con cũng không hỏi cô đến có việc gì, có nhắn lại gì không?

– Dạ không. Cô bảo cô đợi má.

– Con cứ để cô ngồi một mình?

– Dạ. Con học bài.

– Vậy là có con ở nhà cũng như không có ai. Bị chê là phải.

Thuỷ thấy má hôm nay “làm sao” ấy.

– Thế con phải làm gì ạ?

– Con có thể cùng ngồi tiếp chuyện, hỏi xem cô có việc gì nhắn hoặc là trả lời những câu cô hỏi. Ai lại khách đến nhà mà để khách ngồi trơ ra như thế bao giờ.

Thuỷ tấm tức, chảy nước mắt:

– Nhưng mà... có phải là khách của con đâu mà con biết nói chuyện ạ! Má cứ la con...

– Lại còn cãi hả?

Má cũng bực và để mặc cho em ngồi khóc, ngồi “tức” má. May quá, tối hôm ấy, ba đi công tác về, má không nói gì em nữa và hình như ba, má có nhắc đến sau bữa cơm. Chắc là... chuyện ấy.

Đến tối, lúc chỉ có hai cha con, ba vui vẻ:

– Ba con mình nói chuyện một lúc nào!

Thủy hơi lạ. Ánh mắt của bà cười cười:

– Chuyện người lớn. Không phải chuyện trẻ con đâu, con gái của ba ạ.

Thủy dụi đầu vào vai bà:

– Bà!

Bà xoa tóc em:

– Con có biết, bây giờ con là gì của má con không? Tất nhiên không phải là con trai rồi!

– Con... thì con vẫn là con của má ạ!

Thủy ngỡ bà sắp chê việc tiếp khách mà má đã kể cho bà biết. Em cảm thấy tủi thân. Nhưng mà không, bà lại nói:

– Không chỉ là con. Mà còn hơn thế nữa kia!

Em chưa hiểu và ngược mắt nhìn bà. Bà âu yếm nhìn em:

– Bây giờ, nhất là những hôm bà đi vắng, con là chỗ dựa, là trợ lý cho má con rồi đó. Con đã là cô Thủy chứ không còn là cô bé Thủy, cái bé Thủy nữa đâu! Má con...

Ánh mắt bà vừa dịu vừa đậm thắm:

– Má con vất vả quá. Được hai chị em con, chị Hạnh đã về nhà chồng. Lại vẫn một tay má con chăm lo tất cả. Con đã lớn, má không dựa vào con, con không là chỗ dựa của má, thì còn ai vào đây nữa? Cả với bà nữa ấy. Khi vắng mẹ, con là chỗ dựa của bà đấy!

Thật lạ lùng. Em không nghĩ bà lại nói với em những điều như thế. Bà vẫn nhỏ nhẹ gần như thầm thì với riêng em:

– Đáng lẽ, bà phải cho con biết điều ấy sớm hơn để con không bị má mắng vì những chuyện lật vật. Mọi việc con làm đỡ má hôm nay, thực ra chỉ là sự chuẩn bị cho con mai đây mà thôi. Ở tuổi con như bây giờ, má con cũng bị ngoại con mắng như thế, và đó là việc ngoại dạy dỗ dần cho má con để má con là má của con hôm nay... Chẳng phải là ghét con mà má con mắng con đâu...

Ồi, bà! Thủy không ngờ. Bà thật là... tình cảm. Bà đã nói "hộ" cho má những điều mà má chưa nói với em...

Thì ra... Em không còn bé nữa. Đã có cô, bác là bạn của má nói vui là: "Trông hai má con cứ như hai chị em...". Như thế là má chưa già. Như thế là em đã lớn.

Sáng hôm nay, em nhìn má tất tưởi lo việc nhà, lo cả bữa ăn sáng cho em ăn rồi đi học. Má hình như có gầy yếu, có già hơn dạo em còn bé. Sao điều ấy em không hiểu nhỉ?

Nắng trưa gay gắt.

Mã đang đạp xe trên con đường không bóng cây. Thế mà sao mã cứ lo con đất xe ra cho mã bị nắng. Có đứa con nào lại không hiểu được sự chịu đựng đến vô cùng của người mẹ như thế vì cuộc sống, vì gia đình và vì những đứa con?...

Thuỷ quay vào nhà. Em định chạy sang nhà Vi chơi một lúc. Em chợt nhìn và thấy vô khối công việc mà mã chưa kịp làm...

Thuỷ không đi nữa.

Nắng trưa sao chói hời...

(PHONG THU – Những truyện ngắn hay viết cho thiếu nhi,
NXB Giáo dục, 2005)

Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

1. Văn bản *Nắng trưa chói hời* thuộc thể loại truyện gì?

- A. Truyện đồng thoại
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện truyền thuyết
- D. Truyện cổ tích

2. Văn bản *Nắng trưa chói hời* viết về đề tài gì?

- A. Thiên nhiên
- B. Thời tiết
- C. Gia đình
- D. Bạn bè

3. Văn bản *Nắng trưa chói hời* giống ba truyện đã học (*Bức tranh của em gái tôi*, *Điều không tính trước* và *Chích bông ơi!*) là đều tập trung ca ngợi điều gì?

- A. Tài năng
- B. Lòng nhân hậu
- C. Tình bạn
- D. Bảo vệ môi trường

4. Trong văn bản, câu nào sau đây là lời nhân vật?

- A. Em định chạy sang nhà Vi chơi một lúc.
- B. Thuỷ quay vào nhà.
- C. Thế con phải làm gì ạ?
- D. Ánh mắt của ba cười cười.

5. Trong văn bản, câu nào sau đây là lời người kể chuyện?

- A. Con... thì con vẫn là con của mã ă!
- B. Mã con vất vả quá.
- C. Mã để con đất xe ra...
- D. Thuỷ tắm tức, chảy nước mắt.

6. Ôi, ba! Thuỷ không ngờ. Ba thật là... tình cảm. Ba đã nói "hộ" cho mã những điều mà mã chưa nói với em... Thì ra... Em không còn bé nữa [...] Như thế là mã chưa già. Như thế là em đã lớn.

Các câu văn trên chủ yếu khắc hoạ nhân vật Thuý ở phương diện nào?

- A. Hình dáng
- B. Tâm trạng
- C. Hành động
- D. Ngôn ngữ

7. Trong văn bản *Nắng trưa bồi hồi*, người kể chuyện là ai?

- A. Người kể xưng "tôi" và là nhân vật trong truyện
- B. Người kể xưng "chúng tôi" và là nhân vật trong truyện
- C. Người kể mang tên một nhân vật trong truyện
- D. Người kể không tham gia vào câu chuyện

8. Câu nào sau đây có trạng ngữ?

- A. Chiều hôm qua, nhà có khách.
- B. Nắng đổ chang chang.
- C. Thuý không đi nữa.
- D. Nắng trưa bồi hồi.

9. Phương án nào nêu đúng nhiệm vụ của trạng ngữ đã xác định được ở câu hỏi 8?

- A. Chỉ thời gian
- B. Chỉ mục đích
- C. Chỉ địa điểm
- D. Chỉ phương tiện

10. Viết đoạn văn (khoảng 4 – 6 dòng) tóm tắt nội dung truyện *Nắng trưa bồi hồi*.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Sưu tầm thông tin (bài viết, hình ảnh, video,...) về các tác giả (Tạ Duy Anh, Nguyễn Nhật Ánh, Cao Duy Sơn), các tác phẩm đã học trong Bài 9 (*Bức tranh của em gái tôi*, *Điều không tính trước*, *Chích bông ơi!*,...) từ nhiều nguồn khác nhau như sách, báo, internet,...

2. Đọc thêm một số truyện ngắn có chủ đề về lòng nhân hậu, bao dung; về thái độ và cách ứng xử cao đẹp, rộng lượng, vị tha, biết chia sẻ, cảm thông,...

3. Tìm kiếm và lưu lại những đoạn văn tả cảnh sinh hoạt hay.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, vấn đề, ý nghĩa,...) của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.
- Nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép; sử dụng được dấu này khi viết; biết lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu.
- Tóm tắt được văn bản thuật lại một sự kiện; viết được biên bản ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận.
- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề.
- Trung thực và có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện.

Kiến thức ngữ văn

1. Văn bản thuật lại một sự kiện theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả

Văn bản thuật lại một sự kiện trình bày theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả thường bao gồm ba thông tin chính: nguyên nhân – diễn biến – kết quả, nhằm trả lời ba câu hỏi lớn: *Vì sao lại xảy ra sự việc ấy?, Sự việc ấy diễn ra thế nào?, Kết quả ra sao?*

2. Biên bản

Biên bản là bản ghi lại những gì thực tế đã và đang xảy ra (về một sự việc cần ghi nhớ hoặc cần xử lý) để làm chứng cứ, làm căn cứ; hoặc là bản ghi lại tiến trình, nội dung, kết quả thảo luận (của một vụ việc, cuộc họp, hội nghị).

3. Dấu ngoặc kép

Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại; đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu. Bài học này đề cập đến một công dụng khác của dấu ngoặc kép: đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường. Ví dụ: *Lũ trẻ trong xóm thi nhau đi “đúc” đồ,.... đem về cho chợ nhau với tôi.* (Tô Hoài)

4. Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu

Bên cạnh yêu cầu sử dụng từ ngữ đúng nghĩa, đặt câu đúng ngữ pháp, việc dùng từ, đặt câu còn phải phù hợp với yêu cầu thể hiện nghĩa của văn bản, cụ thể là:

– Sử dụng từ ngữ phù hợp với đề tài của văn bản (về văn hoá, giáo dục hoặc thể thao, kinh tế, môi trường,...); phù hợp với tính chất của loại văn bản (văn bản hành chính phải sử dụng từ ngữ trang trọng; thư từ sử dụng từ ngữ thân mật, phù hợp với quan hệ giữa người viết và người đọc; văn bản giải trí sử dụng từ ngữ vui tươi, giàu hình ảnh,...); phù hợp với bạn đọc (người già hay trẻ; người hâm mộ thể thao hay người quan tâm đến các vấn đề xã hội;...).

– Đặt câu phù hợp với tính chất của loại văn bản. Ví dụ: Văn bản hành chính, thư từ có những quy ước về cách viết; văn bản truyền dân gian thường mở đầu bằng những câu giới thiệu sự tồn tại của đối tượng, kiểu: *Ngày xưa ngày xưa có...* Việc lựa chọn cấu trúc câu cũng cần phù hợp với ngữ cảnh (tức là phù hợp với những câu đứng trước và đứng sau) để tạo thành một mạch văn thống nhất, đồng thời không lặp cấu trúc, gây nhàm chán.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1

Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng^(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.
- Khi đọc văn bản thông tin thuật lại một sự kiện theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả, các em cần chú ý:
 - + Văn bản được đăng hoặc in ở đâu và vào thời điểm nào? Thời điểm đó có ý nghĩa gì?
 - + Văn bản thuật lại sự kiện gì? Sự kiện ấy được nêu ở phần nào của văn bản?
 - + Thứ tự triển khai nguyên nhân, diễn biến và kết quả của sự kiện.
 - + Các yếu tố như nhan đề, sa pô, đề mục, hình ảnh,... trong văn bản có tác dụng gì?

(*) Người biên soạn sách đã chỉnh sửa nhan đề.

+ Sự kiện được thuật lại có ý nghĩa gì với người đọc?

– Đọc trước văn bản *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng*; tìm hiểu về nhạc sĩ Phạm Tuyên, bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng* và *Chiến thắng 30-4-1975*.

2 Đọc hiểu

28/04/2013

Chú ý thời điểm đăng bài báo.

(Kiến thức⁽¹⁾) – Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng*, Phạm Tuyên cười trả lời: “Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời!”.

Nêu tác dụng của sa pô bài báo.

① Nhạc phẩm *Như có Bác trong ngày đại thắng* do nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác, mỗi độ tháng Tư về lại vang lên rộn rã. Cũng trong một ngày cuối tháng Tư, tôi đã may mắn được ông kể cho nghe câu chuyện thú vị về quá trình ra đời bài hát bất hủ ấy.

② “Ngày đầu tháng 4-1975, tin chiến thắng vang dội từ các chiến trường phía Nam: Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng,... đã thôi thúc cánh nhạc sĩ chúng tôi sáng tác. Tôi dự định phải viết một bản hợp xướng⁽²⁾ thật hoành tráng để ca ngợi chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta. Thế nhưng mỗi ngày lại có thêm một tinh giải phóng, tin thắng trận bay về dồn dập, sức tiến công của quân dân ta không thể nào bì kịp.

Các dấu ngoặc kép trong phần ② dùng để làm gì?

Bản tin chiến thắng ngày 28-4-1975 của Đài Tiếng nói Việt Nam về hành động oanh tạc sân bay Tân Sơn Nhất⁽³⁾ của phi công Nguyễn Thành Trung là cú hích quan trọng cho ra đời bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng*. [...] Nghe xong tin ấy, ý nghĩ thắng lợi luôn thường trực trong đầu tôi. Tiến vào Sài Gòn rồi, giải phóng chỉ trong nay mai thôi. Khi ấy mọi người đều xuống đường mừng giải phóng, không ai ngồi nhà mà nghe hợp xướng của mình nữa đâu! Nên phải viết ngay một cái gì đó, góp một tiếng reo vui cùng mọi người mừng chiến thắng.

Chỉ ra câu văn nói về nguyên nhân chính dẫn đến sự ra đời của bài hát.

(1) *Kiến thức*: bảo điển từ của Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

(2) *Hợp xướng*: hình thức biểu diễn thanh nhạc bằng lời hát nhiều giọng, nhiều bè.

(3) *Sân bay Tân Sơn Nhất*: sân bay quốc tế lớn ở Việt Nam, nằm gần trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong nguồn cảm hứng dào dạt, hai tiếng đồng hồ sau bài hát được hoàn thành, không cần sửa một câu, một chữ. Hôm sau, khi tôi đưa hội đồng duyệt, anh em đùa: “Sao giống như bài hát viết cho thiếu nhi!”. Và định đề dành đến 7-5 kỉ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ mới dàn dựng.

Chú ý những thông tin về quá trình sáng tác và phổ biến bài hát.

Không ngờ thắng lợi nhanh đến thế! 30-4, cờ đỏ sao vàng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập⁽¹⁾. Tất cả mọi người đều cuống lên. Ông Trần Lâm, Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam gọi điện cho tôi, giọng gấp gáp: “Này ông Tuyên ơi, giải phóng miền Nam rồi, ông xem có bài nào mới không, chớ nhỡ lại hát lại bài hát cũ?”.



Chiếc xe tăng đầu tiên của Quân Giải phóng tiến vào sân Dinh Độc Lập ngày 30-4-1975 (Ảnh: wordpress)

Tôi vội vã đến 58 Quán Sứ⁽²⁾, gặp Giám đốc tôi nói luôn rằng tôi chỉ có bài này thôi và hát: “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng. Lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng...”. Vừa nghe xong, gương mặt Giám đốc rạng rỡ: “Trúng rồi, phải dàn dựng thu thanh ngay để kịp truyền đi cùng tin thắng trận ra toàn thế giới.”.

Suốt đêm hôm ấy, mỗi lần đọc xong tin thắng trận, bài hát lại cất lên vang dội qua làn sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam. Ngày 1-5, người dân đổ xuống đường ăn mừng chiến thắng. Quanh Bờ Hồ, trên các xe vui trần đã thấy quân nhạc thổi rền vang “Việt Nam – Hồ Chí Minh, Việt Nam – Hồ Chí Minh”. Buổi chiều, khi đứng ngoài ban công, nghe các loa phát thanh trong thành phố đồng loạt cất vang bài hát ấy, cả hai vợ chồng tôi đều bồi hồi xúc động. Những lần trước, khi nghe bài hát của mình được phát sóng, tôi hay chú ý ca từ, giai điệu xem đã đúng chưa. Lần này thì khác, cảm giác như bài hát đã có sẵn đâu đó rồi, mình không viết cũng có người khác viết thay.”.

(1) *Dinh Độc Lập*: tên toà nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, trước năm 1975 là nơi ở của Tổng thống chính quyền Sài Gòn. Sau năm 1975, Dinh Độc Lập được đổi tên thành Hội trường Thống Nhất, là Di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng được đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

(2) *58 Quán Sứ*: trụ sở của Đài Tiếng nói Việt Nam.

③ Trong mấy trăm tác phẩm do nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác, không có một tác phẩm nào có số phận đặc biệt như bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng*. Nó vượt qua thử thách của thời gian, đến với mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội, không phân biệt biên giới quốc gia. Từ cụ già đến trẻ con, từ miền xuôi lên miền ngược đều hát bài hát ấy. Ở một số nơi, bài hát còn được dùng như bài ca “giã bạn” để kết thúc các cuộc gặp gỡ, mít tinh, văn nghệ quần chúng.

Ở phần ③, tác giả muốn khẳng định điều gì?

Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát, ông cười trả lời: “Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời! Bởi nếu không sống những ngày gian khổ, không nuôi khát vọng giải phóng dân tộc, làm sao cảm xúc có thể vỡ oà cùng ngày chiến thắng. Để có được như ngày hôm nay, chúng ta đã phải đổi bằng máu và nước mắt.”.

Theo NGUYỆT CÁT
(kienthuc.net.vn)



1. Văn bản *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng* thuật lại sự kiện gì?
2. Chỉ ra bố cục của văn bản và xác định nội dung chính của mỗi phần.
3. Tìm trong văn bản những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng*.
4. Những biểu hiện nào cho thấy bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng* “có số phận đặc biệt”?
5. Câu nói của nhạc sĩ Phạm Tuyên ở cuối bài nhằm khẳng định điều gì?
6. Hãy nghe hoặc hát bài *Như có Bác trong ngày đại thắng* và viết lại suy nghĩ, cảm xúc của em (trong khoảng 5 – 6 dòng) về bài hát.

Như có Bác trong ngày đại thắng

Phần khởi - Hồi thành Nhạc và lời: Phạm Tuyên

Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng. Lối Bác
ray đã thành chiến thắng huy hoàng. Bà mẹ năm châu tranh giành tôn
vẹn non sông. Bà mẹ năm châu chỉ Cộng hòa không chiến đã thành
cộng. Việt Nam Hồ Chí Minh, Việt Nam Hồ Chí
Minh, Việt Nam Hồ Chí Minh, Việt Nam Hồ Chí Minh.



Nhạc sĩ Phạm Tuyên

Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* ở bài *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước văn bản *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?*; tìm hiểu thêm về đội tuyển bóng đá nam và nữ của Việt Nam ở thời điểm bài viết nêu lên. Ghi lại những thông tin em cho là thú vị.

2 Đọc hiểu

15/12/2019

(Thethaovanhoa.vn) – Tờ báo *SmmSport* của Thái Lan mới đây đã li giải nguyên nhân khiến bóng đá Việt Nam “thống trị” Đông Nam Á ở thời điểm hiện tại.

Sa pô bài báo nêu nội dung gì?



Đội tuyển U22 Việt Nam tại SEA Games 2019 (Ảnh: nhandan.com.vn)

Sẽ không quá lời khi nhận định rằng bóng đá Việt Nam đang “thống trị” khu vực Đông Nam Á ở thời điểm hiện tại. Đội tuyển bóng đá nam của chúng ta đã vô địch AFF Cup⁽¹⁾ 2018. Trong khi đó, đội tuyển bóng đá nữ cũng đăng quang ở giải vô địch Đông Nam Á trong năm nay. Tại SEA Games⁽²⁾ 2019,

Thông tin chính của đoạn mở đầu này là gì?

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt

(1) *AFF Cup* (viết tắt của Asean Football Federation Cup): Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á do Liên đoàn bóng đá Đông Nam Á tổ chức.

(2) *SEA Games* (viết tắt của South East Asian Games): Đại hội Thể thao Đông Nam Á.

U22 Việt Nam và tuyển nữ Việt Nam đều giành được Huy chương Vàng. Chính sự thành công ấy đã khiến các nước trong khu vực phải khâm phục. Tờ báo *SmmSport* của Thái Lan mới đây đã li giải nguyên nhân khiến bóng đá Việt Nam “thống trị” Đông Nam Á ở thời điểm hiện tại.

Từ “thống trị” ở đây có nghĩa là gì?

1. Lòng khao khát của các cầu thủ

Tờ *SmmSport* cho rằng một trong những nguyên nhân khiến bóng đá Việt Nam thống trị Đông Nam Á chính là vì các cầu thủ Việt Nam luôn thi đấu đầy nhiệt huyết và tràn đầy khao khát giành chiến thắng. Tờ báo viết: “Ở mỗi trận đấu mà chúng ta theo dõi, tuyển Việt Nam luôn vào sân thi đấu với sự khao khát, bất kể họ gặp đối thủ nào. Ngoài ra, các cầu thủ Việt Nam luôn tràn đầy quyết tâm giành chiến thắng, dù cho họ gặp những đối thủ có trình độ cao hơn. Có thể nói, đội tuyển Việt Nam không hề e ngại trước sức mạnh hay tên tuổi của đối thủ mà họ gặp.

Chú ý các đề mục được đánh số thứ tự và in đậm.

Các cầu thủ Việt Nam cũng luôn thể hiện quyết tâm của mình trên sân tập cũng như khi thi đấu. Chính điều này khiến họ luôn tràn đầy sức mạnh để đương đầu với những đối thủ của mình. Và có thể đây là điểm khác biệt giữa cầu thủ Việt Nam và Thái Lan.”.

Lưu ý phân biệt từ in đậm và ngoài dấu ngoặc kép.

2. Sự tự tin

Tờ *SmmSport* cũng nhận định rằng chính sự tự tin của các cầu thủ Việt Nam đã giúp họ giành được nhiều thành công ở các giải đấu khu vực. “Chính sự tự tin đã khiến các cầu thủ Việt Nam “không ngại” đối thủ nào. Điều này cũng phản ánh sự khác biệt giữa thể hệ cầu thủ Việt Nam cách đây 10 năm với lứa cầu thủ hiện tại. Những cầu thủ Việt Nam trong quá khứ rất giỏi nhưng họ không tiến xa ở các giải đấu lớn. Nguyên nhân bởi họ thiếu sự tự tin khi thi đấu với những đối thủ trong khu vực. Vì thế mà thành tích thi đấu của họ không được cải thiện nhiều.”, tờ *SmmSport* viết.



Đội tuyển Quốc gia bóng đá nữ Việt Nam tại SEA Games 2019 (Ảnh: tuoitre.vn)

3. Sự tiến bộ của V-League⁽¹⁾

Tờ *SmmSport* viết: “Như đã nói, đội tuyển Việt Nam trong quá khứ là một đội bóng tốt và có những cầu thủ nổi tiếng. V-League, giải vô địch quốc gia của Việt Nam đã rất phát triển và thậm chí từng có thời điểm đi trước giải vô địch quốc gia của Thái Lan. Bằng chứng là những cầu thủ Thái Lan từng phải sang thi đấu ở Việt Nam để kiếm sống.

Bắt kể giải vô địch quốc gia lớn mạnh như thế nào, mục tiêu cuối cùng vẫn là sức mạnh của đội tuyển bóng đá quốc gia đỏ. Như đã nêu ở phần trước, đội tuyển bóng đá Việt Nam trước đây không thể hiện thực hoá giấc mơ của mình. Tuy nhiên sau này, bóng đá Việt Nam đã phát triển theo hướng chuyên nghiệp, bài bản hơn. Họ chú trọng đầu tư vào nền tảng, hệ thống, đặc biệt là việc đào tạo cầu thủ trẻ. Điều này mất nhiều thời gian nhưng nó mang lại sự ổn định. Và cuối cùng, bóng đá Việt Nam đã thu được quả ngọt như hiện tại.”

4. Các cầu thủ Việt Nam gắn bó với nhau trong thời gian dài

Theo *SmmSport*, những cầu thủ Việt Nam trong đội hình hiện tại gắn bó với nhau trong khoảng thời gian dài nên thi đấu rất ăn ý ở trên sân. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến thành công của đội tuyển Việt Nam ở khu vực.

“Sự phát triển theo hệ thống cần có thời gian nhưng ở một thời điểm, bóng đá Việt Nam đã bắt đầu thu được kết quả tích cực. Rất nhiều cầu thủ ở đội tuyển quốc gia Việt Nam hiện tại vẫn còn trẻ và có thể tiến bộ hơn nữa trong tương lai. Nhiều cầu thủ trong số họ đã được đào tạo và thi đấu trong cùng hệ thống kể từ khi còn nhỏ. Điều này cũng chính là thế mạnh của họ mà những nền bóng đá khác khó có được. Do gắn bó với nhau từ lâu nên các cầu thủ Việt Nam hiểu rõ nhiệm vụ của mình và đồng đội trên sân. Kết quả là họ thi đấu ăn ý, hiệu quả cả trong khâu phòng ngự và tấn công.”, tờ *SmmSport* viết.

5. Được dẫn dắt bởi huấn luyện viên giỏi

Tờ *SmmSport* viết: “Để có thể vươn lên, đội tuyển Việt Nam cần được dẫn dắt bởi một huấn luyện viên có đam mê và ý tưởng. Và không thể phủ nhận rằng dưới sự chỉ đạo của huấn luyện viên người Hàn Quốc, các cầu thủ Việt Nam đã được “lắp ráp”, kết nối với nhau trong một sơ đồ chiến thuật hợp lý, khiến họ trở thành một tập thể mạnh mẽ và hoàn hảo.”

Nghĩa của từ “lắp ráp” ở đây là gì?

“Việc huấn luyện viên người Hàn được ca ngợi hết lời bởi những cổ động viên Việt Nam là điều chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi mà đội bóng của ông ấy giành được nhiều thành công trong thời gian qua...”

(Theo <https://thethaovanhoa.vn>)

(1) *V-League*: tên gọi tắt của Giải bóng đá vô địch quốc gia Việt Nam – giải bóng đá cao nhất trong hệ thống các giải đấu chuyên nghiệp dành cho các câu lạc bộ.



1. Chỉ ra các đoạn nêu nguyên nhân và kết quả trong văn bản *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?*.

2. Hãy tóm tắt những nguyên nhân chính giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng. Vì sao bài biết dành phần lớn nội dung để nói về các nguyên nhân này?

3. Các từ được đặt trong dấu ngoặc kép ở văn bản trên được dùng với nghĩa khác nghĩa thông thường như thế nào?

4. Văn bản đã sử dụng kiểu chữ và cách đánh số các đề mục như thế nào để làm nổi bật các thông tin chính?

5. Dựa vào các câu dẫn từ tờ báo *SmmSport* trong văn bản trên, em hãy nêu nhận xét về thái độ của tờ báo ấy đối với bóng đá Việt Nam.

6. Trong các nguyên nhân đã nêu ở văn bản, em thích nguyên nhân nào nhất? Vì sao?

Blog *Tailieu.com*

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong bài viết *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng*. Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của bài viết như thế nào?

2. Ghi lại những từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực bóng đá ở bài báo *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?*. Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của văn bản như thế nào?

3. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát, ông cười trả lời: “Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời! Bởi nếu không sống những ngày gian khổ, không nuôi khát vọng giải phóng dân tộc, làm sao cảm xúc có thể vỡ oà cùng ngày chiến thắng. Để có được như ngày hôm nay, chúng ta đã phải đổ bằng máu và nước mắt.”. (Nguyệt Cát)

a) Tìm trạng ngữ của câu mở đầu đoạn văn và cho biết: Vì sao tác giả không cần nêu đích xác ngày tháng như trong các văn bản *Hồ Chí Minh* và “*Tuyên ngôn Độc lập*”, *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* (sách *Ngữ văn 6*, tập một, trang 90, 94)?

b) Tìm trạng ngữ của câu thứ hai trong đoạn văn và cho biết: Nội dung trạng ngữ đó được giải thích ở những câu tiếp theo như thế nào? Cách viết này phù hợp với yêu cầu thể hiện nghĩa của văn bản (trình bày sự kiện theo quan hệ nguyên nhân – kết quả) như thế nào?

4. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 dòng) nói về cảm xúc của em khi xem một buổi biểu diễn văn nghệ hoặc một cuộc thi thể thao.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại mục *Chuẩn bị* ở bài *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này. Đọc trước văn bản *Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”*.

– Có rất nhiều sự kiện có ý nghĩa đã xảy ra trong quá khứ, liên quan đến mọi mặt của đời sống như chính trị, văn hoá, khoa học, kĩ thuật,... Một số phát minh cũng được coi là những sự kiện đáng nhớ. Hãy tìm hiểu một số phát minh của nhân loại.

2 Đọc hiểu

Những “huyền thoại” sau đây chắc chắn sẽ khiến bạn cảm thấy vừa quen thuộc lại vừa... lạ lẫm vì không ngờ chúng lại được tạo ra trong những hoàn cảnh có một không hai như vậy.

Tim nghĩa của từ “huyền thoại”.

Một số nhà khoa học phải cố gắng hết sức để phát minh ra một công cụ, phương pháp đột phá⁽¹⁾, mang tính cách mạng cho những vấn đề mắc phải trên thế giới trong hàng thế kỉ. Thế nhưng, cũng không hiếm những trường hợp đơn thuần bằng một cách nào đó đã “vô tình” chạm tay vào vinh quang, cho ra đời những phát minh vĩ đại mà đến nay vẫn còn được áp dụng rộng rãi.

(*) Người biên soạn sách đã chỉnh sửa nhan đề.

(1) *Đột phá*: tạo nên những bước chuyển biến mới, mạnh mẽ.

Dù bằng phương pháp nào đi chăng nữa, chúng ta cũng nên cảm thấy biết ơn và may mắn vì tựu trung lại, chúng đều có chung mục đích là xây dựng, kiến thiết nên một thế giới tốt đẹp hơn bao giờ hết.

Dưới đây là một số phát minh “*tinh cờ*” trong quá khứ, nhưng kết quả thì bất ngờ không kém:

1. ĐẤT NẶN



Sản phẩm đất sét
chính thức ra đời vào năm 1957

Nhà phát minh: Giô-sép Mác Vích-cơ (Joseph McVicker) ở Ô-hai-ô (Ohio), Mỹ.

Mục đích ban đầu: Những năm đầu thập niên 1950, công ti của Vích-cơ đã chế tạo thành công một loại bột đất sét đặc biệt có công dụng loại bỏ các vết đen do bồ hóng⁽¹⁾ gây ra trong những căn nhà sử dụng than, củi để nấu nướng và sưởi ấm. Nhưng theo như số liệu từ báo Crít-xti-an Xai-on Mo-ni-tơ (Christian Science Monitor), người dân đã sớm có xu hướng chuyển đổi từ loại hình than, củi sang sử dụng ga⁽²⁾, dẫn đến nguy cơ thua lỗ nghiêm trọng cho công ti.

Diễn biến và kết quả: Vích-cơ khi đó nhớ lại bài học ngày xưa được chị ông dạy cho về việc sử dụng những chất bột nhão để mô phỏng độ dẻo của đất sét. Và cuối cùng vào năm 1957, với quyết định đứng đắn của mình – biến thiết kế trên trở thành một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn, ông đã giúp mang lại cho công ti hàng triệu đô la Mỹ.

Tìm nghĩa của các từ “vô tình” và “tình cờ”.

Chú ý bố cục giống nhau được nêu ở mỗi mục.

Các từ in đậm trong mỗi mục 1, 2, 3, 4 nêu thông tin gì?

Chú ý nguyên nhân, diễn biến, kết quả của mỗi phát minh.

(1) *Bồ hóng*: bụi mịn đen do khói đóng lại lâu ngày thành mảng, thành lớp trên nóc bếp, vách bếp.

(2) *Ga* (tiếng Anh: *gas*): hỗn hợp chất khí cháy được.

2. KEM QUE

Nhà phát minh: Phrăng Êp-po-xon (Frank Epperson), khi mới... 11 tuổi.

Mục đích ban đầu: Năm 1905, trong khi đang vui chơi cùng với gia đình ở sân sau nhà tại Xan Phran-xi-xcô (San Francisco), Êp-po-xon vô tình dùng một chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một chiếc cốc để đùa nghịch; sau đó, bỏ quên đồng hồ ồn ã bên ngoài và trở vào bên trong nhà.

Diễn biến và kết quả: Sáng hôm sau, Êp-po-xon phát hiện ra một “que kẹo băng” ở đó. Cậu bé đã đặt tên cho sản phẩm này theo tên của chính mình: Êp-po-xon, rồi dần dần khoe và làm nỏ cho các bạn cùng trang lứa, cho đến cả những đứa con của mình. Những đứa trẻ khi ấy gọi tên chiếc que của cậu là Pốp-xi-cô (Popsicle), vì được làm từ soda nên khi nếm sẽ có hiện tượng nở li ti. Vào năm 1923, Êp-po-xon đã đăng kí bằng sáng chế cho thiết kế này, chính thức đánh dấu sự ra đời của kem que – sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại mỗi khi mùa hè đến.



Thật không thể tin được sản phẩm này được tìm ra bởi một cậu bé 11 tuổi

3. LÁT KHOAI TÂY CHIÊN



Món khoai tây cắt lát chiên được tìm ra bởi đầu bếp tại Ca-ri Mùn Lếch Hau-xơ (Carey Moon Lake House)

Nhà phát minh: Gioóc Cẳm (George Crum), đầu bếp tại một nhà hàng ở Xa-ra-tô-ga (Saratoga), Niu Oóc (New York), Mỹ.

Mục đích ban đầu: Cẳm khi ấy đang cố gắng phục vụ món khoai tây Pháp do một khách hàng đặt vào mùa hè 1853.

Diễn biến và kết quả: Khách hàng đó liên tục gửi trả lại món ăn đã phục vụ, yêu cầu phải thái lát mỏng hơn và giòn hơn nữa. Cẳm đã mất bình tĩnh, cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể mỏng hơn rồi chiên chúng sao cho khô cứng nhất có thể. Nhưng không ngờ là rất nhiều người thích nó và đặt mua rất nhiều.

Các hình ảnh đưa vào văn bản có tác dụng gì?

4. GIẤY NHỚ

Nhà phát minh: Xpen-xơ Xin-vơ (Spencer Silver) và Át Phrai (Art Fry), làm việc tại một phòng thí nghiệm.

Mục đích ban đầu: Năm 1968, Xin-vơ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết sử dụng nó vào việc gì.

Diễn biến và kết quả: Điểm đặc biệt của chất dính chế tạo bởi Xin-vơ là bạn có thể dính một vật có trọng lượng nhỏ lên đó, một mảnh giấy chẳng hạn, dính lên hoặc bỏ đi khỏi bề mặt mà không làm hư hại gì cả. Hơn nữa, độ dính của chất được sáng chế ở trên kéo dài rất lâu, có thể được dùng dán lại nhiều lần. Tuy nhiên, mọi cố gắng tìm kiếm ứng dụng thật sự trong đời sống của sản phẩm này vào thời điểm đó vẫn chưa có kết quả.



Điểm đặc biệt của chất dính chế tạo bởi Xin-vơ là bạn có thể dính một vật có trọng lượng nhỏ trên đó

Vài năm sau, đồng nghiệp của ông – Át Phrai – vốn đang bức tức vì không thể tìm ra cách gì để dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca của mình tại nhà thờ. Và từ đó, ý tưởng lớn gặp nhau, giấy nhớ đã được ra đời (dù phải đến năm 1980 mới trở nên phổ biến).

(Lược trích theo khoa học tv)



1. Với mỗi phát minh, văn bản *Những phát minh "tình cờ và bất ngờ"* cho biết những thông tin cụ thể nào? Việc lặp lại cách trình bày thông tin ở các phát minh trong văn bản trên có tác dụng gì?

2. Tóm tắt nội dung của văn bản trên bằng cách nêu ngắn gọn các thông tin theo bảng sau:

Tên phát minh	Nguyên nhân	Kết quả
1. Đất nặn	M Do người dân chuyển sang nấu ga, bột đất sét không sử dụng để loại bỏ các vết đen bởi nấu than, củi, công ti có thể bị thua lỗ nặng; Vich-cơ sử dụng những chất bột nhão để mô phỏng độ dẻo của đất sét.	M Đất nặn trở thành một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn; mang lại cho công ti hàng triệu đô la Mỹ.
2. Kem que		
3. Lát khoai tây chiên		
4. Giấy nhớ		

3. Chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày thông tin giữa văn bản *Những phát minh "tình cờ và bất ngờ"* và hai văn bản *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng*, *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?*. Cách trình bày của mỗi văn bản phù hợp với mục đích của văn bản như thế nào?

4. Trong số những phát minh được nhắc đến trong văn bản trên, em thích phát minh nào nhất? Vì sao?

VIẾT

Tóm tắt văn bản thông tin

1 Định hướng

- Tóm tắt văn bản là nêu ngắn gọn nội dung chính của một văn bản nào đó.
- Để tóm tắt văn bản thông tin, có thể tiến hành theo trình tự sau:

1

Xác định thông tin chính (thường nêu ở nhan đề và các đề mục lớn của văn bản).

2

Xác định các thông tin cụ thể của mỗi đoạn hoặc phần trong văn bản (nếu văn bản có nhiều tiêu đề nhỏ thì các thông tin cụ thể thường nằm ở các tiêu đề ấy); giữ nguyên các mốc thời gian hoặc giữ lại những mốc thời gian quan trọng.

3

Kết nối các thông tin cụ thể và viết thành bản tóm tắt theo cách thông dụng hoặc trình bày bằng sơ đồ.

Ví dụ: Dưới đây là bản tóm tắt văn bản *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?* theo cách thông dụng:

Bóng đá Việt Nam đang “thống trị” khu vực Đông Nam Á ở thời điểm hiện tại. Đội tuyển bóng đá nam của chúng ta đã vô địch AFF Cup và đội tuyển bóng đá nữ cũng đăng quang ở giải vô địch Đông Nam Á trong năm 2018. Tại SEA Games 2019, U22 Việt Nam và tuyển nữ Việt Nam đều giành được Huy chương Vàng. Sự thành công ấy là do năm nguyên nhân chính. Thứ nhất, đó là lòng khao khát chiến thắng của các cầu thủ. Thứ hai, các cầu thủ luôn có sự tự tin. Thứ ba, V-League có sự tiến bộ rõ rệt. Thứ tư, các cầu thủ Việt Nam có sự gắn bó với nhau trong thời gian dài. Thứ năm, đội tuyển được dẫn dắt bởi huấn luyện viên giỏi.

Ngoài ra, có thể trình bày bản tóm tắt văn bản *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?* theo sơ đồ sau đây:



2 Thực hành

Bài tập: Em hãy tóm tắt văn bản "Những phát minh "tĩnh cơ và bất ngờ"".

a) Chuẩn bị

- Đọc kĩ văn bản *Những phát minh "tĩnh cơ và bất ngờ"*.
- Dự kiến cách trình bày bản tóm tắt (theo cách thông dụng hoặc theo sơ đồ).

b) Tìm ý

Dựa vào phần chuẩn bị ở trên, em hãy đặt và trả lời các câu hỏi như:

- Văn bản thuật lại những phát minh nào? Thứ tự của các thông tin ấy?
- Ở mỗi phát minh:
 - + Tên phát minh là gì?
 - + Tên nhà phát minh?
 - + Mục đích ban đầu?
 - + Diễn biến và kết quả như thế nào?

c) Viết

– Có thể viết bản tóm tắt thành một đoạn văn, trong đó dùng lời văn của em kết hợp với việc sử dụng các từ ngữ chỉ thứ tự hoặc từ nối để kết nối các thông tin cụ thể hoặc có thể trình bày các thông tin chính của văn bản theo một sơ đồ nhất định.

– Bản tóm tắt phải có đầy đủ các thông tin về nguyên nhân và kết quả của sự kiện.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bản tóm tắt.
- Xem xét, phát hiện và sửa các lỗi về nội dung và hình thức của bản tóm tắt.

Viết biên bản

1 Định hướng

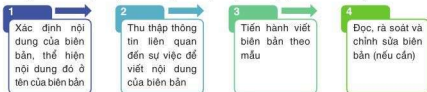
a) Tùy theo nội dung của từng vụ việc mà có nhiều loại biên bản khác nhau: biên bản ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận.

Biên bản thường được viết theo mẫu sau^(*):

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN ¹		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ²		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
Số: .../BB-... ³			
BIÊN BẢN 4			
Thời gian bắt đầu:			
Địa điểm:			
Thành phần tham dự:			
Chủ trì (chủ toạ):			
Thư kí (người ghi biên bản):			
Nội dung (theo diễn biến cuộc họp / hội nghị / hội thảo):			
Cuộc họp (hội nghị, hội thảo) kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm .../.			
THƯ KÍ (Chữ kí)		CHỦ TOẠ (Chữ kí của người có thẩm quyền, dấu/chữ kí số của cơ quan, tổ chức (nếu có) ⁵)	
Họ và tên		Họ và tên	
Nơi nhận: -			
- Lưu: VT, Hồ sơ.			
Ghi chú:			
¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).			
² Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.			
³ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.			
⁴ Tên cuộc họp, hội nghị, hội thảo.			
⁵ Ghi chức vụ chính quyền (nếu cần).			

(*) Theo Phụ lục III. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

b) Để viết được một biên bản, cần thực hiện theo quy trình dưới đây:



Ví dụ về một biên bản thường được sử dụng trong nhà trường:

LIÊN ĐỘI TNT⁽¹⁾ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS⁽²⁾ LÊ QUÝ ĐÔN
CHI ĐỘI 6A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/BB-SHCB

BIÊN BẢN

Sinh hoạt chi đội tuần 9

Thời gian bắt đầu: 10h30 ngày 06 tháng 11 năm 2020

Địa điểm: Phòng học chi đội 6A

Thành phần tham dự: Giáo viên chủ nhiệm, 42 đội viên của chi đội 6A và ban Nguyễn Ngọc Lan – Liên đội trưởng.

Chủ trì: Phạm Thu Hà – Chi đội trưởng

Thư kí: Hoàng Phương Nga

Nội dung sinh hoạt

(1) Bạn Phạm Thu Hà thay mặt Ban chỉ huy chi đội đánh giá hoạt động của chi đội trong tuần vừa qua:

a) Về học tập:

– Ưu điểm: Đa số các đội viên học tập chăm chỉ, nhiều bạn đạt điểm cao trong các giờ kiểm tra.

– Hạn chế: Một số đội viên còn chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

b) Về nề nếp:

– Ưu điểm: Đa số các đội viên mặc đồng phục theo quy định; trực nhật theo phân công; không nói chuyện riêng trong giờ.

– Hạn chế: Một số đội viên quên khăn quàng đỏ.

(2) Ý kiến của một số đội viên trong chi đội:

– Tuyên dương bạn Lê Việt Phương nhặt được của rơi trả người đánh mất.

– Cần có các tiết mục văn nghệ trong những giờ sinh hoạt chi đội.

(1) TNT^P: viết tắt của Thiếu niên Tiên phong.

(2) THCS: viết tắt của Trung học cơ sở.

– Học tập tốt và thực hiện các quy định về nề nếp để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.

(3) Phát biểu của đại biểu Nguyễn Ngọc Lan:

– Biểu dương những ưu điểm của chi đội 6A.
– Tán thành ý kiến căn cơ các tiết mục văn nghệ trong những giờ sinh hoạt chi đội để các buổi sinh hoạt được vui vẻ.

(4) Bạn Phạm Thu Hà phổ biến công tác Đội của tuần 10.

Buổi sinh hoạt của chi đội kết thúc lúc 11h15, ngày 06 tháng 11 năm 2020.

THƯ KÍ

Hoàng Phương Nga

CHỦ TOA

Phạm Thu Hà

Nơi nhận:

Lưu: Hồ sơ chi đội.

2 Thục hành

Bài tập: Để hưởng ứng Ngày Trái Đất 22 – 4, lớp em đã tổ chức thảo luận về chủ đề “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa” trong giờ sinh hoạt lớp. Em hãy ghi lại biên bản của buổi thảo luận đó. Có thể viết tay hoặc tạo lập văn bản trên máy tính.

a) Chuẩn bị

- Xác định được mục đích ghi biên bản: ghi chép về nội dung buổi thảo luận.
- Chuẩn bị phương tiện ghi biên bản.
- Xem trước mẫu biên bản để nắm được bố cục của một biên bản.
- Ngồi ở vị trí để quan sát và lắng nghe mọi người để thu thập thông tin phục vụ cho việc ghi biên bản.

b) Viết

- Vừa quan sát và lắng nghe mọi người trình bày, trao đổi, thảo luận vừa viết biên bản theo mẫu (như đã nêu ở mục 1. Định hướng) hoặc điền các thông tin chính của buổi trao đổi, thảo luận vào mẫu biên bản có sẵn.

- Thông qua tập thể biên bản đã viết.

c) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Bổ sung các góp ý của tập thể (nếu có).
- Đọc lại biên bản.
- Xem xét, phát hiện và sửa các lỗi về nội dung và hình thức của biên bản.

Thảo luận nhóm về một vấn đề

1 Định hướng

a) Vấn đề thảo luận ở đây là nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện. Kết quả của một sự việc, sự kiện có thể do một hay nhiều nguyên nhân. Chẳng hạn theo bài viết *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?*, sự kiện bóng đá Việt Nam “thống trị” Đông Nam Á là do 5 nguyên nhân: lòng khao khát của các cầu thủ, sự tự tin, sự tiến bộ của V-League, các cầu thủ Việt Nam gắn bó với nhau trong thời gian dài, được dẫn dắt bởi huấn luyện viên giỏi.

Thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện là nêu lên ý kiến của các cá nhân và trao đổi, thảo luận để thống nhất trong nhóm về những nguyên nhân dẫn đến kết quả ấy.

b) Để thảo luận trong nhóm về những nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện, các em cần:

Xác định sự việc, sự kiện.

Nêu kết quả của sự việc, sự kiện.

Chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến kết quả của sự việc, sự kiện.

Trao đổi, thảo luận về nguyên nhân mà các thành viên trong nhóm nêu ra; thống nhất ý kiến trong nhóm.

2 Thực hành

Bài tập:

Chọn một trong hai vấn đề sau để thảo luận:

– Nguyên nhân nào làm cho nước sạch ngày càng khan hiếm?

– Vì sao cuối học kì I, lớp em được tuyên dương và khen thưởng là lớp đứng đầu khối 6?

a) Chuẩn bị

– Lựa chọn sự việc hoặc sự kiện cần thảo luận về nguyên nhân đưa đến kết quả của sự việc hoặc sự kiện ấy.

– Thu thập các thông tin và xác định nguyên nhân của sự việc hoặc sự kiện.

– Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận (nếu cần) như: giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ,...

– Xem lại các yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm (ý b, mục 1. *Định hướng*)

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Kết quả của sự việc hoặc sự kiện đó là gì?

+ Nguyên nhân nào dẫn đến kết quả đó (một hay nhiều nguyên nhân)?

+ Theo em, nguyên nhân nào là quan trọng?

– Lập dàn ý bằng cách dựa vào những ý đã tìm được, sắp xếp theo ba phần của bài nói.

+ **Mở đầu:** Nêu sự việc hoặc sự kiện và kết quả của sự việc hoặc sự kiện.

+ **Nội dung chính:**

• **Lần lượt nêu các nguyên nhân dẫn đến kết quả.** Ví dụ:

Nước sạch ngày càng khan hiếm là do:

- ▶ Dùng nước sạch rất lãng phí.
- ▶ Nước sạch không phải là vô tận.
- ▶ Làm ô nhiễm các nguồn nước.
- ▶ Nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng lớn.

...

Lớp em được khen thưởng là do:

- ▶ Có nhiều thành tích trong học tập.
- ▶ Giữ vệ sinh lớp rất tốt.
- ▶ Trồng thêm được nhiều cây xanh.
- ▶ Có nhiều bạn đã rất cố gắng vượt khó.

...

• Thảo luận trong nhóm để tìm thêm các nguyên nhân; loại bỏ những nguyên nhân không đúng; xác định nguyên nhân quan trọng.

+ **Kết thúc:** Khẳng định lại một cách ngắn gọn ý kiến đã thống nhất về nguyên nhân đưa đến kết quả của sự việc hoặc sự kiện.

c) Nói và nghe

– **Mở đầu:** Nhóm trưởng giới thiệu, nêu sự việc hoặc sự kiện.

– Một bạn trình bày ý kiến của cá nhân nêu các nguyên nhân của sự việc hoặc sự kiện.

– Thảo luận trong nhóm về các nguyên nhân dẫn đến kết quả của sự việc hoặc sự kiện:

+ Dựa vào dàn ý đã lập được, lần lượt từng thành viên trong nhóm nêu ra các nguyên nhân đưa đến kết quả của sự việc hoặc sự kiện.

+ Các thành viên trong nhóm có thể bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối với nguyên nhân mà thành viên khác nêu ra. Có thái độ phù hợp khi bày tỏ quan điểm.

– **Kết thúc:** Nhóm trưởng chốt lại những nguyên nhân đã được các thành viên trong nhóm thống nhất.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Rút kinh nghiệm về việc thảo luận và cách thảo luận.

– Người nói:

+ Xem nội dung có nêu đúng các nguyên nhân dẫn đến kết quả của sự việc hoặc sự kiện không. Còn thiếu nguyên nhân nào? Nguyên nhân nào chưa chính xác? Có lí giải một cách thuyết phục không?...

+ Rút kinh nghiệm cách phát biểu và các lỗi trong phát biểu, thảo luận.

– Người nghe:

+ Xem xét kết quả tiếp nhận thông tin: Người nói nêu ra những nguyên nhân nào? Còn thiếu nguyên nhân nào? Lí giải như thế nào?

+ Tự xác định các lỗi về thái độ khi nghe và phát biểu, thảo luận.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

World Wide Web ra đời và phát triển như thế nào 30 năm qua?

Trung tâm Tin tức VTV24

Thứ Tư, ngày 13/03/2019 19:51 GMT+7

VTV.vn – Từ những chiếc máy tính cổng kênh ạch kết nối mạng thời kì đầu, trải qua 30 năm, đến nay, mạng toàn cầu World Wide Web đã chứng minh vai trò cần thiết trong đời sống.

Ngày 12-3-1989, tại Trung tâm nghiên cứu hạt nhân châu Âu ở ngoại ô Giơ-ne-vơ (Geneva), Thụy Sĩ, mạng toàn cầu World Wide Web đã chính thức ra đời. Ban đầu, nhà sáng lập Tim Bơ-nơ-Li (Tim Berners-Lee) chỉ định xây dựng một mạng lưới giúp các đồng nghiệp kết nối tốt hơn nhưng sau đó ông nhận ra ý tưởng này có thể thực hiện với quy mô toàn cầu.

Đến năm 1991, các trang web bắt đầu dần hoạt động trên toàn thế giới. Từ đây, kỉ nguyên thông tin mới cho nhân loại chính thức được mở ra.

Tuy vậy, từ mục đích ban đầu đơn giản là tạo ra mạng lưới kết nối tốt hơn, người sử dụng mạng toàn cầu giờ đây cũng đang phải đối mặt với nhiều vấn đề khác do mặt trái của internet mang lại như bảo mật dữ liệu.

Chính nhà sáng lập mạng toàn cầu Tim Bơ-nơ-Li cũng khuyến cáo người dùng nâng cao ý thức cảnh giác hơn trong vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân, đồng thời cho ra đời một nền tảng phát triển giúp người dùng kiểm soát dữ liệu cá nhân tốt hơn.

(Dẫn theo vtv.vn)

Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8):

1. Văn bản cung cấp cho người đọc thông tin chính nào?

- A. Sự ra đời và phát triển của World Wide Web
- B. Tác dụng của World Wide Web với đời sống của con người
- C. Những mặt trái của World Wide Web với đời sống của con người
- D. Người sáng lập ra World Wide Web

2. Thông tin chính được nêu ở phần nào của văn bản?

- A. Tên văn bản
- B. Sa pô
- C. Video
- D. Các đoạn trong văn bản

3. World Wide Web ra đời năm nào?

- A. 1989
- B. 1991
- C. 1999
- D. 2019

4. Con số “30 năm” được nhắc đến trong sa pô của bài báo để cập đến khoảng thời gian nào?

- A. 1959 – 1989
- B. 1961 – 1991
- C. 1989 – 2019
- D. 1969 – 1999

5. Nội dung nào sau đây **không** có trong văn bản?

- A. Người sáng lập ra World Wide Web
- B. Thời điểm và mục đích ra đời của World Wide Web
- C. Tác dụng và mặt trái của World Wide Web
- D. Cách sử dụng hiệu quả World Wide Web

6. Thông tin trong văn bản chủ yếu được triển khai theo trình tự nào?

- A. Thời gian
- B. Nguyên nhân – kết quả
- C. So sánh
- D. Vấn đề – giải pháp

7. Theo văn bản, mục đích ban đầu của nhà sáng lập khi xây dựng mạng toàn cầu World Wide Web là gì?

- A. Giúp các đồng nghiệp của Tim Bơ-nơ-Li kết nối tốt hơn
- B. Giúp mọi người bảo mật dữ liệu của cá nhân
- C. Giúp mọi người có thể mua bán trực tuyến
- D. Cho mọi người thấy thế giới thật rộng lớn

8. Nghĩa của từ “sáng lập” được in đậm trong văn bản trên là gì?

- A. Xây dựng nên, lập nên cái trước đó chưa hề có
- B. Chế tạo ra cái trước đó chưa có
- C. Viết ra, làm ra tác phẩm văn học, nghệ thuật
- D. Tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần

9. Hãy tóm tắt lại nội dung của văn bản.

10. Nêu một số mặt trái của internet mà em biết.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thông tin về một số sự kiện văn hoá, thể thao, khoa học, ... nổi bật ở trong nước và quốc tế; những bài viết nêu lên nguyên nhân và kết quả của các sự việc, sự kiện lớn trên báo chí và các phương tiện truyền thông hàng ngày.

2. Ghi chép lại những thông tin **chính** về một sự kiện mà em ấn tượng nhất; trình bày các thông tin ấy theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

3. Tóm tắt một số văn bản thông tin đã đọc; tìm một biên bản có thật và nhận xét sau khi đối chiếu với mẫu biên bản đã học trong Bài 10.

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong sách *Ngữ văn 6*, chủ yếu là tập hai, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp em tự đánh giá kết quả học tập cuối năm.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Thống kê tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai.

Câu 2. Nêu nội dung chính của các bài đọc hiểu trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai theo mẫu sau:

M *Luận* (Tổ Hữu): Hình ảnh hồn nhiên, dũng cảm của chú bé liên lạc và tình cảm sâu nặng của nhà thơ với chú bé.

Câu 3. Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc truyện (truyện đồng thoại, truyện của An-đéc-xen và Pu-skin, truyện ngắn); thơ có yếu tố tự sự, miêu tả; văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

M Văn bản nghị luận:

- Xác định và đánh giá được ý kiến, lí lẽ và bằng chứng nêu trong văn bản.
- ...

Câu 4. Thống kê các văn bản văn học (truyện, thơ) đã học ở hai tập sách *Ngữ văn 6*; từ đó, nhận xét sự khác biệt về **đặc điểm hình thức** của mỗi thể loại ở hai tập sách (Gợi ý: Sự khác biệt về đặc điểm hình thức của thơ là tập một tập trung vào thơ lục bát, tập hai tập trung vào thơ có yếu tố tự sự, miêu tả).

Câu 5. Thống kê các văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã học ở hai tập sách *Ngữ văn 6*; từ đó, nhận xét sự khác biệt về **nội dung đề tài** của mỗi loại văn bản ở hai tập sách (Gợi ý: Sự khác biệt về nội dung đề tài của văn bản nghị luận là ở *Ngữ văn 6*, tập một học về nghị luận văn học, *Ngữ văn 6*, tập hai học về nghị luận xã hội).

VIẾT

Câu 6. Thống kê tên các kiểu văn bản đã được luyện viết trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai.

Câu 7. Nêu và chỉ ra mối quan hệ giữa các nội dung đọc hiểu và yêu cầu viết trong các bài ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai.

Câu 8. Chỉ ra ý nghĩa và tác dụng của việc tạo lập một văn bản có minh hoạ hình ảnh, bảng biểu, đồ thị,... (văn bản đa phương thức).

NÓI VÀ NGHE

Câu 9. Nêu các yêu cầu rèn luyện kỹ năng nói và nghe ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai. Các yêu cầu này có mối quan hệ thế nào với yêu cầu đọc và viết?

TIẾNG VIỆT

Câu 10. Các nội dung tiếng Việt được học trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai là những nội dung nào?

M – Bài 6: Mở rộng chủ ngữ bằng cụm từ.

– ...

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung

Kiểm tra, đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học vào việc đọc hiểu và viết văn bản. Các kiến thức và kĩ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học cả về nội dung, hình thức và độ khó; khuyến khích sự sáng tạo của học sinh trong ý tưởng và thể hiện, trình bày.

Hình thức

a) Đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học (văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin). Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và viết câu trả lời ngắn. Các câu hỏi tập trung kiểm tra sự vận dụng kiến thức văn học và tiếng Việt đã học trong học kì II.

b) Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức tương tự như các kiểu văn bản đã được học, gồm: tự sự, miêu tả, nghị luận, thuyết minh, biểu cảm.

TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

I. Đọc hiểu

a) Đọc đoạn trích sau và chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6):

Tôi sống độc lập từ thuở bé. Ấy là tục lệ lâu đời trong họ nhà để chúng tôi. Và lại, mẹ thường bảo chúng tôi rằng: "Phải như thế để các con biết kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ nhong nhong ăn bám vào bố mẹ thì chỉ sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, rồi ra đời không làm nên trò trống gì đâu.". Bởi thế, lứa sinh nào cũng vậy, đẻ xong là bố mẹ thu xếp cho con cái ra ở riêng. Lứa sinh ấy, chúng tôi có cả thầy ba anh em. Ba anh em chúng tôi chỉ ở với mẹ ba hôm. Tối hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đứa tôi tập tễnh,

khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau. Mẹ dẫn chúng tôi đi và mẹ đem đặt mỗi đứa vào một cái hang đất ở bờ ruộng phía bên kia, chỗ trông ra đầm nước mà không biết mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tình thương thành hang, thành nhà cho chúng tôi từ bao giờ. Tôi là em út, bé nhất nên được mẹ tôi sau khi đặt vào hang, lại bỏ theo một ít ngọn cỏ non trước cửa, để tôi nếu có lỡ ngộ, thì đã có ít thức ăn sẵn trong vài ngày.

Rồi mẹ tôi trở về.

Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi vừa thầm cảm ơn mẹ, vừa sạo sục thăm tất cả các hang mẹ đưa đến ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ở ngoài cửa và ngứng mặt lên trời. Qua những ngọn cỏ ấu non và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ tới nách, rồi cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to.

(Trích *Đế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài)

1. Phương án nào nêu đúng thông tin về đoạn trích?

- A. Là truyện các nhà văn viết cho thiếu nhi
- B. Là truyện lấy loài vật làm nhân vật và miêu tả chúng như con người
- C. Là truyện ngắn hiện đại viết sau Cách mạng tháng Tám 1945
- D. Là truyện do nhà văn Tô Hoài viết sau năm 1945

2. Trong đoạn trích, người kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ ba
- B. Ngôi thứ nhất
- C. Ngôi thứ nhất số nhiều
- D. Ngôi thứ hai

3. Phương án nào nêu đúng chi tiết giúp người đọc nhận ra loài dế?

- A. Luôn sống độc lập từ khi còn bé
- B. Thích ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ
- C. Sống trong hang đất ở bờ ruộng; ăn cỏ non
- D. Để xong là bố mẹ cho con cái ra ở riêng

4. Trạng ngữ "Tôi hôm thứ ba" trong câu "Tôi hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đưa tôi tập tễnh, khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau." trả lời cho câu hỏi nào?

- A. Ở đâu?
- B. Để làm gì?
- C. Khi nào?
- D. Như thế nào?

5. Câu nào tóm tắt đúng ý chính của đoạn trích?

- A. Nhân vật "tôi" kể về những anh em họ hàng nhà mình.
- B. Nhân vật "tôi" kể về hoàn cảnh gia đình mình khi mới sinh ra.
- C. Nhân vật "tôi" kể về việc cha mẹ cho ra ở riêng.
- D. Nhân vật "tôi" kể về cái hang và thức ăn của mình.

6. Phương án nào nêu đúng tính cách của nhân vật "tôi" trong đoạn trích?

- A. Thích sống độc lập
- B. Thích ỷ lại
- C. Thích được mẹ chăm sóc
- D. Thích vỗ đôi cánh nhỏ

b) Đọc đoạn trích sau và chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 7 đến câu 10):

Các loài vật trong tự nhiên không chỉ đơn thuần là các sinh vật vô tri, những khối xương, khối thịt để chúng ta khai thác cạn kiệt. Đó là các sản phẩm tuyệt vời của tự nhiên, sau nhiều triệu năm tiến hoá mới tạo ra được. Chúng góp phần làm cho cuộc sống trở nên phong phú hơn. Hãy thử tưởng tượng, một ngày chúng ta uống một lon bia Tai-gơ (Tiger) in hình con hổ mà không biết con hổ thực như thế nào. Đứa con yêu mến của bạn tô màu trên bức tranh loài tê giác mà thực tế chúng không bao giờ có cơ hội được nhìn thấy ngoài đời thực.

Quan trọng không kém, bảo tồn các loài động vật hoang dã, quý hiếm còn để duy trì sự cân bằng của sinh thái. Tự nhiên vốn có các quy luật tồn tại và vận hành, để đảm bảo các hệ sinh thái là những hệ thống hoàn chỉnh. Chu trình này hỗ trợ chu trình kia. Sự có mặt của loài này trợ giúp hoặc kìm hãm loài kia nhằm đảm bảo sự cân bằng tối ưu. Khi một loài bị tiêu diệt, có thể sẽ kéo theo sự mất cân bằng, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, từ cục bộ cho đến tất cả các hệ sinh thái và cuối cùng là cả Trái Đất. Khi các hệ sinh thái mất cân bằng, con người đương nhiên sẽ gánh chịu mọi hậu quả.

Đến đây, chúng ta có thể phần nào nhận thấy lí do vì sao phải thực hiện các biện pháp bảo tồn các loài động vật quý hiếm.

(Theo Nam Nguyễn – vnexpress.net)

7. Phương án nào trả lời được câu hỏi vì sao đoạn trích trên là văn bản nghị luận?

- A. Nêu lên các lí do nhằm thuyết phục mọi người bảo vệ động vật hoang dã
- B. Nêu lên các ví dụ về sự quý hiếm của các loài động vật hoang dã
- C. Nêu lên và miêu tả cụ thể các loài động vật hoang dã
- D. Nêu lên ý nghĩa của các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã

8. Câu nào sau đây có chủ ngữ được mở rộng?

- A. Đó là các sản phẩm tuyệt vời của tự nhiên.
- B. Chúng góp phần làm cho cuộc sống trở nên phong phú hơn.
- C. Đứa con yêu mến của bạn tô màu trên bức tranh loài tê giác.
- D. Tự nhiên vốn có các quy luật tồn tại và vận hành.

9. Đoạn trích trên nêu lên mấy lí do cần bảo vệ động vật hoang dã?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

10. Liệt kê các lí do mà em đã xác định (ở câu 9), mỗi lí do trình bày trong một câu văn ngắn gọn.

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau và viết thành bài văn ngắn (khoảng 2 trang):

Đề 1: Giới thiệu một nhân vật có tấm lòng nhân hậu trong các văn bản truyện đã học ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai và nêu lí do vì sao em thích nhân vật này.

Đề 2: Có ý kiến cho rằng việc nuôi chó, mèo trong nhà không những không có tác dụng gì mà còn mất vệ sinh, thậm chí có khi nguy hiểm. Em có tán thành suy nghĩ này không? Hãy nêu ý kiến của em và đưa ra các lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến ấy.

Blog Tailieu.com

Cánh Diều

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
An-đéc-xen	3, 16, 17, 20,...	đoạn văn	16, 27, 37, 40,...
ẩn dụ	41, 45	đọc hiểu	4, 5, 11, 16,...
bài thơ	27, 28, 31, 32,...	gieo vần	31, 41
bằng chứng	41, 42, 43, 47,...	giọng kể	23
biên bản	89, 104, 105, 106,...	hiện tượng	3, 22, 27, 47,...
biện pháp tu từ	27, 29, 33, 37,...	hình thức	3, 22, 25, 27,...
Cao Duy Sơn	76	hình thức nghệ thuật	28
câu	3, 4, 5, 13,...	hoán dụ	27, 37, 41, 45,...
câu chủ đề	47, 54, 55	hoạt động	3, 20, 21, 22,...
câu chuyện	6, 10, 11, 12,...	kiểu nhân vật	15, 20
câu phát triển chủ đề	47	Kim Lân	81
chi tiết	5, 10, 11, 12,...	kết bài	22, 43, 60, 82,...
chi tiết hiện thực	20	kết quả	49, 50, 54, 57,...
chi tiết kì ảo	11	khổ thơ	29, 31, 33, 34,...
chủ đề	3, 27, 45, 47,...	li lẽ	41, 42, 43, 47,...
chủ ngữ	3, 4, 16, 26,...	liên kết	22, 47, 54, 66,...
cụm danh từ	3, 16	lời người kể chuyện	65, 74, 87
danh từ	3, 16	lời nhân vật	65, 74, 87
dấu ngoặc kép	89, 91, 95, 97,...	Minh Huệ	28, 32, 36, 40
diễn biến	11, 22, 39, 81,...	miêu tả	35, 22, 27, 28,...
dòng thơ	5, 29, 33, 35,...	mở bài	22, 42, 59, 82,...
đại từ	3	ngắt nhịp	33, 34
đặc điểm	3, 11, 16, 20,...	nghị luận xã hội	47, 113
đề tài	3, 27, 41, 46,...	ngôi kể	66, 70, 71
đề mục	90, 95, 97, 102,...	nguyên nhân	44, 61, 63, 66,...
điệp	32	Nguyễn Nhật Ánh	70, 82
điệp từ	41, 46	ngữ điệu	23

người kể	3, 20, 23, 65,...	thơ	27, 28, 45, 112,...
nhà văn	3, 10, 11, 14,...	Tô Hoài	4, 10, 16, 75,...
nhân đề	4, 44, 45, 48,...	Tổ Hữu	27, 32, 35, 36,...
nhân hoá	45	từ láy	16, 22, 29, 33,...
nhân vật	3, 4, 10, 11,...	từ gốc Hán	48
nhân vật chính	4, 11, 66	từ Hán Việt	47, 48, 54, 63,...
nhịp	27, 44	từ thuần Việt	48, 54
nói và nghe	21, 23, 41, 43,...	tự sự	27, 28, 29, 40,...
nội dung	3, 11, 15, 21,...	tưởng tượng	9, 49, 51, 55,...
phép liên kết	54	trạng ngữ	65, 66, 75, 76,...
Pu-skin	3, 11, 15, 26,...	trải nghiệm	3, 11, 20, 21,...
quan hệ nguyên nhân – kết quả	89, 90, 98, 111	Trần Đăng Khoa	44
sa pô	89, 90, 91, 94,...	truyện cổ tích	15, 16, 20, 87
so sánh	41, 45, 75, 110,...	truyện đồng thoại	3, 4, 10, 26,...
sơ đồ	4, 27, 96, 102,...	truyện ngắn	17, 65, 66, 87,...
sự kiện	45, 89, 90, 91,...	U-xa-chốp	37, 42
sự vật	3, 22, 27, 36	văn bản	3, 4, 5, 10,...
Tạ Duy Anh	65, 66, 75, 82	văn bản nghị luận	47, 48, 53, 112,...
tả cảnh sinh hoạt	65, 66, 80, 81,...	văn bản thông tin	89, 90, 102, 112,...
tác giả	4, 11, 15, 28,...	văn bản đa phương thức	113
tác phẩm	4, 35, 36, 41,...	văn xuôi	65
thành ngữ	76, 7, 16, 37,...	văn	27, 31, 41, 44,...
thân bài	22, 42, 59, 82,...	viết	3, 10, 16, 20,...
thể loại	87, 112, 113, 114	vị ngữ	3
thuyết minh	114	yếu tố tự sự, miêu tả	27, 28, 40, 41,...

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên riêng phiên âm	Tên riêng nguyên gốc	Trang
An-đéc-xen	Andersen	3, 16, 17, 20, 26, 112
Ăt Phrai	Art Fry	101
Ca-ri Mun Lếch Hau-xơ	Carey Moon Lake House	100
Crit-xti-an Xai-on Mo-ni-to	Christian Science Monitor	99
Ê-vơ-rét	Everest	52
Gia-ca-ri-a	Zakaria	54
Giơ-ne-vơ	Geneva	109
Gioóc Crăm	George Crum	100
Giô-sép Mác Vích-cơ	Joseph McVicker	99
Hi-ma-lay-a	Himalaya	52
Mát-xcơ-va	Moskva	37
Niu Ốc	New York	100
Ô-hai-ô	Ohio	99
Phrăng Êp-pơ-xơn	Frank Epperson	100
Pốp-xi-cô	Popsicle	100
Pu-skin	Pushkin	3, 11, 15, 26, 41, 112
Tim Bơ-nơ-Li	Tim Berners-Lee	109, 110
U-xa-chốp	Usachev	37, 42
Xan Phran-xi-xcô	San Francisco	100
Xa-ra-tô-ga	Saratoga	100
Xpen-xơ Xin-vơ	Spencer Silver	101

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
1	<i>bào</i>	5, 6	bọc, nhau thai, vật sống có màng bọc	đồng bào, đa bào, đơn bào, tế bào,...
2	<i>cải</i>	8, 10	thay đổi, sửa đổi	cải biến, cải cách, cải chính, cải thiện, cải tiến, cải tạo, cải tổ, cải trang,...
3	<i>chí</i>	6	nhất, rất, hết sức	chí công vô tư, chí hiểu, chí li, chí nguy, chí nhân, chí tình,...
4	<i>chiến</i>	Mở đầu, 4, 5,...	chiến đấu, chiến tranh	chiến bào, chiến binh, chiến công, chiến dịch, chiến đấu, chiến hạm, chiến hào, chiến hữu, chiến khu, chiến lũy, chiến lược, chiến sĩ, chiến sự, chiến thắng, chiến thuật, chiến tranh, chiến trường, chiến tuyến, hiện chiến, kháng chiến,...
5	<i>công</i>	1, 5, 7,...	chung	công an, công bố, công chúng, công cộng, công cuộc, công dân, công khai, công lập, công luận, công phần, công quỹ, công tác, công văn,...
6	<i>công</i>	6	không thiên vị	công bằng, công li, công minh,...
7	<i>cổ</i>	Mở đầu, 1, 4	- xưa - lâu năm	- cổ tích, cổ truyền, cổ văn, khảo cổ, ... - cổ kính, cổ thụ,...
8	<i>đoạn</i>	3	cắt, hết, chấm dứt	đoạn hậu, đoạn tang, đoạn trường, đoạn tuyệt,...
9	<i>du</i>	Mở đầu, 3, 4,...	đi chơi	du khách, du kí, du lịch, du ngoạn, du thuyền, mộng du, ngao du,...
10	<i>đồng</i>	Mở đầu, 1, 2,...	cùng, giống nhau	đồng bào, đồng ca, đồng cảm, đồng chí, đồng dạng, đồng diễn, đồng đội, đồng hoá, đồng lương, đồng khởi, đồng nghiệp, đồng ngũ, đồng môn, đồng phục, đồng thanh, đồng đồng, tương đồng,...

11	<i>động</i>	Mở đầu, 1, 2,...	cử động, chuyển động	<i>động cơ, động lực, động vật, động tác, động thái, động tĩnh, bất động, cử động, hành động, hiểu động, hoạt động, năng động,...</i>
12	<i>giả</i>	Mở đầu, 1, 2,...	người	<i>dịch giả, diễn giả, độc giả, học giả, khán giả, sử giả, tác giả, thỉnh giả,...</i>
13	<i>giản</i>	Mở đầu, 2, 3,...	sơ lược, sơ sài	<i>giản dị, giản đơn, giản lược, giản tiện, giản yếu, tinh giản,...</i>
14	<i>hãnh</i>	3, 6, 7,...	tự hào, kiêu căng	<i>hãnh diện, hãnh tiến, kiêu hãnh,...</i>
15	<i>hoài</i>	9	nhớ	<i>hoài cổ, hoài hương, hoài niệm, hoài vọng, cảm hoài,...</i>
16	<i>khả</i>	4, 5, 8,...	– đáng – có thể	<i>– khả ái, khả nghi, khả ố, ... – khả dĩ, khả năng, khả thi, lưỡng khả,...</i>
17	<i>khí</i>	1	tinh thần, khí thế	<i>khí chất, khí khái, khí phách, khí thế, nhuệ khí, sinh khí,...</i>
18	<i>kì</i>	1, 4, 6	lạ	<i>kì ảo, kì dị, kì diệu, kì quan, kì tài, kì tích, kì vĩ, hiểu kì,...</i>
19	<i>ki</i>	Mở đầu, 3, 6,...	nhớ, ghi	<i>du ki, hồi ki, nhật ki, kỉ sự,...</i>
20	<i>kiến</i>	Mở đầu, 2, 3,...	nhìn thấy	<i>chứng kiến, diện kiến, yết kiến,...</i>
21	<i>lâm</i>	4, 5	– đến – gặp – chính lúc đó	<i>– lâm chung – lâm nạn, lâm nguy, lâm sự, ... – lâm thời</i>
22	<i>lạm</i>	8	quá mức, vượt quá giới hạn quy định, cho phép	<i>lạm dụng, lạm phát, lạm quyền, lạm sát, lạm thu,...</i>
23	<i>liệu</i>	Mở đầu, 1, 2,...	vật, chất dùng để chế tác, chế biến	<i>chất liệu, tài liệu, tư liệu, vật liệu, hương liệu, nguyên liệu,...</i>
24	<i>miệt</i>	3	coi rẻ	<i>miệt thị, khinh miệt,...</i>
25	<i>nghĩa</i>	1, 7	việc nên làm, việc hợp với chính nghĩa	<i>nghĩa cử, nghĩa hiệp, nghĩa khí, nghĩa quân, nghĩa vụ, chính nghĩa,...</i>
26	<i>nguy</i>	1, 6, 8,...	không an toàn	<i>nguy biến, nguy cơ, nguy hiểm, nguy kịch, nguy nan,...</i>

27	<i>nguy</i>	3	– giả dạng – bất hợp pháp	– <i>nguy</i> tạo, <i>nguy</i> trang, <i>nguy</i> biến,... – <i>nguy</i> quân, <i>nguy</i> quyền,...
28	<i>nhu</i>	8, 10	lây lan, thấm vào, nhuộm vào	<i>nhu</i> trùng, ô <i>nhu</i> , truyền <i>nhu</i> , <i>tiêm</i> <i>nhu</i> ,...
29	<i>nhu</i>	8, 10	cần thiết, cần dùng	<i>nhu</i> cầu, <i>nhu</i> yếu phẩm, <i>quần</i> <i>nhu</i> ,...
30	<i>phấn</i>	3, 8	hăng hái, gắng sức	<i>phấn</i> chấn, <i>phấn</i> đấu, <i>phấn</i> khích, <i>phấn</i> khởi, <i>hung</i> <i>phấn</i> ,...
31	<i>quyết</i>	1, 3, 5,...	dứt khoát, không do dự	<i>quyết</i> định, <i>quyết</i> đoán, <i>quyết</i> liệt, <i>quyết</i> tâm, <i>quyết</i> thắng, <i>quả</i> <i>quyết</i>
32	<i>sĩ</i>	1, 3, 4,...	– người có học vấn – binh lính – cách gọi tỏ ý tôn trọng	– <i>sĩ</i> phu, danh <i>sĩ</i> , chí <i>sĩ</i> , nho <i>sĩ</i> ,... – chiến <i>sĩ</i> , binh <i>sĩ</i> ,... – <i>đúng</i> <i>sĩ</i> , <i>liệt</i> <i>sĩ</i> , <i>lực</i> <i>sĩ</i> , <i>tráng</i> <i>sĩ</i> ,...
33	<i>sinh</i>	Mở đầu, 1, 3,...	– sống – đẻ	– <i>sinh</i> động, <i>sinh</i> hoạt, <i>sinh</i> học, <i>sinh</i> kế, <i>sinh</i> khí, <i>sinh</i> linh, <i>sinh</i> lực, <i>sinh</i> mạng, <i>sinh</i> thái, <i>sinh</i> tồn, <i>sinh</i> vật, <i>trưởng</i> <i>sinh</i> ,... – <i>sinh</i> trưởng, <i>sinh</i> thành, <i>sinh</i> sản,...
34	<i>sung</i>	3, 4, 6, 8,...	đầy	<i>sung</i> mãn, <i>sung</i> túc, bỏ <i>sung</i> ,...
35	<i>tài</i>	1, 6, 8	tiền của	<i>tài</i> chính, <i>tài</i> nguyên, <i>tài</i> khoản, <i>tài</i> sản, <i>tài</i> trợ, <i>gia</i> <i>tài</i> , <i>tiền</i> <i>tài</i> ,...
36	<i>tha</i>	3, 9	khác, người khác	<i>tha</i> hoá, <i>tha</i> hương, <i>tha</i> phương, <i>vị</i> <i>tha</i> ,...
37	<i>thiên</i>	1, 3, 4,...	trời	<i>thiên</i> địa, <i>thiên</i> đình, <i>thiên</i> đường, <i>thiên</i> hà, <i>thiên</i> hạ, <i>thiên</i> lõi, <i>thiên</i> nhiên, <i>thiên</i> phú, <i>thiên</i> sứ, <i>thiên</i> tai, <i>thiên</i> tài, <i>thiên</i> thần, <i>thiên</i> thời, <i>thiên</i> văn,...
38	<i>thông</i>	1, 4, 8,...	hiểu biết, thông suốt	<i>thông</i> cảm, <i>thông</i> minh, <i>thông</i> thái,...
39	<i>tình</i>	Mở đầu, 2, 3,...	trạng thái	<i>tình</i> cảm, <i>tình</i> cảnh, <i>tình</i> hình, <i>tình</i> huống, <i>tình</i> thể, <i>tình</i> trạng,...
40	<i>tiên</i>	8	trước	<i>tiên</i> đề, <i>tiên</i> đoán, <i>tiên</i> phong, <i>tiên</i> quyết, <i>tiên</i> tri, <i>tiên</i> vương, <i>tổ</i> <i>tiên</i> ,...

41	tri	5	biết	tri âm, tri ân, tri giác, tri kỉ, tri thức, cổ tri,...
42	triệu	5	gọi, mời	triệu hồi, triệu tập,...
43	trường	Mở đầu, 4, 5,...	nơi, chỗ, vùng	hiện trường, môi trường, từ trường,...
44	tuần	1	tài giỏi hơn người	tuần kiệt, tuần tù, anh tuấn,...
45	tục	1	thói quen trong dân gian	tục lệ, tục truyền, tập tục,...
46	ủy	5	giao phó cho	ủy ban, ủy nhiệm, ủy quyền, ủy thác, ủy viên,...
47	việt	9	vượt qua	việt vĩ, ưu việt,...
48	xâm	1, 3, 7	lấn sang phạm vi của người khác, sự vật khác	xâm lăng, xâm lược, xâm nhập, xâm phạm, ngoại xâm,...
49	xuất	1, 3, 4,...	– ra – vượt qua	– xuất bản, xuất cảng, xuất cảnh, xuất hành, xuất hiện, xuất huyết, xuất khẩu, xuất kích, xuất ngũ, xuất phát, xuất quân, xuất siêu, xuất thân, xuất trận, xuất trình, xuất xứ, sản xuất, ... – xuất chúng, xuất sắc, kiệt xuất,...
50	yếu	Mở đầu, 1, 2,...	chính, quan trọng	yếu điểm, yếu lược, yếu nhân, yếu tố, trích yếu, sơ yếu,...

MỤC LỤC

Bài	Nội dung	Trang
6. Truyện	• Yêu cầu cần đạt	3
	• Kiến thức ngữ văn	3
	• Đọc hiểu văn bản	4
	– Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)	4
	– Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu-skin)	11
	• Thực hành tiếng Việt	16
	• Thực hành đọc hiểu	16
	<i>Cô bé bán diêm (An-đéc-xen)</i>	16
	• Viết: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ	20
	• Nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ	23
	• Tự đánh giá	24
	• Hướng dẫn tự học	26
7. Thơ	• Yêu cầu cần đạt	27
	• Kiến thức ngữ văn	27
	• Đọc hiểu văn bản	28
	– Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ)	28
	– Luộm (Tổ Hữu)	32
	• Thực hành tiếng Việt	36
	• Thực hành đọc hiểu	37
	<i>Gấu con chân vòng kiềng (U-xa-chốp)</i>	37
	• Viết: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả	40
	• Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề	41
	• Tự đánh giá	43
	• Hướng dẫn tự học	46

8. Văn bản nghị luận	• Yêu cầu cần đạt	47
	• Kiến thức ngữ văn	47
	• Đọc hiểu văn bản	48
	– <i>Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?</i> (Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)	48
	– <i>Khan hiếm nước ngọt</i> (Theo Trịnh Văn)	51
	• Thực hành tiếng Việt	54
	• Thực hành đọc hiểu	55
	<i>Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?</i> (Theo Thuý Dương)	55
	• Viết: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống	58
	• Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống	60
	• Tự đánh giá	61
9. Truyện	• Hướng dẫn tự học	64
	• Yêu cầu cần đạt	65
	• Kiến thức ngữ văn	65
	• Đọc hiểu văn bản	66
	– <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh)	66
	– <i>Điều không tính trước</i> (Nguyễn Nhật Ánh)	70
	• Thực hành tiếng Việt	75
	• Thực hành đọc hiểu	76
	<i>Chích bông ơi!</i> (Cao Duy Sơn)	76
	• Viết: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	80
	• Nói và nghe: Thảo luận nhóm về một vấn đề	82
	• Tự đánh giá	84
	• Hướng dẫn tự học	88

10. Văn bản thông tin	• Yêu cầu cần đạt	89
	• Kiến thức ngữ văn	89
	• Đọc hiểu văn bản	90
	– <i>Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng</i> (Theo Nguyệt Cát)	90
	– <i>Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?</i> (Theo thethaovanhoa.vn)	94
	• Thực hành tiếng Việt	97
	• Thực hành đọc hiểu	98
	<i>Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”</i> (Theo khoa hoc.tv)	98
	• Viết	102
	– Tóm tắt văn bản thông tin	102
	– Viết biên bản	104
	• Nói và nghe: Thảo luận nhóm về một vấn đề	107
	• Tự đánh giá	109
	• Hướng dẫn tự học	111
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II		112
Bảng tra cứu từ ngữ		118
Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		120
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt thông dụng		121

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 - Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập

LÊ THANH HÀ

Biên tập:

NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI – NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ

LÊ THỊ BÍCH HẢO

Trình bày bìa:

LÊ PHƯƠNG

Thiết kế sách:

LÊ ANH TUẤN

Minh họa:

PHẠM LAN ANH – GIÁP THỊ HỒNG NHUNG

LÊ ANH TUẤN

Sửa bản in:

LÊ THỊ BÍCH HẢO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Lâm Viên Complex, 107A Nguyễn Phong Sắc, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 6, tập hai

Mã số:
ISBN:

Is cuốn, khổ 19 x 26.5cm, tại
Địa chỉ:
Cơ sở in:
Số xác nhận đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản số:/QĐ-..... ngày/.....
Is xong và nộp lưu chiểu năm

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



BlogTailieu.com



Sách giáo khoa Ngữ văn 6 được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các bài học chính trong sách được thiết kế theo mô hình tích hợp, lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề, đề tài của văn bản làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (thông qua rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe) đồng thời phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cho học sinh.



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Dùng điện thoại quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập vào trang web: <https://canhdiem.monkey.edu.vn>
2. Vào mục hướng dẫn (canhdiem.monkey.edu.vn/huong-dan) để xem hướng dẫn kiểm tra sách giả và kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.



SÁCH KHÔNG BẮN